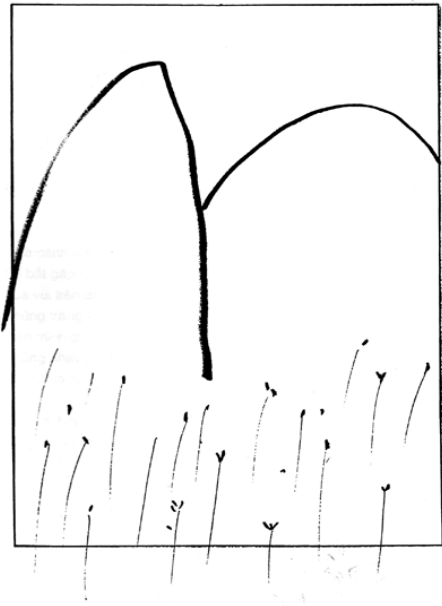


F O R U M



Lê Thiết Cương, Hoa đại

Mục lục

2 Điểm sách và sinh hoạt

Thời sự, những vấn đề

1 Bùng nổ ngoại ô ở Pháp Nguyễn Quang

4 Hồ sơ : THAM NHỮNG

8 Tin tức Việt Nam

10 Nghĩ vụn Nguyễn Lộc

Hồ sơ đặc biệt

14 Tôi bị bắt (hồi kí) Trần Vàng Sao

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

20 Mùa thu cho em Nguyễn Lộc

21 Kiến trúc hoành tráng Văn Ngọc

24 Ác mộng (thơ) Hoàng Hưng

28 Đọc lại thơ Xuân Diệu Thanh Thảo

29 Hoả châu (truyện ngắn) Vũ Hồi Nguyễn

NGUYỄN QUANG

Bùng nổ ngoại ô : thất bại của mô hình Pháp ?

Ba tuần lễ bạo động ở các khu ngoại ô các thành phố phải chăng đã đưa nước Pháp tới mép bờ một cuộc nội chiến và làm chao đảo nền tảng của chế độ cộng hoà ? Biên tập viên Diễn Đàn, và chắc nhiều bạn đọc ở Pháp cũng thế, đã nhận được không biết bao nhiêu cú điện thoại hay imeo của thân nhân và bè bạn lo lắng hỏi thăm từ các nước khác. Của đáng tội, nhìn từ xa, ai chẳng lo khi thấy những cánh khói lửa và xô xát trong đêm tối, nhất là qua ống kính phóng đại và những lời bình luận « ngày tận thế » của các đài truyền hình, nhất là đài Anh-Mĩ. Vậy mà không phải vậy. Cổ nhiên, chỉ cần nêu lên vài con số cũng thấy rõ mức độ nghiêm trọng : hàng ngàn xe hơi bị đốt cháy, hàng trăm người bị bắt giam, hàng chục cơ quan công cộng (trong đó có những trường mẫu giáo) và thiết bị đã bị huỷ hoại ; song cũng phải « tương đối hoá » đôi chút. Trước tiên, đốt xe đã trở thành một « tập tục » ở Pháp : mỗi năm, hàng ngàn chiếc xe bị đốt cháy ở những khu ngoại ô, nhất là trong dịp tết dương lịch. Và ở các khu « nóng », tối nào cảnh sát và thanh niên cũng « chơi » trò cao bồi và người da đỏ. Vừa qua, với tần số và cường độ tăng cao, những vụ xung đột ấy có thể gọi là bạo động hay bạo loạn nhưng bản chất không có gì thay đổi. Thứ nữa, điều có thể gây ấn tượng là các điểm xung đột xảy ra cùng khắp và cùng lúc, nhưng thật ra những thanh niên gây bạo động chỉ là một thiểu số bé nhỏ và các cuộc phá phách loạn đã chưa bao giờ biến thành một cuộc « ngoại ô đồng khởi » chống lại uy quyền Nhà nước (như đã từng xảy ra ở khu Watts hay ở thành phố Los Angeles bên Mĩ). Cuối cùng, « phong trào » này không hề chuyển thành một cuộc vận động chính trị. Chính quyền tỏ ra bắt lực, nhưng phe đối lập dường như á khẩu, các nhóm cực tả cũng im như thóc.

(xem tiếp trang 13)

NGHỆ THUẬT CHĂM tại PARIS

Viện bảo tàng nghệ thuật Á châu GUIMET

6, place d'Iéna, 79016 PARIS,

Tél : 01 56 52 53 00 ; <http://www.museeguemet.fr/>

mở cửa mỗi ngày (trừ thứ ba) từ 10g đến 18g
tổ chức triển lãm

Trésors d'art du Vietnam :
la sculpture du Champa (Ve - XVe siècles)
12 octobre 2005 – 9 janvier 2006

Tập hợp những tác phẩm điêu khắc Chăm của các Viện tàng Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn, các Viện bảo tàng Guimet Paris và Lyon, Viện bảo tàng Rietberg ở Zurich

Nhân dịp này, Viện bảo tàng Guimet sẽ chiếu một số phim truyện Việt Nam : *Mùa hè chiều thẳng đứng (A la verticale de l'été)* của **Trần Anh Hùng** (thứ tư 14.12, 12g15), *Mùa ổi (La saison des goyaves)* của **Đặng Nhật Minh** (thứ tư 4.1, 12g15), *Cyclo* của **Trần Anh Hùng** (thứ tư 25.1, 12g15) và những phim tài liệu : *Les oubliées de la piste Ho Chi Minh* của **L. Jourdan** (thứ sáu 16.12, 12g15), *Chroniques du coq et du dragon* của **P. Barbéris** và **M. Ferro**, *Le silence des rizières* của **F. Albert** (thứ sáu 13.1, 12g15), *Les enfants de la paix* của **J.M. Carré** (thứ sáu 27.1, 12g15).

Xem chi tiết trên mạng : mapage.noos.fr/amis.de.guimet

Triển lãm tác phẩm của Đào Droste

Triển lãm thường trực các tác phẩm hội họa, điêu khắc, sắp đặt tại xưởng làm việc của tác giả

Atelier & Galerie DAO

EPPELHEIM (Đức)

Wasserrurmstr. 56 (*letztes haus rechts*)

Liên lạc trước : +49 6221 765138 (điện thoại) hay qua email : dao.droste@t-online.de

www.daodroste.de

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuần Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

SÁCH BÁO ĐÃ... MỚI



NGUYỄN THIÊN ĐẠO

Sóng nhất nguyên

DVD nhạc do Dihavina phát hành, 2003

1. *Sóng hồn* (2000, 10')

Dàn nhạc giao hưởng Hà Nội; chỉ huy :
Nguyễn Thiên Đạo

2. *Sóng nhất nguyên* (2002, 25')

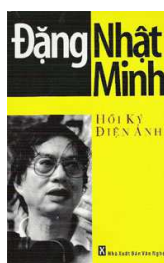
Dàn nhạc giao hưởng Việt Nam ; chỉ huy :

Nguyễn Thiên Đạo

3. *Từ tàu đàn dây I* (1991, 14'44")

4. *Arco vivo* (2002, 10'), độc tấu cello.

Thực hiện : Nguyễn Thụy Kha và tác giả



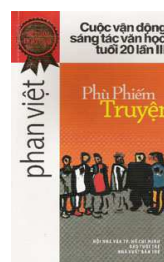
ĐẶNG NHẬT MINH

Hồi ký Điện ảnh

Nxb Văn Nghệ, 2005, 290tr.

Đặng Nhật Minh là đạo diễn hàng đầu của nền điện ảnh Việt Nam, đồng thời là tác giả những truyện ngắn xuất sắc, và những kịch bản của hầu hết các phim truyện mà anh đã thực hiện (ngoại trừ Thương nhớ đồng quê, lấy hứng từ truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Huy Thiệp).

Vì vậy, *Hồi ký Điện ảnh* của anh đáng tìm đọc. Trước hết vì giá trị hồi kí, kể lại con đường đưa cậu bé cùng mẹ từ Huế lên chiến khu Việt Bắc gặp cha (giáo sư Đặng Văn Ngữ) và cuối cùng, ngẫu nhiên, tới điện ảnh. Sau đó là cuộc sống của điện ảnh Việt Nam những năm "đổi mới". Gần 1/3 cuối sách là những bài Đặng Nhật Minh viết về điện ảnh.



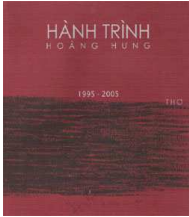
PHAN VIỆT

Phù phiếm truyện

Nxb Trẻ, 2005, 206 tr.

Phan Việt là bút danh của một nhà văn trẻ, cô Nguyễn Ngọc Hương, sinh năm 1978. Tập truyện này được giải nhì "Văn học tuổi 20" lần thứ III (năm nay) của báo Tuổi Trẻ và Hội nhà văn TP. Hồ Chí Minh. Phần lớn truyện ngắn trong *Phù phiếm truyện* được sáng tác trong thời gian tác giả làm luận án tiến sĩ tại Chicago. Cái nhìn "lạ" của một phụ nữ trẻ, có văn hoá, về những khía cạnh của xã hội Mỹ, về những con người (Mỹ và nước ngoài) sống ở Mỹ. Một ngòi bút độc đáo, cá tính.

Phan Việt là một trường hợp tiêu biểu, cho phép ta tin tưởng ở thế hệ 20 tuổi.



HOÀNG HƯNG

Hành trình

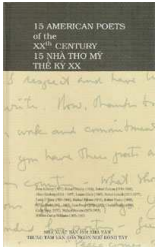
1995-2005

thơ, nxb Hội nhà văn, 2005

Do một sự tình cờ, chúng tôi nhận được tập thơ này gần như cùng lúc với tập thơ *Ác Mộng* của tác giả (xem bài trong số này).

Đây là tập thơ thứ tư được xuất bản của Hoàng Hưng, sau *Đất nằng* (1970), *Ngựa biển* (1988), *Người đi tìm mặt* (1994).

Hành trình cho ta đi vào thế giới thơ đa dạng và luôn luôn đổi mới của Hoàng Hưng, đồng thời ghi lại những cảm hứng của tác giả trên đường rong ruổi ở Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ trong một thập niên.



15 American Poets of the XXth Century

15 Nhà thơ Mỹ Thế kỷ XX

nxb Hội nhà văn / Trung tâm văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2004, 360 trang

Chủ biên : Hoàng Hưng

Biên dịch : Cù An Hưng, Hoàng Hưng, Phan Nhiên Hạo, Trịnh Lữ

Hợp tuyển thơ song ngữ của 15 tác giả Mỹ John Ashbery, Robert Creeley, Robert Duncan, Allen Ginsberg, Louise Gluck, Robert Lowell, Frank O'Hara, Michael Palmer, Robert Pinsky, Sylvia Plath, Ezra Pound, Charles Simic, Cathy Song, Wallace Stevens, William Carlos Williams. Bản dịch tiếng Việt là kết quả cộng tác của những nhà thơ Việt Nam trong nước và ngoài nước.

Hoàng Hưng đã từng chủ biên *100 bài thơ tình thế giới* (1987), *Thơ Federico Garcia Lorca* (1988), *Thơ Pasternak* (1988), *Thơ Apollinaire* (1997), *Các nhà thơ Pháp cuối thế kỷ XX* (2002).

KIẾN VĂN

ĐÍNH CHÍNH : Bài Trò chuyện với nhà thơ Thanh Thảo về nhật kí Đặng Thuỳ Trâm số 156, tháng 11-05, trang 24, cột 1, dòng 25, xin đọc ngày 9-10 (thay vì 16-10).

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Linh mục **Alphonse Nguyễn Hồ Đình**

đã từ trần ngày 1.11.2005 tại Pháp sau một cơn bạo bệnh, thọ 70 tuổi. Lễ tang đã cử hành tại Louveciennes ngày 5.11.2005.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng Dòng Chúa Cứu Thế và toàn thể tang quyến.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

.....

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CDN đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Luật phòng chống tham nhũng hay/và quy luật Năm Cam ?

Hải Vân

Mặc dù có đưa cho đại biểu quốc hội thảo luận và người dân góp ý trong thời gian sáu tháng, dự luật « phòng chống tham nhũng » được kỳ họp Quốc hội tháng 11 thông qua trong một bầu không khí xã hội tương đối thờ ơ, nếu không nói là ngờ vực việc nâng cấp pháp lệnh phòng chống tham nhũng thành luật chỉ phục vụ một yêu cầu đối ngoại - lộ trình Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO [xem *Diễn Đàn* tháng 7 2005]. Bản thân những đại biểu quốc hội cũng không kỳ vọng, với ra đời của bộ luật mà họ biểu quyết, nạn tham nhũng đang hoành hành hệ thống công quyền sẽ được đẩy lùi. Một số đông thừa nhận rằng sự bùng nổ của tham nhũng trong những năm qua không do thiếu luật - mặc dù bổ sung nó là cần thiết - mà do thiếu quyết tâm thi hành luật và xử lý rứt ráo trách nhiệm cá nhân và tập thể phạm pháp trong bộ máy nhà nước và đảng cầm quyền.

Trong một bài phát biểu khá thẳng thắn đăng trên báo *Nhân Dân* (23.9.05), đại biểu Võ Văn Kiệt, trước đây là thủ tướng, nhắc rằng nhà nước đã có Pháp lệnh phòng chống tham nhũng, có Ban chỉ đạo chống tham nhũng, Đảng cộng sản có Điều lệ, có 'Ban chỉ đạo thực hiện nghị quyết Trung ương 6-2' của bộ chính trị (do uỷ viên thường trực ban bí thư điều hành với phương tiện của các ban có chức năng bảo vệ pháp luật), và ông nhấn mạnh : « Toàn bộ hệ thống chính trị của chế độ, bao gồm từ Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội cho đến nhà nước, chưa bao giờ có số lượng thành viên đông đảo như hiện nay. Ở cấp cơ sở xã, phường, nếu tính tuổi thành viên đến 60 tuổi thì có 80-90% số người tham gia các tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Trong các cơ quan và các ngành thuộc hệ thống nhà nước thì tỷ lệ đó là 100% ». Thế mà « phần lớn các vụ tham nhũng được xử lý đều do dân phát hiện ». Và, sau khi vụ việc được đưa ra xử lý, « gần như chưa có tổ chức, đoàn thể nào bị xử lý trách nhiệm đủ nghiêm về mặt kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính, kỷ luật các đoàn thể, [...] trách nhiệm của các tổ chức này bị hạ thấp dẫn đến mức coi như đứng ngoài vụ việc ». Có thể nói rằng hệ thống chính trị, với cả bộ phận bảo vệ pháp luật và bài trừ tham nhũng, « "né" [cuộc] đấu tranh chống tham nhũng ». Nguyên thủ tướng còn nhận định rằng « ở một số nơi, có sự thoả hiệp trong lãnh đạo, điều hành các cấp ».

Đúng ra, nếu có « thoả hiệp »- như ông Kiệt nêu lên - thì nó không chỉ « trong lãnh đạo » mà còn giữa cấp lãnh đạo với

các cấp dưới quyền, một thoả hiệp mang tính xã hội. Thoả hiệp đó không chỉ « ở một số nơi » mà là phổ biến, trở thành một cơ chế xã hội. Phải nói rằng phát biểu của nguyên thủ tướng, như hầu hết các bài góp ý về dự luật phòng chống tham nhũng vừa qua, đều nhắm vào nạn tham nhũng « lớn » tại các cấp quyền chức cao gồm những vụ án tập trung sự chú ý của công luận. Trong khi đó thì tham nhũng xảy ra ở mọi cấp quyền lực, đặc biệt ở các cấp thấp nhất, dưới dạng những nhiễu, vôi vĩnh của một thư ký phường xã, một cảnh sát giao thông, một hộ lý ở bệnh viện... Như ông Nguyễn Sĩ Dũng, phó chủ nhiệm văn phòng quốc hội, ghi lại trên báo *Tuổi Trẻ* (27.9.2005) : « Bạn có thể bị bắt phải sửa lên sửa xuống lá đơn của mình cho đến khi bạn hiểu ra rằng vấn đề hoàn toàn không nằm ở lá đơn, mà nằm ở chiếc phong bì không được gửi kèm với lá đơn đó ». Hầu như không giấu giếm, nạn tham nhũng « nhỏ » này có thể không gây tổn thất nghiêm trọng cho xã hội, song trong cuộc sống hằng ngày của người dân nó gây nhiều bất bình nhất.

Một quan điểm so sánh có thể hữu ích để đánh giá nạn ăn hối lộ ở Việt Nam. Tình trạng ăn hối lộ phổ biến trong bộ máy công quyền từ trên xuống dưới là đặc điểm chung - với những mức độ có thể khác nhau - của các nước kém phát triển : dù cho ý nghĩa của nó chỉ tương đối, báo cáo 2005 của Tổ chức minh bạch quốc tế (Transparency International), xác lập chỉ số cảm nhận tham nhũng CPI (Corruption Perception International) ở 159 nước trên thế giới, xếp hạng các nước kém phát triển ở 2/3 cuối bảng với số điểm dưới 3/10 (Việt Nam ở hạng 107 với 2,6 điểm). Đặc điểm của các nước phát triển là chỉ một số ít quan chức bên trên - chủ yếu là người nắm quyền quyết định các hợp đồng qui mô lớn - mới khả dĩ ăn hối lộ. Từ đó mà, khi nó nghiêm minh, pháp luật có tác dụng hạn chế hiện tượng tham nhũng vào những trường hợp cá biệt - khác với các nước kém phát triển là những nơi bài toán phòng chống tham nhũng không thể tìm lời đáp trong pháp luật.

Trong một bài nhận định sâu sắc hiếm hoi có thể đọc được hiện nay ở Việt Nam [xem bài viết dưới đây - đã đăng trên tạp chí *Lập Pháp* (tháng 9.2005) và được nhiều báo điện tử đăng lại, trong đó có *cpv.org.vn* của Đảng cộng sản], nhà toán học Hoàng Tuy đề nghị nắm bắt tính đặc thù của tham nhũng Việt Nam không chỉ qua phân biệt hai phạm trù cấp trên/cấp dưới, mà trong mối tương quan biện chứng - mà ông gọi là « cơ chế » - giữa hai phạm trù đó : « Không chỉ cấp cao, có nhiều quyền lực mới tham nhũng, mà tham nhũng tràn lan, phổ biến, từ dưới phát triển lên cao dần, càng lên cao càng trầm trọng và càng khó phát hiện vì được bảo vệ bởi cái vỏ bọc kiên cố từ dưới ». Ông Tuy nhấn mạnh : « Cấp dưới trở thành vỏ bọc che chắn cho cấp trên, rồi cấp trên lại che chắn cho cấp trên nữa, cứ như thế tham nhũng đi dần từ dưới lên, từ cơ sở lên đến trung ương, càng lên tham nhũng càng tinh vi. Đến mức là trong nhiều cơ quan, ai đứng ngoài hệ

thống tham nhũng sớm muộn đều bị đánh bật ra khỏi cơ quan ».

Đó là lý do vì sao giải pháp đấu tranh nội bộ trong cơ quan mà luật phòng chống tham nhũng chủ trương không thể khả thi ; nó cũng giải thích tại sao hầu hết các vụ tham nhũng đều là do người dân và công luận phát hiện và tố cáo. Đối với một cơ quan, tham nhũng là ‘một nỗi cơn chung’, cho nên một thủ trưởng đứng lên chống tham nhũng trong cơ quan mình thì không khác nào là « chống lại mình », như đại biểu Nguyễn Đình Lộc, nguyên bộ trưởng tư pháp, xác nhận. Còn các cơ quan chuyên trách chống tham nhũng thì, nếu có can thiệp vào, thường là « không để chống tiêu cực mà để ‘làm ăn’ » - ông Lộc thừa nhận. Như vậy là những kẻ trao hối lộ, những kẻ ăn hối lộ, những kẻ cầm cân nảy mực đều tham gia vào một « cuộc đàn xếp không lồ » - theo lời của ông Lê Đăng Doanh, nguyên viện trưởng nghiên cứu Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

Trong bài điều trần của ông, giáo sư Hoàng Tụy phê phán luật phòng chống tham nhũng chỉ nhằm phát hiện và trừng trị hành vi tham nhũng, tức « chỉ chống ở phần ngọn » : bởi vì nếu muốn thật sự bài trừ tham nhũng thì phải « phòng chống từ gốc », tức là chống những cơ chế sinh ra nó, mà « phi lý và tiêu cực nhất » là cơ chế tiền lương và thu nhập của công chức, cán bộ. Cho đến nay, tiền lương cơ bản của công chức chỉ cho phép họ đủ sống khoảng mười ngày trong tháng. Phần còn lại, chính quyền chủ trương mỗi cơ quan ‘tự xoay xở’ và nhà nước ‘làm lơ’ trước những cách làm ít nhiều không hợp pháp. Và, sau cuộc cải cách tiền lương bước vào nền kinh tế thị trường ở cuối thập niên 80, chủ trương không nói ra của chính quyền còn là ‘nhắm mắt’ để cho mỗi công chức ‘tự xoay’, đi tìm những nguồn thu nhập ngoài lương có tính không chính quy. Kết quả là nhờ các khoản thu nhập ‘phụ’ này, thường cao hơn mức lương ‘chính’ từ 3, 4 lần đến hàng chục lần, phần đông các công chức, cán bộ « có thể sống được, sống khỏe, sống không phải lo chén cơm manh áo như đại bộ phận người dân đang phải đối mặt » (báo *Doanh Nhân Sài Gòn*). Vậy mà, vừa qua, phó thủ tướng Vũ Khoan, nhân đi thăm một nhà máy của công ty Vinamilk, đã ‘làm bộ’ phát hiện rằng lương của ông không bằng lương của công nhân nhà máy.

Gần đây, chính phủ đã thiết lập một « lộ trình cải cách tiền lương », nhằm chuẩn bị việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO, với chủ trương nâng dần mức lương tối thiểu - hiện là thấp nhất ở vùng Đông Nam Á - để đến gần điều kiện thực tế hơn và tiến tới thống nhất tiền lương tối thiểu giữa hai khu vực công và tư. Song, như ông Tụy có nhận xét, « đề án mới bắt đầu thực hiện đã phá sản » : cách điều chỉnh lương của công chức chỉ là chạy theo lạm phát, chứ chưa ai được tăng một đồng lương thực tế nào cả [xem *Diễn Đàn* tháng 10.2005]. Chính phủ lại ngụy biện tuyên bố rằng đợt « tăng lương » tháng 10 vừa qua đã tốn thêm 7000 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

(xem tiếp trang 6)

HỒ SƠ CHỐNG THAM NHŨNG

Giáo sư Hoàng Tụy : “Tôi nói, cơ chế sản sinh ra tham nhũng...”

[...] Theo tôi, trong xã hội ta, từ lâu, tuy mọi người đều lên án mạnh mẽ nhưng không phải ai cũng sẵn sàng tuyên chiến quyết liệt với quốc nạn này.

Cho đến nay, tôi thấy các biện pháp mà dự luật phòng, chống tham nhũng đưa ra vẫn chỉ là những phương pháp cổ điển mà chúng ta đã sử dụng hàng ba chục năm nay, bây giờ nói mạnh hơn chứ chưa thấy có phương pháp gì mới. Vậy làm sao hy vọng công cuộc phòng, chống tham nhũng sẽ có hiệu quả mang tính đột phá được? Trong vòng vài mươi năm lại đây, ai có chút liêm sỉ đều coi tham nhũng là quốc nạn và nhiều vụ tham nhũng lớn cũng đã bị phanh phui và trừng trị, ấy thế mà mỗi năm, số vụ tham nhũng vẫn cứ tăng, không hề giảm mà các thủ đoạn tham nhũng ngày càng trở nên tinh vi hơn. Mấy thập kỷ rồi, tất cả các biện pháp đó đều đã được sử dụng mà tình trạng vẫn chưa thay đổi bao nhiêu, lại có vẻ trầm trọng hơn, thì tại sao chúng ta không xét xem có biện pháp nào khác hữu hiệu hơn không ? Muốn thế cần tìm hiểu căn nguyên tại sao tham nhũng ở ta tràn lan, từ dưới lên trên cấp nào cũng có, nơi nào cũng có, chỉ khác nặng với nhẹ ?

Trừng trị là cần thiết, nhưng ta chỉ có thể trừng trị nặng những tội tham nhũng lớn, còn đối với tình trạng tham nhũng tràn lan như ở ta hiện nay thì làm sao trừng trị cho hết được. Mà chừng nào tham nhũng còn tràn lan thì đó chính là vỏ bọc che chắn cho bọn tội phạm tham nhũng lớn. Cho nên cần đi sâu hơn vào nguyên nhân sinh ra tham nhũng tràn lan, tìm ra biện pháp khắc phục nó thì mới đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng. Các biện pháp trừng trị là cốt để răn đe, ngăn ngừa nhưng trừng trị chỉ có hiệu quả khi nào đại đa số cán bộ, công chức không cần và không muốn tham nhũng.

Thời kháng chiến chống Pháp, Trần Dụ Châu khi đó là cán bộ cao cấp bị tử hình vì tội tham nhũng. Đó là một vụ án làm rung động cả nước và sau đó thì hầu như không còn tham nhũng nữa. Nhưng tình hình hồi đó khác bây giờ. Hồi đó, trong kháng chiến, cán bộ công chức nói chung đều đủ sống, tuy mức sống rất thấp nhưng là mức chung trong xã hội, ai cũng cảm thấy công bằng. Cho nên tham nhũng có xuất hiện cũng chỉ lẻ tẻ ở cấp cao, ở bên trên thôi. Nghĩa là tình hình lúc ấy khá giống như ở các nước tiên tiến bây giờ, chỉ những quan chức có quyền lực nhiều mới tham nhũng được, do đó số vụ tham nhũng không nhiều, tác hại hạn chế, họ lại có cơ chế quản lý tốt nên dễ phát hiện và có thể xử lý tham nhũng đến nơi đến chốn.

Còn với hoàn cảnh hiện nay của Việt Nam, tôi có thể hình dung thế này : lương tôi thấp không đủ sống, tôi nhìn ra bên cạnh thấy mọi người đều sống tốt cả, mà đâu phải năng suất lao động của tôi quá tôi so với xã hội, nên tôi suy ra là tôi bị thiệt, bị trả lương thấp hơn mức tôi đáng được hưởng, nên tôi

phải tìm cách xoay xở để có được mức thu nhập xứng đáng hơn. Ban đầu chỉ suy nghĩ như vậy, về sau nhìn xung quanh thấy ai cũng thế cả, ai cũng xoay xở để tồn tại, để bù vào sự thiếu hụt của tiền lương phi lý, nên dù có phải phạm pháp chút ít lương tâm vẫn cho là bình thường. Cứ thế dần dần những vụ phạm pháp, tham nhũng ban đầu chỉ lật vặt, có thể “thông cảm” được, ngày càng trở nên phổ biến, nhiều nơi nhiều lúc phát triển vượt quá giới hạn bình thường. Không chỉ cấp cao, có nhiều quyền lực mới tham nhũng, mà tham nhũng tràn lan, phổ biến, từ dưới phát triển lên cao dần, càng lên cao càng trầm trọng và càng khó phát hiện vì được bảo vệ bởi cái vỏ bọc kiên cố từ dưới. Vì vậy, bây giờ nếu chỉ tập trung phát hiện và trừng trị đích đáng một số vụ tham nhũng lớn,...tôi e rằng vẫn chưa đủ, tuy rất cần thiết. Chống tham nhũng với các biện pháp lâu nay đã dùng rồi thì chỉ chống được ở phần ngọn. Còn nếu thật sự muốn chống tham nhũng có hiệu quả, muốn chống triệt để thì phải phòng, chống từ gốc, tức là phải sửa ngay từ cơ chế quản lý. Bởi vì chính cơ chế này là nguyên nhân sinh ra tham nhũng !

Muốn chữa bệnh có hiệu quả phải hiểu cơ chế phát sinh ra bệnh. Tham nhũng ở nước ta hiện nay như vết thương từ bên trong cơ thể, từ trong máu, nhưng chúng ta chỉ chăm chú chữa trị những lở loét bên ngoài, bôi hết thuốc này đến thuốc khác, cứ chỗ này vừa khô thì bung ra chỗ khác, dụi đi một chút rồi bùng phát trở lại, có khi còn dữ dội hơn trước và ngày càng khó chữa trị. Cần phải hiểu tham nhũng ở ta là căn bệnh từ cơ chế. Nhưng rất tiếc trong các biện pháp đưa ra trong dự thảo luật phòng, chống tham nhũng không thấy đề cập tới biện pháp nào về cơ chế. Mà trong cơ chế thì phi lý và tiêu cực nhất, cần và có thể sửa ngay nếu có quyết tâm, là cơ chế tiền lương và thu nhập của công chức, cán bộ. Thứ đến là cơ chế chi tiêu thanh toán phổ biến dùng tiền mặt, khiến cho việc ăn cắp công quỹ khá dễ, và sau nữa, nhưng quan trọng không kém là cơ chế đề bạt cất nhắc cán bộ thiếu công khai, minh bạch, dễ dẫn đến tệ mua quan bán chức.

Thật ra vấn đề chẳng có gì mới. Gần đây nhiều chuyên gia quốc tế đã khuyến cáo. Trong một dịp được tiếp xúc với cấp lãnh đạo cao nhất năm 1978, tôi cũng đã từng nêu ra ý kiến

như trên để trả lời câu hỏi làm sao chống tiêu cực có hiệu quả (hồi đó chỉ mới nói chống “tiêu cực” chứ chưa nói chống “tham nhũng”).

Muốn hiểu tại sao cơ chế quản lý lại có thể là thủ phạm sản sinh ra tham nhũng và bảo vệ tham nhũng chỉ cần suy nghĩ về điều mấu chốt này : tiền lương cơ bản hiện nay của đại đa số công chức, cán bộ chỉ đủ sống được khoảng mười ngày. Thế nhưng thực tế phần đông vẫn sống đàng hoàng, nhờ thu nhập “phụ” thường cao hơn mức lương chính 3-4 lần, thậm chí có khi cả chục, cả trăm lần. Vậy nguồn thu nhập “phụ” đó ở đâu ra ? Có phải là từ công quỹ nhà nước, từ đóng góp của dân, hay có nguồn nào từ trên trời rơi xuống? Lấy ví dụ ngành giáo dục là một ngành tương đối ít tai tiếng tham nhũng : khi tôi tìm hiểu chế độ lương, phụ cấp các loại trong ngành này thì nhận được một tập dày cộp không biết bao nhiêu thông tư, chỉ thị, chỉ đạo cho hết cũng phải vài ngày. Tôi nghĩ: phức tạp như thế, tránh sao khỏi sơ hở để bị lợi dụng, tham nhũng ! Mà thực tế đâu có gì khó hiểu : đồng lương cơ bản quá thấp thì phải bịa ra nhiều khoản phụ cấp, trợ cấp, thù lao, nhằm tạo điều kiện tăng thêm thu nhập cho cán bộ, giáo viên, làm nơ cho họ dạy thêm, dạy liên kết, dạy sô, luyện thi tràn lan, chưa kể nhiều loại hoạt động có bồi dưỡng, có phong bì (hội họp, kỷ niệm, viết báo cáo, tham luận...). Rốt cục, hầu hết mọi người biết xoay xở chút ít đều có mức thu nhập tương đối. Vậy có nghĩa là ngân sách, cộng với phần đóng góp của dân, hoàn toàn không thiếu để trả lương đàng hoàng, nếu phân phối công bằng và hợp lý. Chẳng qua ta chỉ dùng một phần nhỏ để trả lương cơ bản, còn lại thì phân phối tùy tiện, không hiệu quả, lại tạo nhiều sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng và đục khoét. Đó là thực tế trong ngành giáo dục.

Tình hình ở các ngành khác cũng tương tự, có khi còn tệ hơn. Như trong khoa học thì cơ chế lương này đẻ ra một chế độ cấp phát kinh phí cho các nghiên cứu khoa học rất đặc biệt Việt Nam. Ở các nước, tiền lương của nhà khoa học đảm bảo cho họ không phải lo chuyện mưu sinh, còn kinh phí cấp cho các đề tài nghiên cứu chỉ được phép dùng để trang trải các chi phí về phương tiện nghiên cứu (như trang thiết bị), chứ không

Luật phòng chống tham nhũng hay/và quy luật Năm Cam (tiếp theo trang 5)

Ngày nào còn duy trì cơ chế tiền lương và thu nhập của công chức, cán bộ hiện nay, tức là cho đến khi nào họ không thể sống với tiền lương chính thức, mà cần đến những nguồn thu khác do cơ quan ‘rút ruột’ nhà nước và ‘móc túi’ xã hội, thì cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng khó lòng đi tới : bởi vì nó không có lập được đối tượng tham nhũng lớn nắm quyền lực ở cấp cao. Ngày nào nhà nước đối xử « công bằng » với công nhân viên chức của mình thì « bọn quan chức tham nhũng sẽ mất đi cái vỏ bọc lâu nay vẫn che chắn chúng, cấp dưới sẽ không còn bị không chế, cuộc đấu tranh chống tham nhũng do đó sẽ dễ dàng hơn ».

Xin bổ sung kết luận trên đây của giáo sư Hoàng Tuy. Bởi vì cái gốc của tham nhũng là quyền lực, chỉ có một thể chế dân chủ giám sát quyền lực mới bảo đảm được cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng sẽ đi nơi đến chốn. Điều này, người ta đã có thể đọc trên báo *Tuổi Trẻ* (18.6.05) dưới ngòi bút của ông Phạm Duy Nghĩa, chủ nhiệm bộ môn luật kinh tế của khoa luật trường đại học quốc gia Hà Nội, khi ông cho rằng cốt lõi của vấn đề phòng chống tham nhũng là « chống lại sự độc tôn của quyền lực » và « dựa vào dân ». Còn không, đối với người dân, luật phòng chống tham nhũng mà quốc hội vừa thông qua, xét cho cùng, chỉ là chuyện hô hào, làm tổn giầy mực và thời gian của xã hội. Bài toán phòng chống tham nhũng ở Việt Nam không có lời đáp ngoài một chủ trương cải tổ cơ chế tiền lương và cải tổ thể chế dân chủ. Và ngày nào thái độ của người cầm quyền còn là chân chờ, ngày đó quy luật do ông Trương Văn Cam, tức Năm Cam, tổng kết - « *cái gì không mua được bằng tiền sẽ mua được bằng nhiều tiền* » - chưa thực sự được phủ định..

Hải Vân

được trích ra để bổ sung thu nhập cá nhân. Như vậy, người ta xin cấp kinh phí nghiên cứu là để có phương tiện nghiên cứu chứ không phải để tăng thu nhập. Ở ta thì trái lại, do tiền lương quá thấp, cho nên kinh phí cấp cho một đề tài nghiên cứu được phép trích ra một tỉ lệ đáng kể (trung bình khoảng 30-50%) để “trả công” cho các nhà khoa học tham gia đề tài. Có nghĩa là anh “chạy” được một đề tài với kinh phí càng lớn thì thu nhập của anh càng cao, có thể gấp nhiều lần tiền lương. Đã thế mà việc xét duyệt và nghiệm thu đều thiếu nghiêm túc, đề tài gì cũng là công trình khoa học, và khi đã được duyệt thì phần lớn đều được nghiệm thu “xuất sắc”. [...]

Nhiều người bảo ngay ở một số nước tiên tiến tham nhũng cũng đầy rẫy. Đúng thế, nhưng ở các nước ấy tham nhũng dù sao cũng chỉ hạn chế ở một số nhân vật cấp cao của chính quyền nên người dân ít bị những nhiễu. Còn ở ta thì tham nhũng hoành hành khắp ngõ ngách, từ anh cảnh sát giao thông nhận tiền mãi lộ đến những cán bộ, nhân viên làm việc ở xã, phường vòi tiền “bồi dưỡng” của người dân để làm một số việc trong trách nhiệm thường ngày của họ. Tuy nhiên cần thấy rõ: nếu suy xét công bằng thì trong các hành vi phạm pháp đó chỉ 1/10000 là phạm tội. Còn lại, người ta phạm pháp chẳng qua vì cơ chế đẩy họ tới chỗ không làm thế không sống được !

Cảnh sát giao thông, cán bộ cấp xã phường... lương có khi chỉ đủ ăn trưa, như các vị lãnh đạo đã thừa nhận. Vì vậy, nếu có kẻ trong số họ tìm cách xoay xở để kiếm đủ sống thì về mặt đạo đức khó có thể lên án hành vi ấy. Cũng như việc giáo viên phải dạy thêm giờ để kiếm sống. Tuy tôi phản đối dạy thêm tràn lan vì việc đó có hại, nhưng xét về mặt đạo đức, lương không đủ sống mà cấm người ta dạy thêm là vô trách nhiệm.

Điều nguy hiểm chính là ở chỗ ấy : cán bộ cấp dưới nếu có phạm pháp ít nhiều để sống thì cấp trên phải thông cảm, phải làm ngơ. Song tâm lý con người là rất ít ai chịu dừng ở mức đủ sống, mà đi xa hơn, ngày càng xa, dẫn đến phạm tội. Còn cấp trên thì sao? Lương tuy có khá hơn, nhưng vẫn quá thấp so với nhu cầu, nên cũng phải xoay xở, và vì đám này nhiều quyền lực nên phạm vi, quy mô tham nhũng lớn, không phải chỉ kiếm thêm vài triệu/tháng như cấp dưới, mà phải 5-7 triệu, hàng chục, hàng trăm triệu. Hành vi tham nhũng của họ, công chức dưới quyền dù có biết cũng ít dám đấu tranh vì bản thân cấp dưới cũng tự biết chính mình đâu có trong sạch được 100%, giá thử có muốn đấu tranh thì chưa biết chừng kẻ bị trừng trị trước hết là chính mình chứ không phải sếp. Cho nên cấp dưới trở thành vỏ bọc che chắn cho cấp trên, rồi cấp trên lại che chắn cho cấp dưới cao nữa, cứ thế tham nhũng đi dần từ dưới lên, từ cơ sở lên đến trung ương, càng lên cao tham nhũng càng tinh vi. Đến mức là trong nhiều cơ quan, ai đứng ngoài hệ thống tham nhũng sớm muộn đều bị đánh bật ra khỏi cơ quan.

Và chính vì thế mà biện pháp đấu tranh nội bộ nêu ra trong dự thảo luật phòng chống tham nhũng chỉ là lý thuyết, chứ không thực tế. Khi tham nhũng đã tràn lan, có tính tập thể, đi từ dưới lên trên, rộng khắp, có vỏ bọc bảo vệ chắc chắn như trên đã phân tích, thì đấu tranh nội bộ không thể bảo đảm an toàn. Đó là lý do giải thích tại sao phần lớn các vụ tham nhũng đều do quần chúng, công luận đấu tranh phát hiện, chứ ít khi bị tố cáo từ trong nội bộ cơ quan.

Thành thử, nếu chúng ta còn duy trì chế độ lương phi lý

như hiện nay thì không có cách nào chống tham nhũng có hiệu quả. Chúng ta đều thấy, với chế độ tiền lương hiện nay, khi không một ai có thể sống bằng lương được cả, thì tham nhũng tràn lan, khó huy động toàn xã hội chống tham nhũng được. Trung ương có lẽ đã thấy điều đó, nên đã có nghị quyết phải giải quyết vấn đề tiền lương một cách cơ bản. Vậy mà sau năm năm nghiên cứu và tiêu tốn không ít tiền của, công sức, các bộ tài chính và nội vụ mới đưa ra được một đề án cải cách tiền lương tốt đến mức ... mới bắt đầu thực hiện đã phá sản hoàn toàn. Và cho đến nay, sau các kiểu điều chỉnh lương, phụ cấp linh tinh, vẫn chưa ai được tăng một đồng lương thực tế nào cả. Tiền lương cơ bản, theo giá trị mới của đồng tiền, không hề thay đổi. Cái cơ chế trả lương từng đầy nhiều người đến hành vi sai trái mới có thể sống được vẫn giữ gần nguyên.

Nếu mục tiêu cải cách tiền lương chỉ là tăng lương cơ bản cho đủ sống (chứ không động gì đến cơ chế phân phối lương và thu nhập phụ ngoài lương), như các bộ phụ trách đã quan niệm, thì bất cứ ai cũng thừa hiểu đó là mục tiêu phi thực tế, đâu cần các vị phải mất công giải thích rằng chỉ tăng 10 nghìn đồng/tháng thôi cho mỗi công chức, cán bộ, cũng đã vượt quá khả năng của ngân sách !

Từ bao lâu nay, nói đến tiền lương còn ai lạ gì cái nghịch lý sớ sớ : người nào cũng kêu lương thấp nhưng ai cũng sống đàng hoàng ! Vậy mấu chốt là phải xoá bỏ cái nghịch lý ấy chứ, tức là phải sửa cơ chế trả lương để sao cho ngoài lương chính thức ra, đại đa số công chức cán bộ không còn có thêm khoản thù lao, phụ cấp, nào khác từ ngân sách và tiền đóng góp của dân hay tiền dự án vay quốc tế. Các khoản này đều phải chính đốn lại và tính gộp hết vào tiền lương chính thức cho công bằng, để các hoạt động trước đây được thù lao dưới hình thức tùy tiện nay đều được tính trong nhiệm vụ của người hưởng lương. Nếu làm như vậy thì với khả năng ngân sách hiện tại, theo tính toán cụ thể trong một ngành như giáo dục, lương vẫn có thể đảm bảo mức sống phù hợp năng suất lao động từng người, giúp cho mỗi người không phải lo toan xoay xở chật vật, nhiều khi phạm pháp, để mưu sinh, mà có điều kiện dồn tâm trí vào nhiệm vụ chính của mình và dành thì giờ chăm sóc gia đình, con cái.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói, chúng ta không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Muốn phòng, chống tham nhũng một cách triệt để thì phải cải cách tiền lương, tạo lập sự công bằng. Khi đó, nếu ai còn tìm cách xoay xở thêm tiền nhà nước, móc thêm túi người dân thì không còn lý do gì bào chữa, cả về đạo đức cũng như pháp lý. Bọn quan chức tham nhũng sẽ mất đi cái vỏ bọc lâu nay vẫn che chắn chúng, cấp dưới, người dân sẽ không còn bị khống chế, cuộc đấu tranh chống tham nhũng do đó sẽ dễ dàng hơn.

Nhìn ra thế giới, những nước nào mà công chức phải xoay xở thêm mới đủ sống đều có tình trạng tham nhũng nặng nề. Rất tiếc là dự thảo luật phòng, chống tham nhũng chưa chú ý đầy đủ kinh nghiệm đó. Đương nhiên không phải chỉ thực hiện chính sách tiền lương đúng đắn thì tham nhũng sẽ hết. Nhưng có thể khẳng định, chừng nào còn duy trì chính sách tiền lương bất cập thì cuộc chiến chống tham nhũng còn gay go. [...]

Hoàng Tuy

(trích Tạp chí *Lập pháp* - số chủ đề ‘Hiển kẻ lập pháp’, tháng 9.2005)

Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức

Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc

Trong thời gian thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 2 tháng 11 năm 2005, Tổng Bí thư Đảng CSTQ, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã hội đàm với Tổng Bí thư Đảng CSVN Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, lần lượt gặp Thủ tướng Phan Văn Khải, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An và đã nhận lời mời đến phát biểu tại Quốc hội Việt Nam.

Hai bên đã ra tuyên bố chung gồm 9 điểm, nhằm tăng cường và phát triển quan hệ giữa hai Đảng, hai nước về các vấn đề khu vực, quốc tế, mà hai bên cùng quan tâm, và đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác kinh tế kỹ thuật.

Một số văn kiện chính đã ký :

* **Hiệp định khung** về việc Chính phủ Trung Quốc (TQ) cấp cho Chính phủ VN khoản tín dụng ưu đãi 550 triệu nhân dân tệ để sử dụng cho dự án hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Vinh - TP.HCM, tuyến đường sắt Bắc - Nam do Công ty hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt TQ thực thi.

* **Thỏa thuận** về việc sử dụng tín dụng ưu đãi để xây dựng dự án hiện đại hóa thông tin đường sắt "ba tuyến một đầu mối" (Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Lào Cai).

* **Hợp đồng** giữa Tổng công ty Điện lực VN và Công ty Lưới điện miền Nam TQ về việc TQ bán điện cho sáu tỉnh miền Bắc VN.

* **Thỏa thuận khung** về hợp tác dầu khí giữa Tổng công ty Dầu khí VN và Tổng công ty Dầu khí ngoài khơi TQ trong khu vực thỏa thuận, ngoài khơi vịnh Bắc bộ.

Ông Trần Ngọc Cảnh, tổng giám đốc Tổng công ty Dầu khí, cho biết sau lễ ký kết với đối tác TQ: "VN và TQ sẽ cùng tiến hành nghiên cứu về tiềm năng dầu, khí tại các mỏ địa chất nằm vắt ngang đường ranh giới phân chia biển trong khu vực vịnh Bắc bộ mà hai nước đã thỏa thuận. Nếu như phát hiện tiềm năng về mỏ dầu, mỏ khí lớn sẽ tiếp tục cùng nhau đầu tư để khai thác và phân chia lợi nhuận.

Việc nghiên cứu, thăm dò hoàn toàn được tiến hành bởi các chuyên gia của VN và TQ. Đây là hoạt động theo thông lệ quốc tế, như VN đã tiến hành với Malaysia".

(nguồn tin Tuổi Trẻ 01/11/2005)

Quốc hội Campuchia thông qua Hiệp ước bổ sung

Quốc hội Campuchia đã triệu tập cuộc họp vào sáng thứ Sáu, ngày 11-11-2005, dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hoàng thân Norodom Ranarith, để thông qua Hiệp ước bổ sung cho Hiệp ước về hoạch định biên giới giữa Campuchia và Việt Nam, vốn còn nhiều tranh cãi.

Đây là cuộc họp lần thứ 3, Quốc hội khoá III, có 111 đại biểu của 3 đảng phái tham dự. Cuộc họp đã dành phần lớn thời gian cho việc giải trình cho dân chúng Campuchia biết là Hiệp ước bổ sung mà Thủ tướng Hun Sen ký với Hà Nội vào ngày 10 tháng 10 vừa qua bảo toàn được toàn vẹn lãnh thổ Campuchia.

Hiệp ước này đã được Quốc hội Vương quốc Campuchia thông qua vào phiên họp sáng ngày 11-11 bằng cách giơ tay biểu quyết, trước khi đến phần giải trình của Chính phủ. Kết quả có 95 trên tổng số 111 đại biểu giơ tay tán thành.

Về nguyên tắc, chỉ cần trên 50% đại biểu giơ tay biểu quyết thì hiệp ước coi như được thông qua, do đó Hiệp ước này đã đến giai đoạn chờ chữ ký của Vua Sihanouki để có hiệu lực thi hành.

Trong phần giải trình của chính phủ, ông Phó Thủ tướng Sok An cho biết Hiệp ước này chỉ là phần thoả thuận về hoạch định biên giới đường bộ. Ông cho biết thêm, Chính phủ Campuchia vẫn còn bảo lưu một địa điểm chưa rõ ràng ở Đắc Đam và Đắc Lu thuộc tỉnh Monduliri giáp với Tây Nguyên của Việt Nam.

Lý do được ông Sok An đưa ra là phía Việt Nam sử dụng bản đồ của chính quyền bảo hộ Pháp để lại. Nếu như căn cứ vào bản đồ đó, thì Campuchia phải mất khoảng 50km² đất đai. Vì vậy Chính phủ ông cương quyết bảo lưu để đàm phán tiếp, và hai bên nhất trí tiếp tục đàm phán từ nay cho đến tháng 12 năm 2008.

Ông Sok An gọi cuộc đàm phán về biên giới giữa Phnom Penh và Hà Nội vừa qua là cuộc đàm phán bình đẳng đầu tiên trong lịch sử.

(theo Nguyễn Bình, phóng viên đài RFA)

Trung Quốc, Việt Nam và Philippines kết thúc thăm dò địa chấn biển Đông

Ngày 19-11, các công ty năng lượng của Trung quốc, Philippines và Việt Nam đã kỷ niệm việc hoàn tất công tác thu thập dữ liệu địa chấn ở biển Nam Trung Quốc (biển Đông), đánh dấu một mốc đầu tiên về nỗ lực chung của quốc tế nhằm khám phá các nguồn năng lượng trong vùng này.

Việc thu thập số liệu địa chấn, công việc mở đầu để khám phá cấu trúc địa chất đáy biển ở một phần biển Nam Trung Quốc do tàu thăm dò Nam Hải 502 của Công ty TNHH dịch vụ mỏ dầu Trung Quốc (COSL) tiến hành. Con tàu này hoàn tất nhiệm vụ vào ngày 16-11, chỉ sau 75 ngày kể từ khi con tàu khởi hành từ Quảng Đông, Trung Quốc.

Ông Li Xunke, Phó Chủ tịch COSL nói : "Tiến trình của chúng tôi nhanh hơn nhiều so với thời gian 8 tháng được định sẵn". Ông Li cho biết có 11.000 km cáp cảm biến được rải dưới đáy biển để phục vụ cho nhiệm vụ này, bao phủ một khu

vực khoảng 140 000 km vuông. Các số liệu được thu thập một cách thông suốt và đang sẵn sàng được xử lý và phân tích.

Ông Zhu Weilin, Phó Chủ tịch Tập đoàn dầu khí ngoài khơi Trung Quốc (CNOOC), cơ quan chủ quản của COSL nói : "Sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau giữa ba nước đã bảo đảm cho sự phát triển quan trọng trong việc cùng thăm dò biển Nam Trung Quốc". Ông Zhu cho biết CNOOC tin tưởng vào sự hợp tác trong tương lai với các đối tác Philippin và Việt Nam, hy vọng mang lại hoà bình và thịnh vượng cho biển Nam Trung Quốc. (Tuổi Trẻ, 21-11-05)

Sự kiện vịnh Bắc bộ, sự dối trá được che đậy

"Sự kiện vịnh Bắc bộ" tháng 8-1964 lại được đưa trở lại trên các báo The New York Times (3-11-05), The International Herald Tribune, Daily Mail, v.v. Các báo đã trích lời nhiều nhà sử học cho biết cục An ninh quốc gia Mỹ (NSA) đã ngụy tạo bằng chứng để tạo ấn tượng rằng Bắc VN đã tấn công tàu US Maddox lần thứ hai ngày 4-8-1964. Việc làm này là " cố ý lọc và tạo ra một tài liệu sai " để " đẩy nước Mỹ vào cuộc chiến tranh đẫm máu kéo dài tới 10 năm ". Chính phủ Johnson dùng sự việc này làm bằng chứng để thuyết phục Quốc hội Mỹ thông qua nghị quyết về vịnh Bắc bộ ngày 7-8-1964, cho phép Tổng thống Johnson mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

Sự lừa dối quốc hội và dư luận Mỹ đã được vén màn như thế nào ? Năm 2001, nhà sử học Mỹ Robert J. Hanyok thuộc Tầng thư về an ninh quốc gia của Đại học George Washington, sau nhiều tháng lục tìm trong kho lưu trữ của chính NSA, đã phát hiện ra những " sự thật chết người " bị giấu nệm suốt 37 năm qua về sự kiện vịnh Bắc bộ.

Hanyok đã công bố các phát biểu của mình trong bài viết có tựa đề " Người dũng cảm trong bóng tối " (Spartans in darness), đăng trong tạp chí nội bộ năm 2001. Ông cho biết, những hoạt động thông tin liên lạc của Bắc VN và NSA nghe trộm được qua các trạm đặt ở Phú Bài, Huế, và San Miguel, Philippines, đã bị các nhân viên NSA bóp méo, ngụy tạo khiến chính phủ Mỹ hiểu rằng hai tàu khu trục Mỹ bị Bắc VN tấn công hôm 4-8-1964 và đã ra lệnh trả đũa ngay lập tức vào ngày hôm sau 5-8-1964.

Khi phát hiện ra dịch sai, các nhân viên đó đã không sửa (hay là cố tình không sửa theo lệnh cấp trên ?), mà lại giấu đi, ngụy tạo một tài liệu khác trình cấp trên về những bằng chứng của một cuộc tấn công không có thật.

Từ năm 2002, ông Hanyok và một số sử gia khác đã yêu cầu chính quyền Mỹ công bố rộng rãi vấn đề này, nhưng không được chấp nhận, vì thời điểm nổ ra cuộc chiến Iraq đã gần kề, nếu công bố sai lầm của Mỹ trong chiến tranh VN sẽ khiến nhiều người so sánh và phân đối cuộc chiến ở Iraq.

Cuối tháng 10-2005 vừa qua, một sử gia độc lập tên Marthew M. Aid đã cung cấp cho tờ The New York Times những phát hiện của Hanyok, sau khi trao đổi với các quan chức đương nhiệm cũng như về hưu của NSA và CIA, với lý do " tài liệu này có liên quan đến những cuộc tranh luận mà chúng ta, với tư cách người Mỹ, thường có về cuộc chiến Iraq và việc cải cách tình báo. Giữ kín tài liệu này, chỉ vì chúng

làm ngành an ninh mất mặt, là sai lầm ".

Năm 2002, Daniel Ellsberg - người đã công bố tài liệu mật Lầu Năm Góc - đã xuất bản cuốn sách nhan đề : "Những điều bí mật. Hồi tưởng về Việt Nam và tài liệu mật Lầu Năm Góc" (Secrets. A memoir of Vietnam and the Pentagon papers). Ellsbég đã dành cả chương 1 của phần 1 nói về sự kiện vịnh Bắc bộ (The Tonkin Gulf, August 1964), trong đó bằng những chứng cứ thu thập được, vạch trần sự dối trá của chính quyền Mỹ về chiến tranh VN nói chung, về sự kiện vịnh Bắc bộ nói riêng. Là người trực tiếp tham gia vụ việc, Daniel Ellsberg cho biết : " Vào nửa đêm ngày 04-08, hoặc trong vòng một hai ngày sau đó, tôi nhận ra rằng mỗi lời biện hộ (trong cuộc họp báo của Johnson và MacNmara) đều sai sự thật ". (Tuổi Trẻ, *Hồ sơ*, 19-11-2005).

57 tu sĩ công giáo sẽ được thụ phong linh mục

Theo tin thông tấn xã AFP, thuật theo văn phòng của Tổng giám mục địa phận Hà Nội, " 57 thầy dòng sẽ được thụ phong linh mục vào cuối tháng này khi một giới chức Tòa Thánh Vatican đến thăm Việt Nam ".

"Đây là một biến cố lớn chưa từng có, một bước tiến bộ cho giáo hội Công Giáo." Linh Mục Nguyễn xuân Thủy của Văn phòng Tổng Giám mục Hà Nội nói như vậy để nhìn nhận nguồn tin từ Giáo Hội Á Châu, một tổ chức thông tin ở Paris chuyên về các vấn đề tôn giáo châu Á.

Việc phong linh mục cho các phó tế thuộc 8 địa phận ở miền Bắc Việt Nam vào ngày 29-11-2005 sẽ được Hồng Y Crescenzo Sepe, Tổng trưởng Thánh bộ Rao Giảng Tin Mừng cho các Dân Tộc, chủ tọa. LM Thủy cho hay : " Lễ thụ phong sẽ được cử hành tại nhà thờ chánh tòa Hà Nội.", và cho hay thêm rằng đây là một buổi lễ chính thức nhưng sẽ không có một viên chức nào của nhà cầm quyền Hà Nội tham dự.

" Biến cố sẽ đánh dấu sự phục hồi và khởi đầu giai đoạn mới cho hàng tu sĩ ở phía Bắc Việt Nam sau nhiều thập niên bị áp chế ", Giáo Hội Á Châu viết.

Một nhà ngoại giao Tây Phương ở Hà Nội nhận xét : " Điều này rõ ràng cho thấy có sự cải thiện trong mối quan hệ giữa chế độ CSVN và Vatican. Ngay như một số viên chức Hà Nội cũng nói đến mối quan hệ ngoại giao. Đây là một bước nữa trên một chuỗi những bước tiến đến bình thường hóa giữa hai bên."

Cơ quan Thông Tấn Á Châu (Asia News) viết : " Sự kiện này có một ý nghĩa lịch sử, cho thấy đã có sự thay đổi chiều hướng về chính sách của nhà cầm quyền." (theo hãng tin công giáo VietCatholic).

Giáo hội Công Giáo Việt Nam đông hàng thứ hai tại Á Châu sau Phi Luật Tân. Có một số chỉ dấu thiện chí thấy được giữa Tòa Thánh Vatican và Hà Nội trong năm nay. Giáo Hoàng Benedict XVI nói sau khi ngài được bầu rằng ngài mong thấy có mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Việt Nam và Saudi Arabia. (theo báo Người Việt, California)

Đà Nẵng : phá bỏ thư viện và đẩy Bảo tàng Chăm xuống gầm cầu ?

TTCN - Đà Nẵng đang chuẩn bị các phương án thiết kế để xây dựng thêm một chiếc cầu qua sông Hàn. Đường dẫn của

chiếc cầu mới này dự kiến sẽ chạy ngang trước mặt Bảo tàng điêu khắc Champa - một di tích và là điểm tham quan đẹp nhất Đà Nẵng.

Đà Nẵng cũng sẽ phá bỏ Thư viện Khoa học tổng hợp TP (một kiến trúc cổ thời Pháp) nằm bên bờ sông Hàn (đường Bạch Đằng) để lấy chỗ xây dựng một tòa cao ốc làm trung tâm thương mại - dịch vụ.

Ý kiến của

nhà văn Nguyễn Ngọc :

Một thành phố văn minh luôn biết dành chỗ đẹp nhất cho văn hóa

Tôi được sinh ra và lớn lên tại Đà Nẵng. Tôi yêu TP của tôi. Từ một TP khá nhếch nhác, Đà Nẵng đã thay hình đổi dạng thật nhanh để biến thành một trong những thành phố khang trang nhất nước. Song cũng chính vì vậy mà những người yêu Đà Nẵng đang có một số lo ngại về đôi việc đã, đang và có thể còn sắp diễn ra ở đây.

Mong Đà Nẵng thận trọng hơn trong một số ý đồ qui hoạch khá hăng hái và táo bạo của mình. Chẳng hạn con đường Thuận Phước do chưa nghĩ thật kỹ trước khi thực hiện đã làm mất bãi biển Thanh Bình; hoặc tháp truyền hình ngay trước Bảo tàng Chăm (chuyện này làm sai đã lâu), một địa điểm văn hóa đẹp và vô giá, chỉ riêng Đà Nẵng mới có thể có (không nơi nào khác trên thế giới này còn có được...).

Và theo tôi, việc phá bỏ Thư viện Khoa học tổng hợp Đà Nẵng, tọa lạc trên một ngọn đồi đẹp nhất bên bờ sông Hàn (để xây một cái siêu thị hay một công trình hiện đại không phải cho mục đích văn hóa), sẽ là một thất thủ lớn rất khó chấp nhận của TP này.

Địa điểm này, từ hàng trăm năm nay, vẫn được dành cho văn hóa, chỉ dành cho văn hóa. Nghĩa là những người xây dựng TP này và những người kế tục họ suốt hàng trăm năm qua là những người rất có văn hóa, đã biết dành chỗ đẹp nhất của TP, không phải cho kinh tế, cũng không phải cho chính quyền, mà là cho văn hóa.

Xây siêu thị thì bất cứ chỗ nào cũng được, nhưng không phải bất cứ chỗ nào cũng thích hợp để đặt thư viện, nơi gìn giữ những tinh hoa trí tuệ của loài người. Thư viện Khoa học tổng hợp Đà Nẵng đang đứng ở chỗ xứng đáng nhất của nó.

Kim Em thực hiện
(Tuổi Trẻ)

10

Chuyện xảy ra đã 50 năm, đã xa xôi, đã cũ. Càng xa xôi, càng cũ, nếu nói : nửa thế kỉ rồi, còn gì.

Thuở ấy, có chú nhỏ ở một xóm lao động vùng ven đô, bây giờ là một quận của thành phố (thành phố Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố được mang tên..., thành phố đã mất tên,...) được nghe về nước Mĩ, được đọc về người da đen ở Mĩ. Một chuyện về tệ nạn khinh miệt người Mĩ gốc Phi châu. Nạn nhân là một người đàn bà **negro**. Khi đến phiên chú nhỏ được biết, người đàn bà ấy đã nổi danh : Danh ca Marian Anderson. Bà là Đại sứ danh dự của Liên Hiệp Quốc. Bà đi thăm thiện chí vùng Đông Á. Chuyện về bà đăng trong tạp chí Thế Giới Tự Do [TGTD] do cơ quan phục vụ truyền thông thuộc tòa đại sứ Mĩ ở Sài Gòn phát hành. Tháng tháng, chú bé được hàng xóm cho các số báo ấy để đọc ké (và dùng làm giấy bao tập vở). Chân trời của chú mở ra về phía bên kia biển Thái Bình. Rực rỡ ánh sáng.

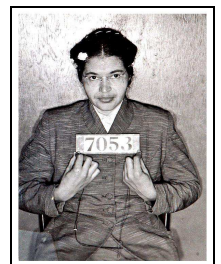
Marian Anderson được nói tới, vì chuyện "đáng tiếc" ấy -- bị những Ái Nữ của Cách Mạng Mĩ (*Daughters of the American Revolution*) cấm hát ở Constitution Hall (nằm không xa Nhà Trắng) của các bà -- đã xảy ra từ cuối thập kỉ 1930. Bây giờ (tức vào khoảng giữa những năm 1950), bà đã được đái ngộ, trân trọng. Bây giờ, bà là một biểu tượng đẹp. Bây giờ, Hoa Kỳ là cái nôi, là chỗ dựa, là danh giá của Thế giới tự do, kẻ rao bán tự do dân chủ; ít ra là nhìn từ cái xó "tiền đồn" còn sơ khai, nơi chú nhỏ sống. Nói (thoải mái) về chuyện "không hay" của quá khứ cũng chỉ để làm rõ cái tốt đẹp hôm nay.

Có lẽ, vì thế mà chuyện bà Rosa Parks, còn nóng bỏng thì tạp chí TGTD "chưa" cho chú nhỏ biết, vì khi ấy, tiếng sấm trền áp những người negro tẩy chay xe buýt vẫn còn đang xảy ra ở một thành phố miền Nam nước Mĩ. Cho nên, chú bé (giờ đầu đã bạc) hiểu tại sao đám tang bà Rosa Parks vào nửa sau năm 2005 lại to lớn, ồn ào đến vậy. Vì -- ngoài mọi trân trọng và tiếc thương rất chân thật -- bây giờ nước Mĩ tốt đẹp hơn cái thời bà Parks đã chọn ngồi xuống, để một sắc dân trong cái lò luyện hợp chủng còn có cơ hội đứng lên và bước ra khỏi cái thế sống quỳ lâu nay của mình ?

Cái chữ "R" của nửa thế kỉ trước có thật sự biến mất ?

9

Một ngày nào đó ở mai sau, tại một nơi còn "tăm tối, lạc hậu" nào đó, sẽ có những cô nhỏ, chú nhỏ được biết về một thành phố Mĩ ven biển, nằm trong vùng vịnh Mexico, được xây dựng lại, to đẹp hơn, văn minh hơn, và **ít đen** hơn, ít **tội lỗi** hơn, sau một trận thiên tai có tên Katrina (không phải Corrina, như bà-vợ-số-một của Mĩ nhớ lắm). Lúc ấy, đã phiê pha rồi chuyện những người dân Louisiana tội tệ, (vì) đa số (bọn) họ là đen, đã không chịu nghe lời khuyên bảo của chính quyền liên bang và địa phương, để dắt gia đình nhảy gọn lên những chiếc ô tô mạnh, tốt, sang và có đầy xăng dầu để chạy thoát ra khỏi cơn cuồng nộ của tự nhiên đang ủa tới, từ biển khơi.



Nghĩ Vụn

Nguyễn Lộc

Các cô chú nhỏ ấy có thể sẽ không được biết cái *tin mừng*, do những người Mĩ ngoan đạo, sợ chúa (God fearing) phát hiện ra rằng, vết tàn phá do Katrina để lại hao hao mang hình dáng của một bào thai. Hình dáng đó, cho ta *vững tin* rằng đã có một cơn thịnh nộ của một đấng cao mình cần ra oai, nhằm răn dạy một lũ người lâu nay sống ngụp lặn trong tội lỗi. Nếu cần nói rõ hơn, tội phá thai. Người ta còn có thể đếm được bao nhiêu y viện (clinic) chuyên phá thai nằm dọc trên con đường con bão quét qua. Gột rửa một kiếp tội lỗi ? Gột rửa một màu da (tăm tối) ra khỏi một thành phố ?

Những xác chết trôi bập bềnh trong vùng nước lợ của cái thời xa xôi, đầu thiên niên kỉ thứ 3 ấy, nếu là chỉ dấu của một điều gì đó, thì nó chỉ có thể là lời răn dạy thép từ một quyền lực thiêng liêng. Một quyền lực toàn năng, một nhà “thiết kế linh mẫn” (*intelligent designer*) của cõi thế gian này.

8

Dù chưa thấy mà đã tin, hay tránh thấy để còn mong giữ vững niềm tin, những lời ngợi ca một nước Mĩ cầm trịch cho “lí tưởng tự do dân chủ” vẫn luôn vang vọng từ cửa miệng nhiều người. Họ là những ông bố bà mẹ, từ những vùng nông nghiệp xa xôi, hay một thành phố nhỏ “một nhà máy, một công nghiệp” đặc thù của Bắc Mĩ, bám riết lấy niềm tin ấy, như một biện minh, một an ủi, hay một ám thị cho chính mình, khi nghĩ đến những đứa con tuổi hai mươi đang ở chốn bom đạn Iraq. Những người sống trong mong manh hi vọng cần một câu trả lời an thần ; người chết trong chiến trận cần được gói ghém và trả về dưới một lí tưởng cao trọng.

Họ cũng có thể là những người, đến/nhìn từ những nơi còn khát khao những đổi thay xã hội cần thiết cho văn minh và tiến bộ, họ không ngần ngại lên tiếng ngợi ca thủ lĩnh tự do dân chủ của thế giới hôm nay. Biết đâu, những người ấy mới thật là kẻ truyền giáo, thay vì là tín đồ, vì họ có thiện ý giúp khôi phục một áo giác mà những người dân Mĩ dần thân đang khổ não vì sự xói mòn, tan rã của các thu hoạch đầy gian nan về dân quyền và nhân quyền ở Mĩ trong nửa thế kỉ qua.

7

Những con người trí tuệ và *sành* dân chủ khó chấp nhận để kẻ khác, nhất là kẻ dựa vào quyền lực để lường đảo, giở trò nguy trá với họ. Họ càng dễ nổi sùng hơn nữa, nếu cái anh “cầm quyền” lại ngồi ở Hà Nội. Cho nên, không ít người tỉ mỉ, soi rọi để tìm cho ra sự gian trá ẩn tàng trong một tập sách nhỏ. Bất kể, trong thực tế, quyển sách ấy có “do” cái Nhà nước đáng hoài nghi kia thò tay vào việc biên tập và xuất bản hay không. Dân gian hay nói về kẻ cắp : “Một lần bắt được, mười lần không”. Bị kịch “kẻ quyền lực và kẻ cắp là

một” không mới và cũng không riêng cho ai. Khi kẻ nắm quyền lực gây ra sự thất tín một (vài) lần, bị kịch kia chỉ còn là chuyện “biết rồi, khổ lắm”. Kêu oan Thị Mầu vô ích.

Khi kẻ cầm quyền muốn thủ đắc đặc quyền không chế, thăm định từng câu chữ, từng tập sách được (hay không được) in ra, phổ biến, tất nhiên sẽ nhận lãnh mọi cáo buộc về mọi sai trái, nhập nhằng chung quanh bất kể những gì được phép ra đời.

Nhưng, dẫu tro li với thế sự đến đâu, có lẽ cũng cần thêm chút ngạc nhiên. Kẻ rồi hơi, truy lùng trong các dòng chữ Việt, được in, được *posted*, được *meo*... trong cõi ta bà xi-be sẽ phải ngỡ ngàng với sự thiếu vắng của một luồng phần nộ rộng rãi, sâu sắc trước cái nguy trá, gian manh rất lớn, rất nguy hại ngay trên cái “nôi” của kẻ truyền bá tự do dân chủ. Một sự gian manh và nguy trá tầm cỡ thế giới, trong đó hàng vạn sinh mạng con người đã là vật thí. Vì, Nhà Trắng là chốn thiêng ? Vì gõ vào cánh cửa sự thật ấy thì cỗ xe lộng lẫy của nàng Lọ Lem sẽ hoàn nguyên là trái bí và những con chuột ? Bao giờ cho đến nửa đêm, chuông đổ ?

6

Khóc mướn là một nghề. Một nghề kiếm sống được ở Trung Quốc, trước thời “cách mạng văn hóa”. Thời chú nhỏ nó được làm quen với TGTĐ cũng là thời chú biết về những người khóc mướn ở Chợ Lớn. Mới đây, được đọc bài phỏng vấn một người làm nghề khóc mướn (*), chú nhỏ (giờ đầu đã bạc) càng thấy trọng những con người rất chân thật, làm một nghề ai cũng xem là giả dối.

Chuyện thật-giả hình như vẫn là trò trên người khôn người của đời sống. Ác thay, không như việc “thương vay” và “khóc mướn”, nhiều sự khác biệt giữa thật và giả có thể đổi thay lịch sử. Để nhớ nhất có lẽ là “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, và mối đe dọa của “Vũ khí sát hại hàng loạt” (tạm gọi là *W* of Mass Destruction). Hơn một lần, sự thật do chính quyền Hoa Kỳ rao bán -- cho mấy trăm triệu dân thẩm nhàn tự do dân chủ -- chừng như giả hơn rất nhiều so với những nước mắt nước mũi ràn rụa của một bà Tàu khóc mướn, rên ri bên cổ áo quan một xác người không quen biết nào đó.

Khi Lyndon B. Johnson “cần” tấn công nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, Cơ quan an ninh Quốc gia Hoa Kỳ đã không ngần ngại “điều chỉnh” các báo cáo tình báo, để tạo ra một vụ Hoa Kỳ “bị tấn công trên biển”, ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ. Tất cả những gì sau đó là lịch sử (cho ai còn dám/muốn đọc).

Mùa tranh cử năm 2004, chuyện *WMD* được ém nệm, được nguy trang ngay cả bằng cách bôi nhọ, làm mất uy tín những ai có chủ tâm phanh phui ra sự thật. Bộ máy nhào nặn dư luận của đảng Cộng Hòa Mĩ, với sự đồng lõa thật năng nổ của guồng máy truyền thông Mĩ và cái còn vương vất lại của một đảng Dân Chủ không xương sống, đã dùng cái giả để bán buôn một quyền lực chính trị thật. Theo nhà báo Robert Sheer (vừa bị cho thôi việc) viết trên báo *LA Times* (2.11.2005), công tố đặc biệt Patrick Fitzgerald, trong buổi họp báo (ngày 28.10.2005) công bố vụ trợ lí của tổng thống G. W. Bush có tiết lộ : “*Lẽ ra chúng tôi đã đứng đây (trong buổi họp báo -- NL) vào tháng 10 năm 2004, thay vì tháng 10 năm 2005*”,

nếu vụ điều tra không bị những ngăn trở. Tháng 10.2004 ?
Giữa con số tranh cử. Một ngôi quyền lực hai lần bị đánh
cấp ?

Nước mắt nước mũi nào ràn rụa cho dân chủ ?

5

Bạn tôi cay đắng : “ *Cũng chỉ vì chế độ độc đảng* ”. Tôi nghĩ,
anh nói về một xứ sở khác mà cả anh và tôi đều biết. Nhưng,
anh vỗ vỗ vào trang báo đang cầm. Anh nói chuyện nước của
anh. Chuyện Mĩ. Tôi vặn : “ *Nói nhảm. Mĩ không chỉ có hai
mà còn đa đảng nữa là khác* ”. Anh ném cho tôi một cái nhìn
khô, không buồn nói lại.

Dù lạc quan hơn anh, cũng khó lòng mà gạt bỏ cái cảm giác
đây là một chế độ nhìn hơn chế độ độc đảng một tí xíu thôi.
Lại chạnh nghĩ tới phim *Good night and good luck*. Nhân vật
chính trong phim, dựa theo nhân vật thật ngoài đời : nhà báo
truyền thanh và truyền hình Edward R. Murrow, nhấn mạnh
đến vai trò của truyền thông trong cuộc đấu tranh chống Joe
McCarthy. Sự “ xếp giáp quy hàng ” của “ đệ tử quyền ” Hoa
Kì giờ đây đã góp phần làm nhỏ lại kích thước thật của một ý
thức xã hội, dưới chiêu bài an ninh quốc gia “ thời chiến tranh
chống khủng bố ”.

Hay “ thời dịch tả ” ?

4

Mỗi người một lá phiếu là ... dân chủ.

Đầu tháng 11, dân Cali đi bỏ phiếu “ đặc biệt ”. Đặc biệt, vì
ông thống đốc cơ bắp, kiêm tài tử xi nê, kiêm Cộng hoà mà rề
Dân chủ, đưa một số dự luật (dằng dai không rút giữa ông ta
và cái nghị viện tiểu bang) ra cho dân quyết định. Dân biết,
dân bàn, dân quyết định. Ồi giờ ơi, thiên đàng dân chủ là
đây.

Nhưng, nghe vậy mà chùng như không phải vậy. Ngày bầu cử
gần kề, theo báo chí, ông thống đốc nhận ra là lòng dân li tán,
khán giả ái mộ ông tài tử xi nê ứng cử viên hai năm trước đã
bị một ông thống đốc nói-và-làm-hơi-bị-khác xua đi khá
nhiều. Cho nên, ông và đám quân sư của ông bèn mơ mộng
rằng, cái đám cử tri “ phá thói ” (tức không ngoan) càng ít đi
bầu càng tốt. Khổ thay, tinh thần dân chủ “ vôi máy nước ”,
lúc mở lúc đóng tùy kết quả thăm dò dư luận, hình như không
chịu lòng ông bắp thịt ; cuộc bầu phiếu đặc biệt (ngày
8.11.2005) của Cali đã tặng ông ta một kết quả không vui.
Ông cho biết sẽ quay về tìm cách làm việc với... lập pháp.
Chuyện lạ dân chủ.

Mỗi người một lá phiếu hoá ra có... xung khắc với dân chủ ?
Cũng may, dân Iraq vì còn bận nhận lệnh xây nền dân chủ
đầy máu me của mình, không mấy ai đọc báo Cali ; họ cũng
đỡ hoang mang.

3

Salinas là một thành phố nông nghiệp, Tô sà-lách (salad
bowl) của California, nằm khoảng giữa chiều dài của tiểu
bang này. Hiện giờ có ba thư viện thành phố mỗi tuần còn mở
cửa được vài ngày. Cũng trong lần bầu cử đặc biệt này, thành
phố Salinas hi vọng sẽ được thêm quyền tăng thuế mua bán lẻ

(sales tax) để cứu các thư viện và một số dịch vụ khác của
thành phố. Với số dân cư lao động nông nghiệp, trắng và nâu,
thu nhập thấp và trình độ văn hoá không cao, chuyện đóng
cửa thư viện thì nhằm nhò gì đến nước Mĩ giàu sang? Con
nhà cày bừa, hái rau thì vô thư viện để ... ngủ à ?

Dù vậy, cũng có đôi ba người chắc lưỡi, vì trong số các thư
viện bị đoạ đóng cửa có một thư viện mang tên John
Steinbeck, “ đưa con danh giá ” của Salinas. Thì đã sao ?

2

Và có lẽ, không riêng gì người Iraq. Nhiều người Cali cũng
không đọc báo (Mĩ) ở Cali. Bằng không, cái ông đương
nhiệm Đại sứ Mĩ ở Việt Nam mất chức về nhà đuổi... heo
(thời cúm gà) như chơi.

Bà con người Mĩ gốc Việt là cử tri chiếm tỉ lệ đáng kể ở một
số quận hạt. Ông/Bà chính trị gia nào muốn kiếm phiếu thì
xin chịu khó nghe lời. Cho nên, khi đại sứ Marine “ đại đột ”
nói rằng Hoa Kì chỉ “ thừa nhận lá cờ của nước Việt Nam
cộng sản (NL học theo chiêu giữ vững lập trường của báo,
đài nam Cali, tự động thêm hai chữ *áy* vào bản tin chép trên
oép-sai của Việt Nam trước khi đăng/đọc), chứ không thừa
nhận lá cờ kia ” quả là ông đang ngất ngưỡng trên lưng cọp.
Mà ông ta lại thổ lộ như vậy nhân khi ghé thăm và trao đổi
với cộng đồng ở Nam Cali mới gan cóc tía chứ. Điếc không
sợ súng, hay súng không sợ điếc đây ?

Ông Bush con nghe thấy chuyện này thì ông Marine có mà lo
cập nhật hồ sơ kiểm việc. Lâu lâu cộng đồng ta vẫn ồn ã
chuyện đòi Bush cách chức đại sứ vì cái tội... thân cộng.
Đảng Cộng Hoà mà mất phiếu của “ cộng đồng ” thì Cali
càng khó thành tiểu bang “ đờ ” thêm một tẹo ?

1

Sau hết, dám xin người đọc rộng lượng hiểu cho rằng -- trong
cái tầm cỡ suy nghĩ thật vụn vặt, tùn mùn ở đây -- những từ
ngữ có khua loong coong, có giả vờ mang cái kích thước lớn
lao như : tự do, dân chủ, nhân quyền, dân quyền, thực chất
cũng không khác gì những chữ như : hamburger, freedom
fries, kẹo cao su, wonderbras, hay một món hàng nào đó ta có
thể thấy bày bán nhan nhản ở Wal Mart, ở Nam Cali ; ở
Trung Quốc, hay (biết đâu, một ngày nào đó) ở Việt Nam.

Không thể nào to chuyện hơn thế được.

Nguyễn Lộc
(11-2005)

(*) “ The Professional Mourner -- An interview with Li
Changcheng”, *Harper's Magazine*, November 2005.

Tìm đọc số 6 của tạp chí điện tử

Thời đại Mới

mới đưa lên mạng (tháng 11.2005) :

www.thoidai.org

*với các bài của Phan Đình Diệu, Ngô Vĩnh Long,
Võ Đại Lược, Trần Văn Thọ, Trần Nam Bình,
Hoàng Tuy, Bùi Trọng Liễu*

Bùng nổ ngoại ô : thất bại của mô hình Pháp ?

(tiếp theo trang 1)

NGOẠI Ô

Sự im lặng này có lẽ biểu hiện sự bất cập của những phân tích cổ điển đối với hiện tượng nổi loạn của các khu ngoại ô, nhất là các khu này không thuần nhất. Danh từ ngoại ô trong tiếng Pháp – *banlieue* – tự nó cũng rất có ý nghĩa : từ nguyên có nghĩa là lưu đày, cách ly (*mise au ban*) một dặm (*lieue*) ngoài thành phố. Thực trạng của nhiều khu dân cư ở ngoại ô hiện nay đúng là như vậy : đó là cách lưu đày lớp người mà Sarkozy (bộ trưởng nội vụ, nhân vật số 2 của chính phủ) gọi là « mặt hạng », « cặn bã » (*racaille*), thực chất là chính sách *apartheid* địa lí, sắc tộc, văn hoá, kinh tế – xã hội. Tất nhiên tình trạng này bắt nguồn từ dòng nhập cư, song cần phải dùng danh từ *nhập cư* với tất cả sự thận trọng cần thiết. Cần nói cho rõ : ngay từ thời tổng thống Giscard d'Estaing, nước Pháp đã ngăn chặn dòng nhập cư hợp pháp, chỉ còn chấp nhận cho các gia đình được đoàn tụ. Những thanh niên mà người ta quen gọi là « con cái người nhập cư » (*enfants d'immigrés*) thực ra thuộc thể hệ thứ ba : họ là công dân Pháp. Công dân như mọi công dân Pháp ? Không, và nút vấn đề chính là ở đó. Trong một thời gian dài, người ta tưởng rằng (hay làm bộ tưởng rằng) « mô hình cộng hoà » sẽ giải quyết được vấn đề, sẽ hội nhập họ vào xã hội, như nó đã hội nhập các đợt nhập cư trước đây, rằng « nhà trường của chế độ cộng hoà » sẽ xoá sạch những dị biệt văn hoá, rồi sau đó « thang máy xã hội » (*ascenseur social*) sẽ đưa họ thăng tiến. Quên rằng cuộc khủng hoảng kinh tế đã âm ỉ kéo dài hơn ba mươi năm qua, với hệ quả là tích tụ tâm lí sợ : *sợ thất nghiệp, sợ cạnh tranh, sợ toàn cầu hoá*, và bây giờ *sợ lạ, sợ người nước ngoài*. Cuộc khủng hoảng đã « tha hoá » cả một thế hệ. « Thang máy xã hội » bị pan thường trực ở các khu ZUS (*zones urbaines sensibles*, khu đô thị « nóng ») : tỉ số thất nghiệp ở đây gấp đôi tỉ số trung bình toàn quốc, tỉ số học sinh thất học gấp bốn lần tỉ số chung. Riêng con số thứ nhì cũng đủ để giải thích con số thất nghiệp cao, nhưng tệ hại hơn nữa, con cháu những người nhập cư lại còn bị những sự phân biệt đối xử, kì thị bạo liệt như đấu tranh giai cấp ở những giai đoạn dữ dội nhất. Cuộc bùng nổ vừa qua ít nhất cũng đã làm lộ rõ nguyên hình sự kì thị ấy : « tội bản mặt » (*délit de faciès*, thấy mặt « rệp » và « nhọ » là hỏi giấy, là khám, là bắt), kì thị khi đi xin việc làm (đơn xin việc và lí lịch mà mang tên Mohammed hay Mamadou thì tha hồ mà hi vọng), không có đại biểu về chính trị (thử hỏi ở Quốc hội Pháp, có mấy dân biểu là người đen hay á rập ?)...

« MAN DẠI »

Đây không phải chỗ mang « lập trường » ra thuyết giảng, và càng không nên « phong thánh » cho « cao trào quần chúng ngoại ô ». Đốt xe không phải là « trận cuối cùng » (cũng vì vậy chẳng mà các tổ chức cực tả tỏ ra lúng túng). Lại càng không thể coi những cuộc đốt xe này là « dân chúng ngoại ô tự huỷ hoại » : như vậy là đồng hoá hàng triệu cư dân ngoại ô với mấy trăm (nhiều nhất là vài ba ngàn) « thanh thiếu niên man dại » (*sauvageons*, chữ dùng của cựu bộ trưởng Jean-Pierre Chevènement) đang làm cho cuộc sống của họ thêm khốn đốn. Có danh từ nào đích đáng hơn để gọi những cậu trẻ vô trách nhiệm đã « giải trí » bằng cách ném chai xăng đốt xe riêng, xe buýt, phòng tập thể dục, trường học, nhà trẻ ? Mất vị trí giai cấp, mất quy chiếu văn hoá, thiếu vắng mọi cấu trúc tinh thần, họ không biết thế nào là « chuẩn tắc », là « giá trị » ; ngôn ngữ duy nhất mà họ biết sử dụng là ngôn ngữ của sự đụng độ, của tương quan lực lượng. Họ là sản phẩm tột cùng của sự suy sụp giáo dục và sự từ nhiệm của gia đình. Đáng lo ngại hơn nữa, đằng sau « hình ảnh » về « con cháu người nhập cư » ấy, hiện rõ « cuộc khủng hoảng bản sắc, nghĩa lí và quy chiếu » (lời chẩn đoán của tổng thống Chirac) mà trách nhiệm nặng nề nhất lại là Nhà nước. Vì những lí do kinh tế, nhưng cũng do quan điểm lập trường, chính quyền đã cắt giảm quỹ hoạt động xã hội, do đó xô đẩy người nhập cư co cụm vào cộng đồng gốc gác của họ. Về mặt văn hoá, đó thường là những cộng đồng có tính chất bộ tộc, nghĩa là lạc hậu đối với xã hội hiện đại (điển hình là vị trí của phụ nữ trong những cộng đồng này). Cùng lúc đó, các giá trị truyền thống của các cộng đồng này bị lép vế trước các giá trị dân chủ của xã hội chung quanh (thí dụ điển hình là đạo luật « thể tục » về khăn trùm), tình huống này tạo ra tình trạng mất hệ quy chiếu, mất cả uy quyền (của gia trưởng, của cha mẹ, anh chị lớn). Đó là những yếu tố sản sinh ra cả một thế hệ « tuổi trẻ lạc lõng ».

Trong một thời kì dài, « dự phóng cộng hoà » đã mang lại kết quả tích cực : từ những người nhập cư tứ xứ, nhờ nhà trường, tiếng nói, nhờ những giá trị phổ quát, nhờ chính sách tách biệt Nhà nước với các giáo hội, nhờ một Nhà nước « duy ý chí », nó đã « tạo sinh » ra những công dân Pháp... Nó là một mô hình hiệu quả, thừa sức đua tranh với những mô hình « duy cộng đồng » kiểu Anh-Mĩ. Mô hình Anh-Mĩ có thể ví như một tấm « vải ghép » (*patchworks*), khâu những mảnh màu sắc bất kỳ, riêng rẽ, lại với nhau, còn mô hình Pháp có thể ví như một bức tranh « ghép » (*mosaïque*), cũng từ những mảnh nhỏ đa dạng, ghép thành một tổng thể theo một « đồ hoạ », một « ý đồ » chung. Phải chăng cuộc khủng hoảng ngoại ô vừa qua đã chứng tỏ rằng « mô hình » Pháp đã cạn kiệt sức sống rồi ? Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một thế hệ sinh trưởng trên lãnh thổ Pháp cảm thấy mình không hội nhập được, nó ứng xử như một thành phần xa lạ với tập thể quốc gia, và có nguy cơ khởi động một quá trình li khai và « cộng đồng hoá ».

NGUYỄN QUANG

Tôi bị bắt

Hồi kí của TRẦN VÀNG SAO



Trần Vàng Sao
(Vũ Dạ, 2005)

Khi giới thiệu Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm (ĐD số 155), chúng tôi đã viết : thời ấy, ở vùng giải phóng miền Nam hay ở miền Bắc, nhật kí có thể mang hoạ cho người viết. Chúng tôi nêu thí dụ trường hợp nhà thơ Trần Vàng Sao. Khi đó, chúng tôi không ngờ sẽ được đọc hồi kí Tôi bị bắt (Nhớ lại những năm tháng tôi bị bắt rồi được thả ra và sống như tù)(xem

www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=5751&rb=08). Tên thật là Nguyễn Đình, sinh năm 1942 (cũng như Đặng Thuỳ Trâm), nhà thơ Trần Vàng Sao tham gia phong trào sinh viên Huế từ sớm, năm 1965 bị lộ, phải „lên núi“. Bị thương và đau dạ dày, anh được đưa ra Bắc điều trị năm 1970. Cái nhìn phê phán của anh về hiện thực của cái gọi là „chủ nghĩa xã hội“ ghi trong nhật kí bị đọc trộm đã dẫn tới những buổi đấu tố rợn người. Dưới đây, chúng tôi trích đăng những trang về những ngày sau đó, khi anh được đưa đi sơ tán (năm 1972).

Mỹ đánh thị xã Sơn Tây. Lần đầu tiên thị xã Sơn Tây bị ném bom. Hai quả bom rớt ngay trung tâm thị xã, có một quả trúng nhà hát nhân dân, sân khấu lộ thiên bị sạt mất một góc. Không có ai chết hay bị thương. Tình hình trở nên căng thẳng. Thị xã thỉnh thoảng đã có tiếng keng báo động có máy bay Mỹ. Bất cứ một đoàn bệnh nhân nào mới đến K65 đều được ban lãnh đạo cho biết tình hình và đặc điểm của thị xã Sơn Tây. Thị xã Sơn Tây là nơi tập trung nhiều thành phần phân động. Do đó việc quan hệ với người ở ngoài thị xã phải hết sức đề cao cảnh giác, nhất là sau vụ Mỹ tập kích nhà giam tù binh Mỹ. Ở đây có một nhà thờ Thiên chúa giáo. Một đêm Noel trước đây cán bộ miền Nam được lệnh là không ra đường và đến nhà thờ để đảm bảo an ninh. Hơn nữa, bọn phân động có thể lợi dụng việc có nhiều người đến nhà thờ và qua lại đông trên đường trong đêm Noel để củng cố thế lực và tuyên truyền xuyên tạc chế độ ta.

Khoảng 1 hay 2 tuần sau, các khối bệnh nhân họp khẩn cấp và bắt thường. Tất nhiên là tôi không được dự. Sau bữa cơm chiều, mọi người trong phòng vội vàng sắp xếp đồ đạc gọn gàng. 8 giờ tối, ông tổ trưởng báo cho tôi sắp xếp đồ đạc chuẩn bị sáng mai 6 giờ sơ tán.

Nơi sơ tán là thôn Cam Đà, xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, tỉnh Sơn Tây. Tôi cùng với hai người khác được sắp xếp ở nhà chị Hoàng Thị Thuận. Một ông tên Lai, người Bình Định, tổ trưởng tổ đảng, có nhiệm vụ canh giữ và theo dõi tôi. Và một anh chàng người Vĩnh Linh tên Kiệt. Anh này cũng là đảng viên, người ốm cao, trắng trẻo, khoảng gần 30 tuổi. Trông anh ta bao giờ cũng ngơ ngẩn, nói năng lộn ngược, lộn

xuôi khó hiểu. Người ta bảo anh ta bị thần kinh, hậu quả của một cơn sốt ác tính. Tôi thì cho là anh ta giả đồ đầu thần kinh để khỏi trở lại chiến trường. Anh ta có ý định xin đi học bổ túc văn hóa ở Từ Hồ. Anh Sinh, một người trong làng đất tôi đến nhà chị Thuận. Tôi để đồ đạc giữa sân. Một đứa bé gái khoảng sáu tuổi đang đứng dưới mái hiên bước xuống sân chào tôi.

« Cháu chào chú ạ. »

« Chào cháu. »

Anh Sinh bước lên nhà nói to :

« Chị Thuận ơi, cho mấy bác ở nhờ một tí nha ! »

Một người đàn bà răng đen, dáng người khỏe mạnh lớn hơn tôi độ 3 tuổi dưới bếp đi lên.

« Chào các bác. Mời các bác vào nhà xoi nước. »

Dân ở đây coi chuyện cán bộ nhân viên đến ở nhờ trong những ngày sơ tán là chuyện bình thường, và họ còn mừng nữa, vì như thế là vùng của họ an toàn, máy bay Mỹ không ném bom. Có điều lần này họ thấy lạ là những người đến sơ tán đa số là người miền Nam.

Lâu mới uống chè, ngon quá. Chỉ tiếc là không có gừng. Anh Sinh chào tôi về và nói, nhà của anh ở sau lưng nhà chị Thuận, mời tôi khi nào rảnh sang uống nước chè. Một lát sau ông Lai và anh chàng Kiệt đến. Vừa thấy tôi thằng Kiệt la lên bài bãi :

« Không, không, tôi không phải ở đây tề. Mà... mà... ở bên tề... thôi, thôi... ». Nói rồi hấn xách va li đi ngay. Mọi người đều nghĩ là hấn nhầm chỗ. Chỉ có tôi biết là hấn sợ ở với tôi có thể bị liên lụy những điều không tốt.

Nhà chị Thuận rộng, cao ráo, kiểu nhà rường, lợp tranh, ba căn hai chái. Căn giữa để bàn thờ và tiếp khách. Bàn thờ sơ sài, một bát nhang, một bình sứ để cắm hoa, không có đèn coi trầu; phía sau là một cái bàn soạn đã tróc hết sơn. Tôi và ông Lai ở căn dưới. Bốn mẹ con chị Thuận ở căn trên và chái trên. Cũng như hầu hết nhà ở đây, chung quanh nhà chị Thuận cũng có tường xây bằng gạch sống và một cái cổng nhưng không bao giờ đóng. Nhà có một cái sân rộng lát gạch, một giếng nước rất trong. Trước mặt nhà là một cái ao rộng như một cái hồ, mùa mưa thả bèo nuôi lợn, mùa nắng trồng nếp. Chung quanh ao là những hàng tre bao bọc.

Chị Thuận có chồng đi bộ đội vào chiến trường từ năm 1968. Mấy năm nay gia đình chị không nhận được tin tức gì của anh hết. Suốt ngày chị ở ngoài đồng. Cơm nước do mấy đứa con ở nhà lo. Chị có 3 đứa con, tất cả đều là gái. Đứa đầu tên Xuân học lớp 7, đứa thứ hai tên Thu học lớp 4, đứa út tên Lan học lớp 1. Hết buổi học, đi Xuân ra đồng giúp mẹ để lấy thêm công điểm. Đi Thu đi học về là quấy triêng giống đi hốt phân trâu nộp cho hợp tác xã. Xuân, Thu đứa nào cũng đen nắng, chỉ có đi Lan là trắng và mập tròn. Về nhà chúng nó làm việc không hờ tay, đứa nấu cơm, đứa vớt bèo cho lợn, giặt giũ, múc nước vào chum... Cũng như hầu hết các gia đình quanh đây, nhà chị Thuận ăn no, nhưng không sướng. Bữa nào cũng chỉ có rau muống hái ở ruộng phần trăm chằm với nước tương. Cá, thì chỉ có cá vụn cũng kho với tương, nhưng chỉ thỉnh thoảng. Lâu lâu tôi thấy chị Thuận chặt một hai cây tre đem ra chợ Mía những ngày phiên bán được bầy

tám đồng. Những ngày đó cả nhà được ăn cá. Ở đây, nhà nào cũng có một hoặc hai ba cái chum tương để trước sân. Cứ nhìn chum to chum nhỏ, một chum hay hai ba chum thì cũng biết nhà đông hay ít người. Tương làm bằng nếp và ngô. Tương bao giờ cũng được dự tính ăn cho đến giáp vụ, ngoài tương, muối và ớt ra, tôi không thấy nhà chị Thuận có thêm một thứ gì khác nữa, không có mì chính, không có đường, nước mắm... Mỡ thì phải đợi đến Tết. Còn đường thì cũng phải đợi đến tết, lễ Quốc khánh 2-9, hợp tác xã mới phân phối cho một nhà một ít mật mía để nấu chè. Trẻ con, trừ một vài nhà có cán bộ làm việc ở thị xã hoặc ở Hà Nội, hầu hết ít khi được ăn kẹo. Chúng để dồn lông vịt hoặc những thứ lật vặt sắt đồng gì đó, thỉnh thoảng đổi cho mấy bà đồng nát lấy một hai que quẹt mật mía ăn dẻo như kẹo. Bánh mì, ngay ở thị xã Sơn Tây dân cũng không có hưởng hồ là ở đây. Sáng nào tôi cũng để phân nửa cái bánh mì cho mấy đứa nhỏ. Ông Lai thấy thế cũng làm theo. Chị Thuận nói, chú không để mà ăn, cháu nó đã có cơm, khoai sắn rồi. Tôi cười, tôi uống nước trà quen rồi chị ạ. Chị thấy không, sáng sớm mà tôi cũng một bát chè xanh đậm cũng được. Chị Thuận nói, tôi thấy ít người trẻ mà uống nước chè đặc như chú. Cũng quen thôi chị ạ.

Tôi thường ngồi nói chuyện với chị Thuận. Ngoài những lúc làm việc mệt nhọc, khi có hơi thư thả, tôi thấy chị buồn buồn.

« Mỗi lần thấy mấy chú là tôi lại nhớ đến nhà tôi. Nhà tôi đi bộ đội, năm 1968 vào Nam, ở chiến trường Tây Ninh. Một hai năm đầu nhà còn nhận được thư. Mấy năm nay thì không có tin tức gì hết. Tôi biết ở chiến trường ác liệt lắm. Anh ấy chắc không còn nữa. Chú biết không, mỗi lần nghe trên xã có giấy báo tử gửi về, những người có chồng đi B như tôi, cô Thìn, người cứ như mất hồn, không muốn làm, muốn ăn gì nữa. Mấy chị em chỉ còn ôm nhau mà khóc thôi. »

Một hôm ăn cơm tối xong, chị Thuận vội vã qua nhà chị Thìn. Một giờ sau chị về, chị nói với tôi : có giấy báo tử gửi về trên xã. Không biết đến phiên ai đây chú ơi. Đêm nay nhà nào cũng có người khóc.

Những ngày đó không khí trên Cam Đà nặng nề. Chị Thìn qua nhà chị Thuận, chị Thuận đến nhà chị Thìn, qua những nhà khác có người đi Nam ngồi với nhau thút thít, mắt đỏ hoe.

Năm 1976, cháu Xuân gửi thư từ Cam Đà vào Huế báo cho tôi biết là bố cháu đã hy sinh năm 1968 tại chiến trường Tây Ninh mà đến năm 1976 gia đình mới nhận được giấy báo tử.

Những ngày sơ tán ở Cam Đà tôi được sống dễ chịu hơn. Từ cái không khí như tù ngục, luôn luôn bị một đám đông ba bốn trăm con người canh giữ, rình mò, thù ghét, khinh bỉ, tôi bỗng có được một không gian rất rộng và những con người chung quanh hiền từ, vui vẻ. Họ cười nói với tôi bình thường. Họ xem tôi cũng là người như họ. Tôi được họ gọi bằng anh, bằng chú, bằng em. Hàng ngày tôi chỉ chạm mặt với cái đám đông coi tôi là thù địch ở nhà ăn. Ở đó, tôi vẫn ngồi ăn một mình, hoặc chung bàn với các ông bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ... ngay cả ông Lai ở cùng nhà với tôi cũng tránh không ngồi ăn với tôi.

Bây giờ ăn cơm xong tôi cứ thủng thỉnh đi về nơi ở. Có

khi dọc đường nhiều nhà dân còn gọi tôi vào uống nước nói chuyện. Ông Lai có nhiệm vụ canh chừng tôi. Trừ đi ăn cơm, đi mua hàng, còn đi hớt tóc, đến phòng đọc sách, ra đồng chơi, tôi đều phải xin phép ông Lai. Ông Lai, người thấp, to bề ngang, hai cằm bạnh ra, vai rộng và gù lên, da mặt có màu chì. Cặp mắt ông ta bao giờ cũng lừ đừ nhìn tôi. Ít khi ông ta gọi tôi bằng anh, nói với tôi bao giờ ông cũng nói trống và từng tiếng một rất to như ra lệnh. Ông ta thường tránh ngồi chung nói chuyện với tôi. Bất đắc dĩ lắm khi có bà con hàng xóm của chị Thuận đến chơi, buộc lòng ông phải ngồi với tôi. Nhưng lúc đó ông ta cũng tránh nói với tôi, vì nói với tôi ông phải gọi tôi bằng anh.

Sinh hoạt hàng ngày của tôi không còn bị bó hẹp quanh quẩn một mình tôi nữa. Tôi cảm thấy mình được nhẹ nhàng hơn. Tôi đi ra, tôi đi vào không có những con mắt trừng trừng, những bãi nước miếng đánh bạch dưới đất. Tôi cười, tôi nói được tiếng to. Đám trẻ con thường đến sân nhà chị Thuận đánh thẻ, nhảy dây. Tôi ngồi xem chúng chơi đùa, cười nói. Tôi lấy giấy báo xếp tàu bay, tàu thủy cho chúng chơi, tôi vỗ tay hát hò với chúng. Tôi thường sang nhà anh Đại, anh Sinh, nhất là nhà anh Cận, uống nước nói chuyện. Anh Đại, trước đi bộ đội bị thương, phục viên về nhà làm ruộng. Anh Sinh thì đã lớn tuổi, xã viên. Anh Cận trẻ hơn tôi một hai tuổi, đi bộ đội, kém sức khoẻ được giải ngũ, bây giờ là cán bộ của một cơ quan nào đó ở thị xã. Anh Cận có vợ và hai con, vợ anh là xã viên, người xinh đẹp. Nhà của họ ở xây lưng nhau, có cửa sau đi bằng hoặc đối diện với nhà chị Thuận. Tôi chuyện trò với họ vui vẻ và khuây khỏa. Mỗi lần uống nước tại nhà anh Cận, thế nào rảnh tay, ông cụ thân sinh của anh Cận cũng đến ngồi góp chuyện. Hai cô em gái, một cô là giáo viên cấp I, một cô tên Thế đang học lớp 10, bỏ dở về làm nông giúp gia đình, thỉnh thoảng ghé lại ngồi nghe. Cô chị có khi nói, nhưng cô em thì không, chỉ ngồi im và cười. Chuyện nói thường là chuyện đời, chuyện vui, chuyện phong tục tập quán xoay quanh điều thuốc, chén trà. Họ hay hỏi tôi ở Huế, về đời sống của người dân ở Huế. Tôi kể hết với họ những gì tôi đã sống và thấy ở Huế, không giấu, không thêm bớt.

Sống với họ, nói chuyện thành thật với họ, mới hiểu được tâm lòng của họ. Không phải họ không thích nói chuyện chính trị, nhưng như ông cụ thân sinh anh Cận nói : các bác đó (chỉ những cán bộ miền Nam ở sơ tán) hễ nói chuyện bao giờ cũng tỏ vẻ động viên chúng tôi, lên lớp chúng tôi. Chúng tôi không thích thế. Ngồi với nhau nói chuyện nên hoà đồng mới vui, có thể uống chén nước hút điều thuốc mới ngon.

Ông Lai không bằng lòng ra mặt khi thấy những người chung quanh thân mật với tôi. Nhưng ông ta cũng chịu. Tôi vẫn sống bình thường, không bao giờ tỏ ra là mình cố gắng phấn đấu để lấy lòng những người như ông ta. Tôi không sợ gì cả. Tôi có tư cách của tôi và tôi phải giữ tư cách đó.

Dần dần, rồi cũng có những cán bộ bệnh nhân K65 đến chơi với tôi. Trong số những người này, bác Nhã là người gần gũi với tôi nhất. Lúc sơ tán về đây, bác ở nhà anh Cận nên tôi hay gặp bác, thành ra thân quen. Bác Nhã là người Nam Định, khoảng gần 60 tuổi. Năm 17, 18 tuổi vì gia đình quá cực, bác đi phu mộ. Trên tàu từ Hải Phòng vào Nam bác làm quen với một cô gái cùng quê và kết làm vợ chồng ngay. Bác kể, lễ

cười là mấy chai li-mô-nát, vài cây kẹo, quây quần vài thằng bạn cùng quê. Vào Nam, hai vợ chồng làm phu cạo mũ cao su cho đồn điền của một thằng Tây. Một năm sau, vợ bác ốm nặng và chết. Kháng chiến chống Pháp, bác đã tham gia làm cơ sở cách mạng, sau đó vì hay thay đổi chỗ làm việc nên bác mất liên lạc. Đến kháng chiến chống Mỹ bác hoạt động lại, rồi bị lộ, cơ sở vỡ, bác thoát ly ra chiến khu. Vì bị bệnh vết thương cũ hồi chín năm tái phát, lại tuổi già, bác được ra miền Bắc chữa bệnh. Đến nay bác vẫn chưa vợ chưa con. Sau một thời gian chữa bệnh, bác xin đi phép về thăm quê. Bác kể, đã mấy mươi năm rồi, trở về quê tôi vẫn nhớ đường và vào đúng nhà của mình. Chị tôi mừng đến tái mặt, không ngờ tôi còn sống. Nhưng sau đó, chị tôi bắt đầu nghi ngờ về tôi. Chị tôi hỏi xa hỏi gần tôi về bà con, cô bác xem có phải tôi thật là thằng Hoàng Văn Nhã không. Khi biết tôi thật là thằng Nhã rồi, chị tôi và bà con lại nghi tôi là Mỹ nguỵ cài ra hoạt động gián điệp. Tôi đoán biết điều đó và đưa giấy đi phép và các thứ giấy tờ khác làm chứng. Bà cũng không tin. Chị tôi lúc đó là bí thư chi bộ xã. Thế là bà nói Ủy ban hành chính xã điện ra K65 hỏi. Khi nhận được điện trả lời của K65 bà mới tin.

Chiều nào cơm nước xong, bác Nhã cũng rủ tôi ra đồng chơi. Bác nói : « Tôi thì sợ đéo gì, thằng cha Nai (Lai) nằm (lâm) như anh là tù không bằng. Anh cứ đi chơi với tôi, không sợ gì hết ». Từ khi quen bác Nhã, bữa ăn nào bác cũng gọi tôi cùng đi.

Về sau có 3 người mới chuyển đến thường hay đến gặp tôi nói chuyện. Đó là các anh Linh, Kim và Hiến. Cả ba người đều là người Quảng Nam và là đảng viên. Loáng thoáng tôi đã gặp họ ở nhà ăn. Họ tự động đến ngồi ăn cùng mâm với tôi cười nói vui vẻ. Trong câu chuyện qua lại, họ cho tôi biết tên những người bạn của tôi trước học ở Huế sau vào Đà Nẵng hoạt động cách mạng. Tôi có những người bạn mà họ cũng quen, họ có những người bạn mà tôi cũng quen, người Quảng có, người Huế có. Chúng tôi quen biết nhau là như thế. Rồi họ thỉnh thoảng đến chỗ tôi ở nói chuyện, mượn sách báo. Linh có nói : tụi tôi đến chơi với anh, vì thích anh. Anh đừng nghi là tụi tôi được phân công theo dõi và tìm hiểu anh để báo cáo.

Năm 1976, tôi hay gặp Hiến ở Huế, lúc đó Hiến học đại học sư phạm sử. Tốt nghiệp xong Hiến đi dạy đầu ở Quảng Nam. Từ đó tôi không được tin gì về Hiến. Một người bạn rất thân của Hiến tên Phong có cho tôi biết hình như Hiến mất tích ở Campuchia. Kim thì học đại học mỹ thuật Hà Nội. Sau ngày giải phóng, Kim làm việc ở Đà Nẵng. Trong khi bước giạt lùi để ngắm bức tranh đang vẽ ở trên sân thượng của một tòa nhà cao tầng. Kim đã hụt chân rơi xuống đất chết. Còn Linh, sau thời gian ở K65, tôi không có dịp gặp lại.

Những ngày này còn có một người thường lui tới với tôi là ông Đặng Kiếm Ba. Ông tên thật là Đặng Ura, người Phú Yên, trên bốn mươi tuổi. Vì mê nhân vật Đặng Kiếm Ba trong truyện *Rừng thẳm tuyết dày* của Trung Quốc nên ông lấy bí danh đó. Tôi đã quen ông ta lúc ở bệnh viện E1 (Thạch Thất, Hà Tây). Hồi đó ông là phó bí thư đảng ủy khối bệnh nhân. Lúc K65 chưa sơ tán còn ở thị xã Sơn Tây, ông ta cũng tránh mặt tôi. Về đây, ông lại hay đến gặp tôi, nhờ tôi vẽ cho ông

học tiếng Anh. Ông cho tôi cuốn “English Grammar” for Pedagogical Institutes của Liên Xô mà ông ta mua ngày 23.5.1959 ở Hải Phòng. Cuốn sách này bây giờ tôi vẫn còn giữ.

Ông Ba hay đi Hà Nội, tôi nhờ ông mua giúp mấy tờ báo Liên Xô, Trung Quốc bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Tôi nói với ông Ba : « Tôi muốn xem những tờ báo này để biết thêm tin tức. Nhưng tôi rất ngại. Tôi sợ họ nói tôi đọc báo địch. Nếu có ai hỏi anh cứ nói là anh họ tôi mượn ». Một hôm tôi đi chơi đến 6, 7 giờ tối mới về thằng cha Lai nghiêm mặt, gù lưng đứng trên thềm nhà trợn mắt, hai cái môi thâm tím rung lên, mắt bình tĩnh, hỏi to, lấp bắp từng tiếng :

« Anh... anh... đi đâu... nãy giờ... mới về ? Há... há... »

« Anh Ba rủ tôi đi chơi. »

Ông ta thuận chân bước xuống thềm, không nói gì nữa. Ông Ba lúc đó là ủy viên thường vụ đảng ủy phụ trách thanh niên khối bệnh nhân.

Tôi bước vào nhà, chị Thuận đang ngồi bên phản đứng dậy ra bàn giữa rót nước, nói :

« Chú Đính uống nước chè xanh. Cháu nó mới nấu. »

Tôi dạ.

Việc người ta đối xử với tôi không giống như người khác, những người dân thường gần gũi với tôi dần dần đã nhận thấy.

Sau khi về đây khoảng hơn hai tuần, một buổi sáng thứ sáu, cô Mùi và cô Chanh, y tá của K, đem thuốc đến phát cho bệnh nhân. Như thường lệ, tôi đến nhận thuốc, cô Mùi bảo :

« Hôm nay anh không có thuốc. »

Tôi cứ nghĩ hôm qua cô y sĩ khám bệnh đã quên ghi phần thuốc của tôi. Đến trưa, chiều cũng không thấy ai đến phát thuốc. Sáng thứ 7, cô Mùi, cô Chanh đến phát thuốc. Cô Chanh đưa thuốc cho ông Lai, cô Mùi gấp cuốn sổ phát thuốc lại. Tôi hỏi :

« Còn thuốc tôi ? »

Cô Mùi lật sổ ra, rà ngón tay trên danh sách bệnh nhân.

« Thuốc của anh cất rồi. Anh không có thuốc. »

Tôi biết sau một thời gian điều trị, y bác sĩ cắt hẳn hoặc giảm bớt lượng thuốc cho bệnh nhân để theo dõi tác dụng của thuốc, và sau đó tùy theo tình trạng sức khỏe của bệnh nhân mà thay đổi cách điều trị. Thuốc cắt hoặc giảm là thuốc chữa bệnh, còn các loại thuốc bổ thì vẫn giữ. Tôi bây giờ thì thuốc chữa dạ dày và thuốc bổ đều cất hết. Sáng thứ 5 tuần tới, cô Xiêm y sĩ đến khám bệnh. Khám cho ông Lai xong cô cấp sổ đi. Cô Xiêm xem như tôi biết là kể từ nay tôi không được khám bệnh và phát thuốc nữa.

Máy bay Mỹ đã ném bom một số vùng chung quanh xã Cam Thượng. Thỉnh thoảng thôn Cam Đài có keng báo động. Tôi và ông Lai giúp chị Thuận đào một cái hầm ếch đủ cho 5 người núp dưới bụi tre trên bờ ao. Đất mềm dễ đào, nhưng cũng phải hai ngày mới xong. Chị Thuận nói với tôi :

« Mới đầu tôi cứ tưởng là chú không làm được việc nặng. » Tôi ngả hai bàn tay chỉ cho chị Thuận thấy những dấu chai, nói :

« Chi chớ đào hầm thì tôi cũng quen rồi, chị ạ. »

Cứ theo tiếng keng báo động mà biết máy bay Mỹ ở gần hay ở xa và đã xuống hầm hay chưa. Ít khi tôi xuống hầm. Tôi cứ ngồi ngoài miệng hoặc ra sân xem tên lửa rượt máy bay Mỹ hay các trận không chiến. Ông Lai cứ rình cơ hội và nặng lời với tôi :

« Sao không chịu xuống hầm. Xuống hầm đi, ngồi trên đó để làm gì ? Không sợ dân họ phê bình à ? »

Tôi không xuống.

« Nó đánh có điểm rồi. »

Bây giờ chiều chiều đi làm về, cơm nước xong, chị Thuận và dĩ Xuân ngồi đánh mũ rom và con cú. Lúc này trẻ con trong thôn đi học đều đội mũ rom và mang một vành rom ở sau lưng. Các lớp học đều có thành đất cao một mét vây quanh và giao thông hào dẫn ra ngoài. Tôi vừa nói chuyện với mẹ con chị Thuận, vừa tập đánh mũ rom cho vui. Chị Thuận nói :

« Chiến tranh chưa hết, chúng tôi còn khổ. Chắc mấy chú, mấy bác ở chiến trường đã quen với bom đạn rồi. Ở đây, hề nghe tiếng máy bay là chúng tôi quá hãi. Ôi, nó mà ném bom xuống đây chắc chết hết thôi. »

Đĩ Xuân hỏi tôi :

« Ở chiến trường Mỹ nó ném bom dữ lắm phải không, chú Đính ? »

« Trong đó, không khi nào là không nghe tiếng bom đạn, không khi nào vắng tiếng máy bay. Phút im lặng, lúc không có tiếng bom, không có tiếng máy bay là lúc căng thẳng nhất, là lúc cái chết có thể đến với mình chưa biết khi nào. »

« Sao thế hở chú ? »

« Lúc đó sẽ có B52. »

« Hãi quá chú nhỉ ! Thế chú có sợ không ? »

« Sợ chứ ! Nhưng rồi cũng quen đi như mình quen với cái chết bên cạnh mình hàng ngày. »

« Chú nói cái gì thế ? »

« Lúc mới lên rừng, thấy có người chết, nhất là những người vừa mới ngồi nói chuyện với mình, mới đi mới đứng đó, hay vừa mới gặp mình hôm qua. Chú sợ và ớn. Nhưng rồi, chiến tranh ngày càng ác liệt, ngày nào cũng có người chết, và lâu thành ra quen đi. »

« Chắc chú thù thằng Mỹ lắm, chú Đính nhỉ ? »

Chị Thuận cười :

« Cái con này, không thù sao chú lại tham gia cách mạng. »

Đĩ Xuân :

« Chúng cháu ghét thằng Mỹ vì chúng nó ném bom giết nhiều người quá. »

Rồi chị Thuận lại liên tưởng, chị nói :

« Bỏ chúng nó đi B từ năm 1968. Mấy năm nay không có tin tức gì cả. Chắc không còn đâu, chú Đính nhỉ ? »

« Nói thế chứ... Có lẽ anh ở chiến trường Nam bộ, đường sá xa xôi, thư từ khó khăn, mà thường lại hay bị thất lạc dọc đường. »

Chị Thuận nhìn tôi :

« Có mấy người đi bộ đội cũng một lần với anh ấy, người thì đã chết, người về được thì thương binh cụt chân, cụt tay... Tôi chỉ mong nhà tôi... miễn còn sống là được... »

Chị Thuận bỏ cái mũ rom đang đánh xuống, đứng dậy đi vào nhà. Tôi nghe có tiếng rót nước vào cốc. Những lúc đó không bao giờ có ông Lai.

Thình thoảng những cơn dạ dày lại hành tôi. Nhiều lần tôi phải chọc cổ mửa để cơn đau dịu bớt. Liên tiếp mấy ngày tôi ăn cơm không được. Một buổi sáng tôi ra ngoài nhà ăn báo cháo. Phòng trực của y bác sĩ cũng ở trong nhà ăn. Thấy tôi báo cháo, bà Quy, bác sĩ trưởng khoa hỏi :

« Anh đau à ? »

Bà ta hỏi nhưng không cần tôi trả lời. Bà quay sang cô Chanh, y tá, bảo :

« Tôi đã bảo mấy cô khi nào anh này đau thì cho anh ít giọt cồn Ben la đơn. »

Buổi chiều đi ra đồng chơi với bác Nhã, bác nói :

« Anh đau lắm hay sao mà ăn cháo. Tôi trông anh lúc này hơi xanh đấy. »

Tôi nói là mấy tuần nay tôi không được phát thuốc và khám bệnh nữa.

« Nằm gì tởm thế ! »

Hôm sau trên đường ra chợ Mía tôi gặp cô Xiêm, cô y sĩ phụ trách khu vực tôi. Cô Xiêm đi lại gần tôi làm như tình cờ đi cùng đường. Không có ai đi cạnh tôi. Cô nói nhỏ và rất nhanh :

« Bà Quy ra lệnh cho em không khám bệnh và phát thuốc cho anh đấy. Em đang vội, cho em đi trước. »

Chắc là bác Nhã đã nói với cô Xiêm về chuyện tôi đau. Những ngày này tôi đi nằm sớm. Cái bụng cứ đau lâm râm, đến hai ba giờ sáng lại đau thật dữ dội. Tôi nằm co người lại, ép cái chăn bông vào bụng. Một buổi tối, cô Xiêm đi vào, cô để cái đèn bão bên góc nhà. Không có ông Lai. Cô bước lại giường tôi :

« Anh Đính sao mà đi ngủ sớm thế ? »

Cô cúi xuống bên mừng :

« Anh đau lắm à ? »

Cô vén mùng lên, ấn vào tay tôi mấy viên thuốc.

« Ka vét đấy. Anh uống cho đỡ đau. Thôi, em về. »

Cách một hai hôm sau, buổi chiều, tôi đang ngồi đọc báo trên cái ghế dài giữa sân, cô Xiêm đến. Cô nhìn vào trong nhà :

« Bác Lai có nhà không anh ? »

« Ông ta đi đâu đó. »

Cô ngồi xuống ghế lật tờ báo để bên cạnh bỏ vào một gói giấy nhỏ rồi gấp tờ báo lại.

« Em xin của mấy ông bệnh nhân đó. Khi nào có Bismuth em sẽ mang lại cho. Anh đừng cho ai biết hết. Chết em đó. Thôi em qua bên bác Nhã cái đã. »

Trước kia mỗi lần khám bệnh, tôi hay nói năm điều ba chuyện với cô Xiêm cho vui. Nay thì cô ngại. Cô Xiêm có

một khuôn mặt tròn, hai má đầy và một chiếc răng còi. Cô sinh ở Thái Lan nên có tên là Xiêm. Bây giờ mỗi lần gặp tôi như thế, cô lại cúi cho tôi vài viên Ka vét, vài gói Bismuth, có khi cô nhờ bác Nhã đưa cho tôi.

Mùa hè ở đây quá nóng. Nhà nào cũng có tường gạch sống bao quanh nên kín gió. Buổi trưa không nằm nổi trong nhà, tôi hay ra ngồi trên bờ tre ngoài ao để đọc sách. Lúc này tôi đang đọc dở cuốn *Các học thuyết về giá trị thặng dư* (phần thứ hai) của Karl Marx. Từ ngày về đây nhờ ở phân tán, ít ai nhòm ngó, tôi thỉnh thoảng lại đọc sách và ghi chép, nhưng chỉ ghi chép hoặc tóm tắt những điều trong sách mà không ghi những suy nghĩ của mình về những điều đang đọc. Sách vở của tôi, tôi để ngay ở đầu giường hoặc trên bàn của chị Thuận ở giữa nhà. Thỉnh thoảng tôi lên chỗ cô Minh, người giữ tủ sách của K, mượn sách báo. Cô bảo tôi, cần sách gì mà tủ sách ở đây không có, cô sẽ về thư viện thị xã mượn giúp cho.

Ông Lai, người canh giữ tôi, hết sức khó chịu khi thấy tôi đọc sách, ngay cả lúc tôi cầm tờ *Nhân dân* trên tay. Mặt ông ta hầm hầm, nhưng không nói gì cả. Những lúc đó cái lưng của ông ta gù xuống.

Máy bay Mỹ đánh những vùng chung quanh ngày mỗi căng và dày hơn. 7 giờ sáng báo động xa, 9 giờ báo động gần, 3 giờ chiều báo động, nửa đêm báo động. Nghe tiếng keng thì nghe tiếng người lao xao, chộn rộn, tiếng gọi nhau... rồi im lặng... Không khí như khô đi... rồi vỡ tan trong tiếng máy bay gầm rú và tiếng súng lớn súng nhỏ lụp bụp trên trời dưới đất... rồi báo yên, sinh hoạt lại như thường. Học trò đội mũ rơm, mang con cúi sau lưng đi học, xã viên ra đồng, chợ Mía vẫn đông. Nguyễn Hữu Ngô đến thăm tôi trong những ngày này, buổi trưa nắng nóng.

Tôi đang ngồi ăn cơm một mình. Nhà ăn đã vắng bót. Tôi ngó trạt lên, thằng Ngô mặt đỏ lù lù ở đâu không biết đang đứng trước mặt tôi. Hắn cười rồi kéo ghế ngồi bên cạnh tôi.

« Răng rứa mi ? »

Tôi cười, ừ. Nhà ăn lại láo xáo. Những người đã cầm bát đũa ra về đứng lại. Mấy ông đảng ủy, chi ủy, hội đồng bệnh nhân nhìn nhau. Những người đang ăn dừng đũa, ngừng nhai, nói nhỏ. Thằng cha Lai với ông Hà, Chủ tịch hội đồng bệnh nhân ghé sát đầu nhau thì thầm bên thùng nước uống.

« Răng mi biết tao ở đây ? »

« Tao sơ tán gần chùa Tây phương. Hắn đẩy gọng kính sát mũi. Rứa mà tao tưởng mi đi K3 rồi. »

« Thà rứa còn hơn. »

Hắn khoanh tay lên bàn nhìn tôi cười, rồi nhìn chung quanh :

« Họ ngó mi với tao đó. »

Tôi và hết chén cơm đứng dậy :

« Về chỗ tao nói chuyện. »

Thằng Ngô dắt xe đạp đi theo tôi. Tôi nói:

« Ở sơ tán có đỡ. Ở dưới thị xã bọn hắn cứ chăm hãm tao. »

Thằng cha Lai gù vai lạch bạch sau lưng bọn tôi cách mười thước.

Tôi chế một bình trà, mang ghế ra sân chỗ có bóng im ngồi nói chuyện với thằng Ngô. 15 phút sau ông Lai đi vòng ngă sau nhà anh Cận về tới. Thằng Ngô nói :

« Bà Trai và ông Doãn Triều đã cho bọn tao biết chuyện của mi. Bọn hắn làm dữ lắm phải không. Ông Triều và bà Trai nói là mi bị đầu tó. »

« Cả hàng trăm con người nhảy vào chửi mắng xỉ vả tao. »

« Kinh. » Hắn làm thỉnh rồi tiếp, « nghe bọn hắn đòi bản mi. »

« Thiếu một chút nữa là tao bị xé xác. »

« Vì răng tui hắn không đưa mi đi K3 ? »

« Mi ít biết. Tất cả những người ở đây đều coi tao là kẻ thù, là chó. Để tao ở đây là một cách hành hạ tao tốt nhất. »

« Khiếp ! »

Tôi hỏi :

« Thằng Thanh, thằng Sở ra sao rồi ? »

« Hai đứa ở Hà Nội. Thỉnh thoảng có về nơi cơ quan sơ tán. »

« Sau vụ của tao, tao nghe mi còn đọc trên đài giải phóng buổi phát thanh cho Huế, tao mừng. Tao cứ lo bọn hắn làm khó dễ với mi. Lúc hỏi cung tao, bọn hắn có đưa bài *Cảnh tượng* của mi cho tao đọc và hỏi tao có biết của ai không, bài thơ nói gì ? Tao bảo tao không biết và nói đó là một bài thơ tả cảnh. Mi có nhớ tờ *Hòn Kẽm* (1) mi cho tao mượn không ? Bọn hắn bảo tao có liên hệ với bọn sinh viên Việt Nam phản động bên Tây Đức. »

Thằng cha Lai cứ lảng vảng vô ra trên thềm nhà, ngoài sân, mắt liếc, mặt hầm hầm. Keng báo động có máy bay Mỹ. Tôi với thằng Ngô xuống ngồi dưới hàng tre bên bờ ao. Tôi nói với thằng Ngô :

« Bọn hắn nghi CIA cài tao vào để phá hoại. »

(...)

Một lát sau, ngó lui ngó tới tôi không thấy anh ta ở đâu nữa. Chiều ngày hôm sau, bác Nhã cho tôi biết: « Tôi nghe mấy ông trong đảng ủy nói rằng lâu nay chúng nó nằm im, bây giờ đã bắt liên lạc với nhau. Cái anh bạn đến thăm anh đó, họ bảo là đồng bọn với anh đó ». Tôi bảo họ : « Bạn bè lâu ngày không gặp, người ta đến thăm nhau là chuyện thường. Có gì đâu ». (...)

Một đêm tháng 12.1972, Mỹ đánh B52 Hà Nội. Tôi đang nằm liền vùng dậy chạy ra sân. Lửa chớp sáng rực một dãy dài phía trên nóc nhà chị Thuận. Tiếng nổ xa từng trận không dứt, rầm rầm.

« B52 rồi ! »

Những nhà chung quanh người ta gọi nhau thức dậy. Tôi hỏi anh Đại và anh Sinh, những người hàng xóm của chị Thuận :

« Hướng đó có phải là Hà Nội không ? »

« Đúng là Hà Nội. »

Lửa trên trời phía trên Hà Nội cứ chớp liên tục, đỏ ối.

Tôi cảm thấy mình như tức thở và trong người xôn xao.

Mỹ đánh B52 Hà Nội 12 ngày đêm, hiệp định Paris, tôi

vẫn ở Cam Đà. Những ngày mùa hè nóng rát da ở đây như vẫn còn lại trong trí nhớ của tôi đây đủ những cảm giác mệt mỏi buồn chán và xúc động. Tôi thường nằm trên đám lá tre khô trên bờ ao sát cánh đồng. Buổi trưa nhiều khi gió rất nhiều. Tôi nhìn mấy cây chuối mọc cheo leo bên bờ nhớ lại những ngày còn nhỏ của tôi ở Vỹ Dạ. Bây giờ chắc mẹ tôi vẫn còn đi bán cháo ở ngoài chợ hay trên Đập Đá, dưới hàng hiên Morin ngoài đường Lê Lợi. Chiều nào cũng thể đi học ở trường Thế Dạ về, tôi nấu cơm rồi in đầy một đọi, xé miếng lá chuối đập lại, một tay bung cơm, một tay cầm cây đèn bóng đem ra chợ cho mẹ tôi. Năm lớp nhì, lớp nhất, bốn năm ở Bồ Đề, ba năm ở Quốc Học, công việc đó đối với tôi hàng ngày vẫn cứ đều đặn. Cho đến năm 1962, tôi đậu tú tài và đi dạy học ở trường bán công Truồi, thỉnh thoảng lúc nào rảnh tôi mới bó cơm và mang đèn ra chợ cho mẹ tôi. Vào nhà tôi ăn cơm một mình, lấy sách vở ra học bài, rồi đóng cửa lại leo lên ngựa nằm ngủ. Khoảng 10 giờ là sớm nhất, thường khi là 11, 12 giờ, có khi 2, 3 giờ sáng, có tiếng chó sủa ngoài xóm, rồi có tiếng hò, rồi một ánh lửa lúc sáng lúc tối, lúc mất lúc còn lấp loáng qua hàng chèo tàu, mẹ tôi về. Tiếng hát vẫn kéo dài mệt mỏi, áo nã cho đến khi mẹ tôi đặt gánh xuống đất, kéo vạt áo lên lau mặt. Những đêm mùa đông mưa to mới thể thâm. Có khi đến 2 giờ sáng mẹ tôi mới về. Lửa trong lò vẫn đỏ chập chờn. Cháo còn, lòng còn. Mẹ tôi bảo : con với mấy đứa ăn hết cháo đi. Còn lòng với thịt thì cái ni xắt ăn hết, còn cái ni luộc lại cho mạ, không thôi siu. Mạ tôi đi nằm. Tôi kêu thằng Bé, thằng Vinh, anh Tân, những người bạn nghèo khổ hàng xóm tới ăn cháo. Cháo lúc đó bao giờ cũng ngon. Bốn năm giờ sáng mẹ tôi dậy đi lấy lòng. Tôi múc nước đổ vào khương đặt lên bếp, nhen thêm một bếp bắc ấm nước sôi, ché trà. Có mùa mẹ tôi đi bán sớm, có mùa đi bán chiều, mà cũng còn tùy cháo lòng cháo gà hay cháo vịt nữa. Những buổi trưa ngồi lật rau sống, những buổi chiều buổi tối ngồi một mình, mẹ tôi hay hát, khi thì hò mái nhì mái đẩy, khi thì ru em, những câu hát buồn đau đớn. Mẹ tôi hát và khóc một mình. Những câu hát đó cứ luân quần mãi trong trí tưởng tôi suốt cả đời.

*Đêm khuya dựa gốc cây bông
Nước chua gió xuống động lòng em đau*

Như lúc này đây tôi đang nằm ở dưới hàng tre ở cái xứ sở xa lạ này, những câu hát đó vò xé ruột gan tôi. Những câu hát đó lại chập chờn trong ánh lửa thấp thoáng, và mẹ tôi như một bóng ma, trên vai một gánh cháo mệt mỏi thất thểu giữa đêm khuya mưa gió, rồi thấp một nạm hương ra sân khấn vái trời đất, khấn vái ba tôi phù hộ cho tôi còn sống. Sau này tôi mới biết, vì không chịu nổi cái cảnh trống vắng, cô quạnh của cảnh nhà mà nhìn đâu cũng thấy như tôi có ở đó, mẹ tôi đi bán thỉnh thoảng ngủ luôn ngoài chợ Vỹ Dạ.

(...)

Một buổi chiều tôi sang nhà anh Cận chơi. Cụ thân sinh anh Cận và anh đang ngồi uống nước trên bực phản kê sát thềm nhà, thấy tôi ông cụ gọi :

« Chú Đính vào uống chè. »

Tôi dạ. Chuyện qua lại một lát. Ông cụ hỏi :

« Chắc mấy bác, mấy chú sắp trở về thị xã rồi chứ gì ? »

Anh Cận nói :

« Mỹ hết đánh bom rồi, các anh cũng không còn ở đây lâu nữa đâu. »

Ông cụ nói :

« Chú Đính ạ, tôi cũng như bà con quanh đây, chú Sinh, chú Đại, cô Thuận đều biết tình cảm của chú. Chú sống ở đây dễ gần một năm rồi. Có một lần, nói thật với chú, tôi mượn chén rượu làm như tình cờ ngồi nói chuyện với bác Lai. Tôi nói thế này: bác Lai ạ, việc của mấy bác chúng tôi không dám xen vào, nhưng tôi thấy giữa chú Đính và mấy bác ở đây có một sự khác biệt về cách đối xử. Các bác, các chú cũng là người ở chiến trường ra cả, đối xử với nhau như thế cũng không phải cho lắm, củi đậu mà lại nấu đậu, tôi thấy đau lòng lắm. Chú Đính có những chuyện gì đó chúng tôi không rõ, tôi chỉ xin nói với bác Lai điều này. Thời gian ở đây chú Đính là một người rất tốt, bà con ai cũng thương. Bác Lai với bác Nhã sống gần với chú Đính, sau này xin bác báo cáo lại với tổ chức như thế. Nghe tôi nói thế, ông Lai làm thỉnh, chỉ ậm ừ những gì đó rồi nói lảng qua chuyện khác. »

Anh Cận nói :

« Nhiều lần nói chuyện với anh tôi cũng hiểu được một phần nào hoàn cảnh của anh. Bác Nhã cũng đã nói cho tôi biết một ít về anh. Bà con chung quanh họ thấy chứ. Anh không được đi họp, không được khám bệnh, không được phát thuốc, đi đâu ra khỏi đây cũng có người đi theo. Bọn trẻ con bảo, chúng cháu thấy chỉ có bác Lai là được khám bệnh và phát thuốc không thôi. Mà bác Lai lại hay nói tiếng to và nặng lời với chú Đính. Còn chú Đính thì làm thỉnh. Nói thật với anh, tôi thấy ông Lai thế nào a. Ở đây chẳng có ai có cảm tình với ông ấy. »

« Cũng may cho tôi, về ở đây có bớt căng thẳng hơn ở thị xã. Tôi cảm ơn hết sức tấm lòng của ông cụ, của anh, chị Thuận và bà con... với mấy cháu Xuân, Thu, Lan, dĩ Bình, dĩ Sinh... »

Viết đến ngang đây, tôi như đang sống những ngày đó ở Cam Đà với những con người mà tôi vừa kể tên, tôi thấy rõ từng nét mặt, hình dáng, cử chỉ, giọng nói của mỗi người...

Buổi chiều trước khi sáng mai về lại K65 ở thị xã Sơn Tây, tôi nói với ông Lai lấy cơm về ăn chung một bữa với gia đình chị Thuận cho vui. Tối đó, nhà nào cũng mời tôi uống nước nói chuyện. Anh Cận cho tôi một lạng chè và một gói thuốc rê. Chị Thuận cho tôi một bó thuốc lá ngon. Chị nói :

« Khi nào có ai về Sơn Tây tôi gửi thuốc cho chú. Mà chú hút thuốc nhiều quá. »

Tôi nói với chị, chị thông cảm cho tôi, về thị xã rồi tôi khó có dịp trở lại thăm chị với các cháu.

« Thôi, khi nào về thị xã, chúng tôi sẽ ghé thăm chú. »

TRẦN VÀNG SAO

© 2005 talawas

(1) *Hòn Kê* là tạp chí của phong trào sinh viên Việt Nam chống Mỹ tại Tây Đức. Phong trào này đã thành hình cuối thập niên 1960, sau khi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu kết án tù anh Nguyễn Xuân Xanh, triệu hồi Linh mục Lưu Hồng Khanh... (chú thích của ĐĐ).

Mùa Thu cho Em

Nguyễn Lộc

Cuối tháng 10 đầu tháng 11, tổ chức thiện nguyện **VNHelp** (trụ sở đặt tại San José, California) mời sáu nghệ sĩ từ Việt Nam sang biểu diễn trong chương trình âm nhạc *Mùa Thu Cho Em 10*, tại hai địa điểm: San José và Huntington Beach. Sáu nghệ sĩ thuộc ba lớp tuổi, trong chuyến đầu biểu diễn ở Mỹ: nhạc sĩ **Nguyễn Ánh 9**, ca sĩ **Ánh Tuyết** và ban tứ ca **Năm Dòng Kè**, đã mang lại cho non 1.000 khán giả bắc Cali và 600 khán thính giả ở nam Cali hai buổi sinh hoạt văn nghệ thật thú vị, đáng nhớ.

Riêng người viết những dòng này chỉ được tham dự buổi diễn ở Huntington Beach, xin được nói thêm về buổi diễn ấy.

Phải nhận rằng, Ánh Tuyết là ngôi sao chính mang một số lớn khán giả đến với hai buổi trình diễn. Số khách mộ điệu ấy gồm cả những người đã từng nghe Ánh Tuyết qua CD, đã từng dự các buổi biểu diễn của cô ở Việt Nam, hoặc đã là khách quen của phòng trà ca nhạc do cô làm chủ và điều khiển ở Sài Gòn. Trong suốt một buổi diễn khá dài, Ánh Tuyết hát thật say sưa qua nhiều chuỗi bài hát với chủ đề và thể điệu rất khác nhau (từ nhạc Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Văn Phụng, Y Vân cho đến Johan Strauss rồi Phạm Đình Chương, với trường ca *Hội Trùng Dương*), Ánh Tuyết một lần nữa chứng tỏ chất giọng và tài nghệ phong phú, đa dạng của cô. Thật thoả lòng người nghe tương đối chọn lọc của buổi diễn.

Giọng hát Ánh Tuyết như được nâng niu hơn, tô điểm thêm, qua tiếng đệm dương cầm tài hoa của nghệ sĩ Nguyễn Ánh 9, một tên tuổi và tiếng tăm quen thuộc từ những năm tháng ông còn lăn lộn trong các phòng trà và vũ trường của một thời thật xa nào đó. Khán giả đã vỗ tay tán thưởng, thích thú khi Nguyễn Ánh 9 chấm dứt một đoạn độc tấu mang phong cách jazz. Đặc biệt, qua giọng nói ôn tồn, rí rả tâm sự thật dễ gần gũi,

Nguyễn Ánh 9 đã để lại trong lòng người ái mộ một mối thân tình và xúc động khi ông "kể on" của hai người đàn bà đứng "đàng sau" ông, sức đẩy, sức nâng và là bóng mát cho cuộc đời nghệ sĩ dài lâu và không ít thăng trầm của một Nguyễn Ánh 9 hết mình cho âm nhạc: cụ bà thân sinh và phu nhân của ông.



Khi Nguyễn Ánh 9 đã thành danh thì bốn cô gái trẻ Năm Dòng Kè chưa ai chào đời. Giờ đây, họ đứng trên cùng một sân khấu với "bố" Nguyễn Ánh 9. Thật gần gũi, thật đồng điệu. Rồi Năm Dòng Kè hoà giọng với tiếng hát Ánh Tuyết; đã hát cùng Nguyễn Ánh 9. Ngay cả khi các giọng ca tươi trẻ ấy chạy đuổi nhau như chim chuyền cành, hay hoà quyện với nhau

trong một dải âm thanh uốn lượn tuyệt vời, qua các bài hát theo thể cách *a capella*, ta vẫn như cảm được cái nhìn triu mến, tin cậy và trông đợi của Nguyễn Ánh 9. Có một sự kết hợp thật đầm thắm trên sân khấu, có một sự nồng ấm lan truyền trong cả thính phòng với gần 600 người nghe. Với những một số khán giả lần đầu có dịp làm quen với Năm Dòng Kè, bốn nghệ sĩ trẻ tuổi này là một quà tặng quý báu bất ngờ. Năm Dòng Kè, lần đầu "vác mì tôm" (bí mật của Năm Dòng Kè) sang chinh phục miền viễn Tây Hoa Kỳ, đã tạo được ấn tượng thật đẹp nơi người nghe.

Và không thể không nhắc đến cái nền quan trọng, phần đóng góp của ban nhạc **Phượng Hoàng**, dưới sự điều khiển của nhạc sĩ **Lê Huy**, trong cả hai buổi biểu diễn.

Nhiều khách tham dự đã không ngớt lời ngợi khen và cảm ơn các nghệ sĩ trình diễn cùng ban tổ chức, VNHelp. Nhưng, có lẽ đáng cảm kích hơn hết là tất cả mọi người trong thính phòng ấy đều nhằm góp một tay giúp đỡ cho các học sinh nghèo, các trẻ em khuyết tật, các cháu mồ côi, đối tượng giúp đỡ của các hoạt động của VNHelp ở Việt Nam. Trong mười năm qua, tất cả tiền lời thu được - sau khi khấu trừ phần thu lao (thường có biệt đãi cho công tác từ thiện) và phí tổn di chuyển của nghệ sĩ, thù lao của ban nhạc, các chuyên viên âm thanh và tiền thuê thính phòng - đều chuyển trọn vẹn sang tài trợ cho các dự án của VNHelp. Ban tổ chức và lực lượng hỗ trợ đông đảo cho các buổi trình diễn đều làm việc tình nguyện, không công. Bạn hữu của VNHelp ở Nam Cali cũng cảm ơn ban tổ chức đã cho họ một dịp đóng góp thật vui và ý nghĩa.

Tản mạn về một dòng kiến trúc hoành tráng hậu hiện đại



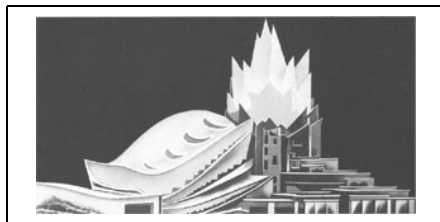
Peter Cook, Vỏ ngoài của Viện bảo tàng nghệ thuật ở Graz, Áo (2003)

Văn Ngọc

Nguồn gốc xuất xứ

Từ vài ba năm nay, ở cái khâu mũi nhọn của nền kiến trúc đương đại, tức cái mảng công trình kiến trúc công cộng, có tính cách hoành tráng, thường được dùng làm "thương hiệu" cho một công nghệ, một sản phẩm thương mại, hoặc để làm đẹp cái mặt tiền cho một thành phố, chúng ta thấy lộ ra một xu hướng kiến trúc ngày càng rõ nét.

Nó không xa lạ gì với ba dòng kiến trúc hậu hiện đại, ra đời vào những năm 70, mà chúng ta đã có dịp đề cập đến: Hậu hiện đại, High Tech, Tân cổ điển (xem Văn Ngọc, *Con đường dẫn đến kiến trúc hậu hiện đại*, ĐĐ số 150, 4- 2005). Trong chùng mực nào đó, nó đã tiếp thu và khai thác những thành quả của những dòng kiến trúc này, bởi một lẽ đơn giản là nó phát triển trong cùng một môi trường kinh tế, văn hoá, có cùng những phương tiện khoa học kỹ thuật với ba dòng kiến trúc ấy, tuy không ở trên cùng một quỹ đạo, cùng một đường rày: quy mô, kích thước của những công trình công cộng không thể nào so sánh được với quy mô, kích thước của các công trình nhà ở, không kể là còn có những khác biệt về chức năng, tính cách.



Wassili Luckhardt, Phong cách biểu hiện hoành tráng - Dự án công trình công cộng (1921)

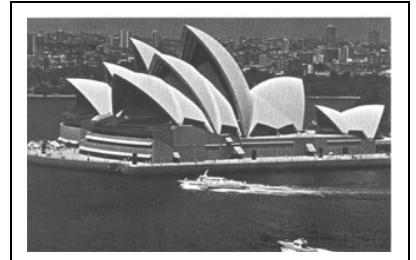
của Eric Mendelsohn, Wassili Luckhardt, Hans Sharoun (Đức), chủ yếu nhằm thể hiện cái đẹp của nhịp điệu trong sự sắp xếp các hình khối kiến trúc, những hình khối không hình

Nó cũng không xa lạ gì với một dòng kiến trúc "hoành tráng biểu hiện" đã ra đời vào những năm 20 của thế kỷ XX, với những tác phẩm

tượng, nghĩa là thuần túy hình học. Sau này, vào những năm 60, phong cách đó được tiếp tục với một nguồn cảm hứng mới: những "cấu trúc hữu cơ" của các loài động vật thực vật được một số kiến trúc sư lấy làm mẫu mực: Eero Saarinen, với *Nhà ga hàng không TWA*, phi trường Kennedy, New York, 1962), Jorn Utzon với *Nhà hát Opera ở Sydney*, 1956-73, v.v. Xem như vậy, ở hai thời điểm khác nhau, với hai phong cách có hơi khác nhau đôi chút, dòng kiến trúc hoành tráng biểu hiện đã phát triển ngoài quỹ đạo của "phong cách quốc tế" và của nền "kiến trúc hiện đại", từ 1925 đến 1970.



Eero Saarinen, Nhà ga hàng không TWA, phi trường Kennedy, New York (1962)



Jorn Utzon, Nhà hát Opera ở Sydney (Úc, 1956-73)

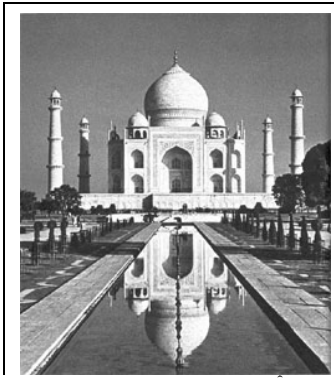
Có thể nói rằng, dòng kiến trúc hoành tráng đương đại, không vay mượn gì của *phong cách quốc tế*, cũng như của nền *kiến trúc hiện đại*. Nếu có đôi chút dính líu gì với dòng *kiến trúc hiện đại*, là chỉ ở chỗ này: vào những năm 50-60, trong lòng nền *kiến trúc hiện đại* có hai xu hướng đối lập: xu hướng thứ nhất cho rằng, bất cứ một chương trình xây dựng nào cũng có thể chứa đựng được trong một hình khối kiến trúc duy nhất, hoặc ít ra cũng có thể nằm ở bên trong một cái vỏ bọc ngoài duy nhất. Xu hướng này căn bản là duy lý (*phong cách quốc tế*), và nó đã chinh phục được không ít người, vì quả là nó gọn gàng, tiện lợi, mà lại phù hợp với môi trường đô thị.

Xu hướng thứ hai, ngược lại, chủ trương thể hiện một cách rõ ràng, minh bạch, tất cả các bộ phận, chức năng, của một công trình bằng những hình khối đa dạng, được sắp xếp theo một bố cục lô gích (*phong cách biểu hiện*).

Chúng ta sẽ thấy rằng dòng kiến trúc hoành tráng đương đại thuộc cùng quan niệm với xu hướng thứ nhất, song cái nguồn cảm hứng của nó không phải ở chỗ đó, mà chủ yếu là ở cái dòng kiến trúc hoành tráng biểu hiện, tức thuộc xu hướng thứ hai.

Khái niệm hoành tráng trong kiến trúc

Từ *hoành tráng* trong nghệ thuật tạo hình, nói chung, có nghĩa là: có quy mô kích thước nguy nga, đồ sộ, và được sắp xếp theo một bố cục có trục đối xứng, trong đó yếu tố chính thường nằm ngay trên trục đó và được làm cho nổi bật hẳn lên đối với những yếu tố khác. Thí dụ điển hình nhất trong kiến trúc cổ là những đền tháp của Bà la môn giáo và Phật giáo Ấn Độ, những quần thể kiến trúc như Angkor Vat (Campuchia), Borobudur (Java, Indonesia), v.v. Khái niệm hoành tráng thực ra đã xuất hiện ngay từ trong nền kiến trúc cổ Ai Cập, với



Lăng Tadj Mahal ở Agra, Ấn Độ (1632-1654)

Karnac, Louksor, Saqqarah ; trong nền kiến trúc cổ điển Hy Lạp, với quần thể Acropole ở Athènes ; trong kiến trúc cổ La Mã, đó là những quần thể kiến trúc ở Roma, Ý, như quần thể Forum romain, Đấu trường Colysée, v.v. Sau này, ở các thời Trung cổ, Phục hưng, cổ điển ở Âu châu, cũng đều có những công trình, hoặc quần thể công trình

hoành tráng : ở Pháp, các cung điện như Versailles, Louvre, các công trình như Grand Palais, Petit Palais, các trục quan trọng của Paris, như trục cung Chaillot - tháp Eiffel - Champ-de-Mars, hay trục Etoile - Champs-Élysées - Concorde, v.v. ; ở Ý, các quần thể như quảng trường và nhà thờ Saint Paul (Toà thánh Vatican), các bậc thang dẫn lên nhà thờ Trinita Dei Monti, v.v. đều có thể được gọi là hoành tráng.

Những hình khối mà ta thường gặp trong dòng kiến trúc hoành tráng, kể từ nền kiến trúc hoành tráng biểu hiện của những năm 20 và 60 của thế kỷ XX, có nguồn gốc xuất xứ, một mặt từ những cấu trúc hữu cơ của động vật và thực vật, mà người ta cho là toàn mỹ và lô gích, nhưng đôi khi cũng từ cả những mẫu hình kiến trúc truyền thống trong những nền văn hoá cổ, như vừa trình bày ở trên.

Tính cách *hoành tráng* tự nó thực ra cũng chỉ là một yếu tố thẩm mỹ, không mang một ý nghĩa cực đoan nào cả, ngược lại, nó góp phần cùng với những yếu tố thẩm mỹ khác tạo nên *cái đẹp hoành tráng*, cũng là một trong những cái đẹp nghệ thuật. Chỉ có con người, càng về sau này càng muốn ghép cho nó cái tính cách *phô trương*, mặc dầu tính cách này không phải là thuộc tính của nó. Thậm chí nhiều khi người ta còn đẩy xa cái chức năng này tới mức lố lãng.

Tuy nhiên, không phải bất cứ loại kiến trúc nào cũng có thể có tính cách hoành tráng được. Một trong những sai lầm của kiến trúc hiện đại của những năm 50-60, là đã muốn đem khái niệm này áp dụng cả cho những công trình nhà ở rẻ tiền, những "chuồng thỏ" trong những chung cư khổng lồ. Các công trình nhà ở bình thường, không phải là những không gian cần có tính cách hoành tráng, ngược lại, đó là nơi con người cần có những không gian, kích thước vừa phải, với những chức năng thiết thực. Đó cũng là nơi người ta cần có những góc riêng tư, ấm cúng. Đỉnh cao của quan niệm sai lầm này, là những lý thuyết không tưởng của Le Corbusier, từ dự án " *La Ville radieuse* " (Thành phố xán lạn, 1922), đến " *L'Unité d'habitation de Marseille* " (Đơn vị chung cư ở Marseille, gọi tắt là *Đơn vị Marseille*, xây trên những trụ cốt rất hoành tráng, với khả năng chứa được tới 337 hộ ở, tức khoảng 1200 người, ở tập trung trong một ngôi nhà cao 16 tầng, dài 130m, một trong những công trình chung cư xây thử nghiệm ngay sau chiến tranh (1946-50), đã ảnh hưởng không ít đến cả một thế hệ kiến trúc sư trên khắp thế giới.

Chức năng phô trương và quảng cáo

Mặc dầu không phải là một thuộc tính, song một trong những nét đặc trưng đáng chú ý nhất của dòng kiến trúc hoành tráng đương đại, là cái chức năng phô trương, quảng cáo, mà người ta giao cho nó : phô trương những tiến bộ về mặt khoa học kỹ thuật xây dựng, hoặc những ý tưởng mới mẻ về kiến trúc, nhằm quảng cáo cho một điểm sinh hoạt, một sản phẩm, một cá nhân (trước nhất là tác giả công trình), thậm chí còn nhằm vinh danh cho một địa phương, hay một thành phố. Đôi khi, người ta không ngần ngại dùng đến phương pháp khiêu khích. Khiêu khích để dư luận báo chí nói đến tác phẩm như một hiện tượng lạ, để dân chúng biết đến nó và kéo nhau đến xem. Đây cũng là một cách thoả mãn sự tò mò và thị hiếu của quần chúng, đồng thời câu khách du lịch.

Một vài công trình lè loi xuất hiện ngay từ trước năm 2000, đã mang những nét đặc trưng của xu hướng này rồi.

Bắt đầu từ cái kim tự tháp bằng kính của Pei, kiến trúc sư Mỹ gốc Trung Hoa, ở viện bảo tàng Louvre (1989). Cái kim tự tháp này đã gây nhiều tranh cãi trong dư luận. Điều hiển nhiên, là nó không ăn nhập gì với kiến trúc cổ điển Pháp thế kỷ XVII của cung điện này. Nhưng chướng mắt nhất là nó nằm lù lù, án cả một mảng lớn mặt tiền của cung điện, song dường như người ta không để ý đến cái chi tiết này lắm, phải chăng vì bị mê hoặc bởi cái mỹ từ



Pei Leoh Ming, Kim tự tháp bằng kính trước Viện bảo tàng Louvre (1989)

" kim tự tháp bằng kính ". Người ta cứ đinh ninh rằng, đã bằng kính thì phải nhìn qua được, trông phải nhẹ nhàng. Sự thực không phải như vậy. Cái kim tự tháp không chỉ bằng kính, mà nó còn có cái cấu trúc bằng kim loại dày đặc của nó, nhất là lại nhìn qua hai mặt kính nằm nghiêng, đối nhau ! Nếu nó được xây thấp hơn, thì chắc sẽ không có ai tranh cãi làm gì, nhưng như vậy thì đâu còn là " kim tự tháp " nữa, nó sẽ không hấp dẫn được ai hết, và như vậy sẽ mất đi một cơ hội để quảng cáo cho cung điện Louvre và tiếng tăm của thành phố Paris, mặc dầu ai cũng biết rằng, cái điểm quan trọng và cũng là cái điểm son không thể nào chối cãi được ở công trình của Pei, là cái không gian menh mông được khoét sâu xuống lòng đất để làm cái sảnh vào xứng đáng cho viện bảo tàng, chứ không phải là cái nắp kính hình chóp của nó.



Norman Foster, Vòm kính Nhà Quốc hội Reichstag ở Berlin (1999)

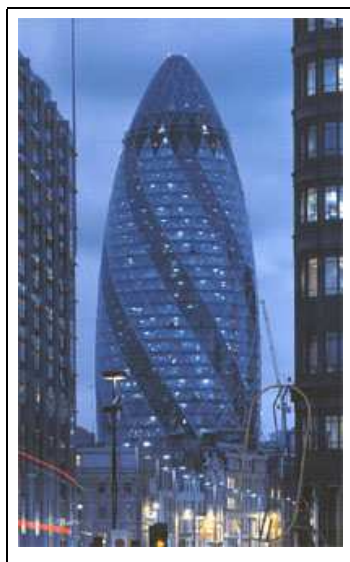
Thí dụ thứ hai, cũng lại là một cái vòm kính ! Đó là cái mái vòm nhà Quốc hội Reichstag ở Berlin (1999). Công trình này cũng đã gây nhiều tranh cãi. Lúc đầu, người ta rất nghi ngờ về khả năng hấp dẫn du khách lên tới tận cái vòm kính này để nhìn xuống thành phố. Sự

thật đã xảy ra ngược lại. Bây giờ, mỗi lần đi ngang qua đây, bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên thấy đây người ta đi lên đi xuống tấp nập ở bên trong cái vòm kính ấy. Có điều, khác với Paris, ở Berlin, khi xây dựng khu trung tâm mới, người ta đã mở một cuộc thăm dò ý kiến của dân chúng khá tỉ mỉ về các dự án, trước khi khởi công, với đầy đủ triển lãm các mô hình, phim ảnh giới thiệu, và dành một thời gian khá dài để cho dân chúng góp ý kiến. Cái mái vòm của tòa nhà cũ đã hoàn toàn bị chiến tranh phá hủy, kiến trúc sư Norman Foster đã biến nó thành một cái vòm kính hiện đại, cao hơn, với một kết cấu sắt thép đủ kiên cố, và với một hành lang để đi lên đi xuống vòng quanh vòm kính theo đường xoắn ốc. Nhìn từ bên ngoài, về mặt thẩm mỹ, thì cái vòm kính này không có gì đáng chú ý, thậm chí còn khá nặng nề do những cấu trúc sắt thép. Nó cũng không ăn nhằm gì với kiến trúc của tòa nhà cũ. Tuy nhiên, nó đã trở thành một điểm hấp dẫn du khách đến khu trung tâm mới của Berlin.

Xét cho cùng, nhu cầu có một cái nhìn bao quát để thấy rõ hơn quy mô, bố cục, của một quần thể, vẫn là một nhu cầu bản năng ở mỗi con người, và cái ý tưởng khai thác các công trình kiến trúc để đáp ứng cái nhu cầu ấy của dân chúng và tạo ra những điểm hấp dẫn của một thành phố, có thể đã có truyền thống từ lâu rồi. Thí dụ điển hình nhất có lẽ là cái Tháp Eiffel (1889). Ngay cả khi không có những công trình, địa điểm cao, người ta cũng vẫn có thể khai thác được các phương tiện khác. Đi thuyền "bateau mouche" dọc theo sông Seine, chẳng hạn, hay đi xuồng máy trên các con kênh ở các thành phố Amsterdam, hay Bruges, cũng đều là những cuộc du ngoạn hứng thú và bổ ích, trong tinh thần đó.

Chức năng hấp dẫn

Nhu cầu hấp dẫn bằng đủ mọi cách dẫn đến những cách làm đôi khi lập dị. Thậm chí đôi khi nó có vẻ như khiêu khích.



Norman Foster, Tháp Zeppelin ở London (2003)

Một trong những nét đặc trưng của dòng kiến trúc hoành tráng hậu hiện đại, chính là cái tính chất khiêu khích đó.

Điển hình nhất, là hai tác phẩm đã làm cho dư luận ở nước Anh phải xôn xao của Norman Foster, thủ lĩnh của trường phái High Tech, tác giả của vòm kính nhà Quốc hội Đức. Đó là ngôi tháp Zeppelin ở London (2003), hình một chiếc hỏa tiễn chĩa thẳng lên trời (nếu không muốn nói là hình một quả bom). Cũng có thể đó là hình một viên thuốc đạn (suppositoire) cũng nên, tùy theo cách diễn dịch của mỗi người !

Tác phẩm thứ hai, là toà thị chính của thành phố London (2002), một toà nhà cao 9 tầng, đứng nghiêng như sắp đổ, hình khối giống như bụng một con ong.



Norman Foster, Toà thị chính thành phố London (2002)

Có thể nào coi đây là một xu hướng thiên về kỹ năng, coi nhẹ ý nghĩa của ký hiệu, và biểu tượng, mà chỉ chú trọng đến hiệu quả kinh tế-kỹ thuật ? Lý lẽ mà Norman Foster đưa ra để biện hộ cho dự án của mình, là đối với những ngôi nhà cao tầng, nhất là những ngôi nhà chọc trời, thì những hình khối tròn trịa, ít cản gió, làm hạ giá thành xây dựng một cách đáng kể, chủ yếu ở khâu kết cấu và nền móng.

Ngoài Norman Foster ra, còn một số tên tuổi lừng lẫy khác : Peter Cook (Anh), Santiago Calatrava (Tây Ban Nha), Thomas Klump (Đức), Future Systems (Anh), và Renzo Piano (Ý), v.v., với những tác phẩm tuy không mang tính chất lập dị, khiêu khích quá đáng, nhưng cũng nêu rõ những đặc trưng đã nói trên : phô trương trình độ khoa học kỹ thuật xây dựng, cùng những ý tưởng mới mẻ về một nền kiến trúc thiên về kỹ năng, tận dụng những khả năng kỹ thuật tiên tiến và nhất là dựa nhiều vào sự hỗ trợ của máy vi tính. Về mặt thẩm mỹ, đó là xu hướng độc khối, hay đa khối, với những chi tiết kiến trúc đôi khi nằm ngoài những quy ước thẩm mỹ thông thường.

Người ta còn nhớ, vào những năm 60, nhóm Archigram (Anh), thành lập năm 1961, với người thủ lĩnh là Peter Cook, đã từng chinh phục giới kiến trúc bằng những bản vẽ tuyệt vời (lúc đó vẽ bằng tay, chứ chưa có máy vi tính !) thể hiện những quần thể kiến trúc, những đô thị viễn tưởng. Những dự án tưởng tượng này đã không khỏi làm cho nhiều người trong đám sinh viên kiến trúc trẻ say mê, nhưng không ai nghĩ rằng một ngày kia chúng sẽ trở thành hiện thực.

Vậy mà mới đây, chính Peter Cook đã thiết kế và thực hiện được một công trình, tuy chưa giống hẳn như những dự án viễn tưởng ngày trước, nhưng cũng gợi nhắc đến chúng một phần nào. Đó là Viện bảo



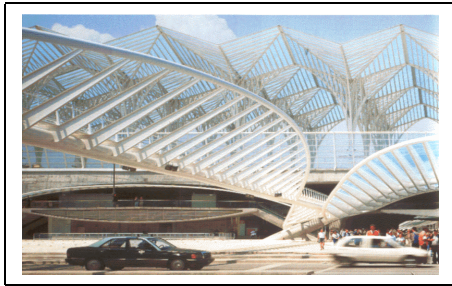
Peter Cook, Viện bảo tàng nghệ thuật ở Graz, Áo (2003)

tàng nghệ thuật ở Graz, Áo (2003), với hình khối trông giống như một quả bóng cao-su bơm căng, hoặc một quả khinh khí cầu ; người ta cũng có thể nhìn ở nó một con quái vật khổng lồ, mình nhẵn, nhưng có những cái sừng nhỏ lòi ra và có lỗ (đó là những ống thông hơi), với vỏ ngoài ốp bằng những tấm nhựa plexiglass màu xanh nước biển thẫm.

Những tiến bộ trong các ngành khoa học kỹ thuật xây dựng, cộng với sự hỗ trợ của máy vi tính, đã cho phép các

kiến trúc sư và kỹ sư xây dựng thiết kế và thực hiện những cấu trúc phức tạp một cách chính xác, do đó kinh tế hơn trước. Từ những kết cấu hữu cơ nặng nề bằng bê-tông của Saarinen, hay của Jorn Utzon, vào những năm 60, bây giờ người ta đã đi đến thực hiện được những cấu trúc đồ sộ không kém bằng sắt thép, trông thông thoáng và nhẹ nhàng hơn nhiều, tuy rằng những hình khối đặc bao giờ cũng vẽ lên không gian những ký hiệu mạnh mẽ hơn, hoành tráng hơn. (Thí dụ cho ta thấy rõ nhất điều này, là một số công trình có tính cách hoành tráng do Oscar Niemeyer thiết kế và thực hiện ở Brasilia, thủ đô nước Brasil).

Santiago Calatrava, một trong những kiến trúc sư tài năng nhất hiện nay, người Tây ban Nha, đã thực hiện một số



Santiago Calatrava, Nhà ga xe lửa Oriente ở thành phố Lisbon, Bồ Đào Nha (1998)

công trình hoành tráng nổi tiếng : Nhà ga thành phố Lisbon (Bồ Đào Nha, 1998), Quần thể Trung tâm khoa học và nghệ thuật ở Valencia (Tây ban Nha, 2000), Nhà hát Opera ở Tenerife (Tây Ban Nha, 2003), v.v.

Santiago Calatrava cũng là tác giả của Nhà ga xe lửa mới ở Lyon, và của chiếc cầu nổi tiếng cao nhất thế giới ở Millhau, miền nam nước Pháp.

Trung tâm khoa học ở Breme (Đức), mang hình con cá mập há miệng, với cấu trúc gỗ và vỏ bọc ngoài bằng kim loại, do **Thomas Klump**, kiến trúc sư người Đức thiết kế, cũng là một loại kiến trúc hoành tráng lấy hình mẫu là một động vật.

Renzo Piano, sau Trung tâm văn hoá Pompidou (Beaubourg), và quần thể công trình văn phòng và nhà ở ở Postdamer Platz, trong khu trung tâm mới của Berlin, vài năm gần đây đã thiết kế một vài công trình có thể gọi là hoành tráng, song với thẩm mỹ hơi đặc biệt : *Trung tâm văn hoá ở Tjibaou*, Nouvelle Calédonie (1998), và *Trung tâm nhạc Parco della Musica* ở Roma, Ý (2002). Trung tâm nhạc này gồm ba công trình trông như ba con ốc biển. Quan niệm về hình khối của ba công trình này là một quan niệm hoàn toàn khép kín, dẫn đến một hình tượng hơi quái dị, mặc dầu cái ý của tác giả là dập theo mẫu hình của những con ốc biển ở vùng này để hoà hợp với cảnh quan.

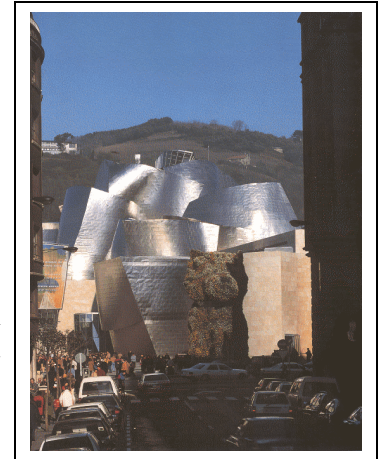
Một trong những đặc điểm (nếu không muốn nói là nhược điểm) của dòng kiến trúc hoành tráng đương đại, ngoại trừ những công trình của Santiago Calatrava và của Frank O. Gehry ra, từ Norman Foster, Peter Cook, Thomas Klump, đến nhóm Future Systems, Renzo Piano, v.v. là tính chất khép kín và liền khối, hay độc khối của chúng, điều mà cả Santiago Calatrava và Frank O. Gehry đều đã tránh được.

Một đặc điểm khác nữa, là dòng kiến trúc này hướng về thẩm mỹ của những *ký hiệu tinh*, nhiều hơn là hướng về *nhịp điệu*, mặc dầu đôi khi chúng dập theo hình dạng của những cấu trúc hữu cơ của sinh vật. Tuy nhiên, những công trình độc

khối, lại đứng lẻ loi một mình, khó có thể giàu nhịp điệu được. Có thể coi trường hợp của hai kiến trúc sư Santiago Calatrava và Frank O. Gehry là những trường hợp ngoại lệ. Santiago Calatrava, mặc dầu đã thiết kế và thực hiện khá nhiều công trình đồ sộ có tính chất hoành tráng, song các tác phẩm của ông trước hết đều rất đa dạng, sau nữa chúng đều là những bố cục và cấu trúc mở.

Frank O. Gehry, là tác giả của một số công trình hoành tráng trong môi trường đô thị, như : *Viện bảo tàng Guggenheim ở Bilbao*, Tây Ban Nha (1997), *Phòng thính nhạc Disney* ở Los Angeles, Mỹ (2003), *Nhà hát Bard College Theater* ở New York, Mỹ (2003). Các công trình của Frank O. Gehry thường không có trục đối xứng, do đó tính cách hoành tráng của chúng, nếu có, cũng không có tính chất nghiêm trang như các công trình của Saarinen, hoặc của Jorn Utzon.

Cả ba công trình này đều có cùng một ngôn ngữ diễn đạt, một điều khá hiếm hoi ở nơi ông, có lẽ vì cái ngôn ngữ này cho phép ông thể hiện những quần thể hình khối kiến trúc khác nhau, nằm trong một bố cục mở, mỗi hình khối có một bộ mặt, một kích thước riêng biệt. Ít ra cái vỏ ngoài của công trình luôn luôn cho ta một hình ảnh nhẹ nhàng, bay bướm.



Frank O. Gehry, Viện bảo tàng Guggenheim ở Bilbao (1997)

Trên thực tế, phong cách kiến trúc của Frank O. Gehry trên ba công trình này là gì, nếu không là một phong cách diễn đạt bằng *nhịp điệu* ? Nhờ đó mà nó sinh động hơn, có những tỷ lệ nhân bản hơn là những phong cách khép kín, độc khối, trông đồ sộ, nhưng là những *hình tượng tinh*, những *ký hiệu tinh*, tuy hoành tráng thực đấy, nhưng thường lạnh lẽo, xa vời, không phù hợp với tâm lý con người.

Dẫu sao, nhìn chung, dòng kiến trúc hoành tráng ở thời nào cũng đều là những dòng kiến trúc đất tiền, cần nhiều công sức, tiền của, và kỹ thuật để thực hiện.

Chính là nhờ có sự trợ giúp của những kỹ thuật xây dựng tiên tiến và của máy vi tính, từ khâu thiết kế kiến trúc, cho đến khâu tính toán kết cấu, nên người ta mới thiết kế và thực hiện được những công trình mà cách đây vài chục năm không thể nào mơ tưởng được.

Những công trình hoành tráng hậu hiện đại cũng như thế những chiếc xe đua Formule 1. Mặc dầu không ảnh hưởng trực tiếp tới những vấn đề khiếm tốn thường đặt ra cho ngành xây dựng nói chung, nhất là ở các nước nghèo, hoặc các nước đang phát triển, song chúng vẫn là những mũi nhọn đi trước mở đường, về mặt kỹ thuật cũng như về mặt thẩm mỹ.

Văn Ngọc

Tập thơ
ÁC MỘNG

của
Hoàng Hưng

Bạn đọc đã biết Hoàng Hưng qua những tập thơ *Ngưu Biển*, *Người đi tìm mặt*, và những bản dịch thơ Pháp, Mỹ ra tiếng Việt. *Diễn Đàn* trích đăng trong số này một số bài thơ trong tập *ÁC MỘNG* mà tác giả quyết định công bố sau nhiều năm các nhà xuất bản trong nước không dám xuất bản.

ÁC MỘNG gồm những bài nhật kí - thơ sáng tác từ 1982 đến 1992, nghĩa là trong ba năm tác giả ở trong tù và những năm tiếp theo. Hoàng Hưng bị bắt ngày 17.8.1982 vì bị nghi là đầu mối chuyển những bài thơ trong tập *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm ra nước ngoài (trong đó có bài thơ nổi tiếng *Lá diêu bông* mà Phạm Duy đã phổ nhạc), tức là tội "tuyên truyền văn hoá phẩm phản động", sau đó thêm tội "tàng trữ những bài thơ phản động gấp trăm lần" khi công an khám nhà anh, tìm ra những sáng tác của anh ghi trong nhật kí. Sau khi bị bắt giam Hoà Lò, tra vấn tại đây và tại nhà giam Thanh Liệt (Hà Nội), anh bị đưa đi "cải tạo" (nghĩa là giam tù theo "quyết định hành chính", không xét xử) tại nhà tù Thanh Cẩm (Thanh Hoá).

Để bạn đọc hiểu rõ hoàn cảnh sáng tác *ÁC MỘNG*, tôi nhất là trích đăng Lời ngỏ của Hoàng Hưng:

"Thảm thoát đã hai mươi năm kể từ cái ngày tôi ngơ ngác xách gói (...) khắp khởi bước ra khỏi cổng trại Thanh Cẩm mà lòng còn chưa tin hẳn đó là sự thật. Cho đến khi, theo lời dặn của người quản giáo tốt bụng, rẽ vào nhà anh để ăn bữa cơm tự do đầu tiên sau 39 tháng cơm tù. Và được anh chỉ lối ra bến xe khách về ga Thanh Hoá. (...)

"Đêm đợi tàu ở ga Thanh Hoá để về đoàn tụ với đại gia đình ở Hà Nội, giữa đám trẻ bụi đời mà tôi tự nhiên sấp vào theo một lựa chọn bản năng cho sự an toàn của mình, sự lựa chọn không thể giải thích bằng lý trí, có lẽ là đêm đầu tiên tôi không ác mộng. Có thể nói hơn một nghìn đêm sống trong các chỗ giam cầm khác nhau, từ trại tạm giam Hoà Lò, đến Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia ở ngoại thành Hà Nội, sau cùng là trại cải tạo Thanh Cẩm ở miền núi Thanh Hoá, hầu như không đêm nào tôi không gặp ít hay nhiều ác mộng, những ác mộng ngắn hoặc dài, là những mảnh vụn hay cả một câu chuyện. Phần lớn những ác mộng ấy, nếu không là lạc vào những cánh giới hãi hùng thì cũng bao gồm cảnh mình bị rượt đuổi, bị bắt, hay bị giam cầm, hoặc vượt ngục mà không thoát... Có điều tôi có thể khẳng định là tôi chưa bao giờ mơ thấy mình bị đánh đập hay bị tra tấn!

"Đêm tự do đầu tiên hình như tôi ngủ rất sâu, và tỉnh dậy không nhớ là mình có mơ thấy gì trong lúc ngủ hay

không. Nhưng rồi về sau, cứ lâu lâu, tôi lại có những ác mộng, mà phần lớn cũng lại vẫn là những cảnh như thế. Tình trạng cứ kéo dài cho đến tận bây giờ. Tôi hằng mong chúng đừng trở lại, đừng làm tôi thảng thốt tỉnh dậy giữa đêm, đừng ám ảnh những ngày tôi đang mong muốn tình tâm để hoà nhập lại với xã hội và tự tu chỉnh con người mình. Nhưng vô ích. Chúng cứ trở lại, lúc thưa lúc mau, không bao giờ báo trước. Trong lúc tôi ở tù, vợ tôi có lần đi xem bói, một cô bói rất trẻ và xinh ở gầm cầu Trương Minh Giảng (Sài Gòn). Không cần khai cô ấy cũng biết là "chồng của chị đang bị tù. Rồi sẽ được ra, nhưng nếu ông ấy không biết tu thì rất có thể sẽ vào tù lần nữa". Khi tôi về thì cô bói đã đi đâu không tìm lại được nữa, nhiều khả năng cô đã vượt biên, và đã hoặc bỏ xác trên biển cả hoặc thành một Việt kiều ở đâu đó.

"Vợ tôi rất lo cho tôi, luôn khuyên tôi phải tu. Tu có nghĩa là phải kiềm chế dục vọng, phải kiềm chế "cái tôi", và phải nhẫn nhịn, đừng chấp trước, đừng oán hờn. Than ôi thảng làm văn nghệ thường rất khó tu, nhất là tu hai cái đầu tiên, nhưng cái sau cùng thì tôi tự xét mình phần nào tu được. Chứng cứ là tôi chẳng bao giờ oán hận những người đã tham gia bắt bớ giam cầm mình, làm cho vợ con mình khổ cực suốt mấy năm trời mà những di chứng đến bây giờ chưa hết. Vì thực tâm tôi hiểu họ không thù ghét gì tôi cả, thậm chí có thể có người trong số họ lúc ấy tin rằng tôi có tội, đáng phải cải tạo.

"Cố gắng "tu" theo lời vợ khuyên, liệu tôi có thoát khỏi tù đầy lần nữa hay không chưa biết, nhưng những cơn ác mộng thì vẫn không buông tha cho tôi.

"Đọc sách phân tâm học, tôi được thuyết phục rằng muốn chữa bệnh tâm lý thì phải tự gọi lại những chấn thương từ thuở xa xưa mình đã gặp phải. Nhớ lại được rõ ràng thì sẽ có cơ may khỏi bệnh. Kinh nghiệm thông thường cũng cho rằng những nỗi thương đau một khi kể ra được thì sẽ vơi đi. Vậy thì, muốn tự giải thoát khỏi những cơn ác mộng, một lần cho xong, tôi thấy mình phải kêu lên một tiếng, kêu thật to, cho tỉnh hẳn.

"Đó là lý do năm 2002, vào dịp kỷ niệm 60 năm chào đời, 40 năm chào thi đàn, cũng là dịp 20 năm đời mình có một bước ngoặt lớn là sa chân vào ngục tù, tôi quyết định đưa 30 bài thơ hợp thành phần *ÁC MỘNG* vào trong *Tuyển Thơ 40 năm* của mình.

"Đây là những bài thơ tôi làm trong và sau khi ra tù. Có những bài "vứt hiện" trong óc, tôi cố nhớ và sau khi ra tù thì ghi lại, chỉ sửa đôi từ hoặc không sửa; có những bài hình thành một phần trong tù, hoặc một đoạn, hoặc cái tứ, hoặc một câu chủ, sau này tôi dựa vào đấy mà hoàn thành; có những bài, trong những lúc bị ám ảnh kéo dài của ác mộng, tôi lại như sống trở lại cảnh sống trong tù trước đây, và bài thơ hiện ra. (...)

"Vì lợi ích của bản thân là tự giải thoát khỏi những ác mộng dai dẳng, không thể chờ đợi lâu hơn, hôm nay tôi quyết định công bố ba mươi trong số các ác mộng ấy. Để tổng tiền chúng như tổng tiền các vong hồn, để quên chúng đi mãi mãi, cho chúng đừng đè nặng hai vai mình trên con đường tương lai..."

HOÀNG HƯNG

ÁC MỘNG

VÀO

Cánh cửa sắt đen kịt
Đóng xâm sau lưng tôi
Bỗng ào ào náo loạn
Như một bể dầu sôi.
Những cái đầu trọc lóc
Vươn theo từng bước đi
Những bộ xương đen đúa
Bốc lên mùi tử thi.
A ! Địa ngục là đây
Ta bắt đầu kiếp quý
Sao dễ dàng quá nhỉ
Chỉ một bước một giây
Bước qua cánh cửa này
Kiếp người đã xa lắc.

Giật mình nghe tiếng quát :
- Cởi hết áo quần ra !

17/8/1982

BỮA CƠM ĐÀU TIÊN

Nhai miếng cơm khô giữa nắng
Trệu trạo trong mồm nuốt khó trôi
Bạn giục ăn nhanh không người mắng
Bỗng nghẹn lưng chừng nước mắt rơi

Thôi thế từ nay đoạ kiếp rồi
Tin dữ bây giờ chắc tới nơi
Nhà ta đau đớn chừng nào nhỉ
Tối xâm trước mặt bát cơm rơi

CHIỀU

Một dãy tường cao bóng đổ dài
Chú chim ngơ ngác gọi tìm ai
Chiều tà như muốn dài vô tận
Vòi nước ngoài kia cứ chảy hoài



BAO GIỜ

Thạch thùng tặc lưỡi trên cao
Phòng giam lạnh lẽo chìm vào cõi đêm
Nhà ta giờ đã lên đèn
Bữa cơm giờ chắc đã quen thiếu người
Ta nghe tiếng mắng tiếng cười
Thằng cu nghịch sỏi cả nỗi com tung.
Trời ơi sao nhớ quá chừng
Bao giờ tới bữa ngồi trông con đùa
Ngồi đây biết đến bao giờ
Trùm chặn ta đợi con mơ đưa về

CHIẾC LÁ BÀNG

Những đôi mắt âm thầm
Rời qua khe cửa
Bao giờ rụng chiếc lá bàng cuối cùng ?

Sẽ rụng đêm nay
Khi gió bắc nổi
Không. Nó sẽ còn đeo đẳng mãi trên cây
Dai như kiếp sống đoạ đầy

Trong giấc ngủ màu máu
Chiếc lá bàng mệnh mông
Thức dậy không còn lá
Bầu trời tím thâm

Bỗng rùng mình kiệt quệ
Như vừa ra đi giọt máu cuối cùng

KHÔNG ĐỀ

1

Thần trí vùng lên đáy huyết rừng rùng. Tắt lịm, u
mơ, nhòa toả. Lấp loá vàng son võ nhịp. Điu hiu.

2

Thân thể nát như tương. Kiệt quệ lời ca khật
khùng râu tóc. Co quắp nằm chịu trận. Sắt xâm,
ngực nghẹn, u âm.

3

Xóm xà lim mìn mịt mặt người, ú ó gọi kêu cào
vách đêm thăm thẳm. Thông thống vào lòng nhân
loại tối đen. Quỳ khóc mắt ráo hoảnh.

CÁCH BÀY LẦN TƯỜNG

Cách bày lần tường
Có con nương nhỏ
Mùi bùn chiều mưa
Có con đường làng
Ngây ngây xoan tím

Cách bày lần tường
Tiếng cười vụt qua
Một trưa rất tròn

Sau bày lần tường
Có người đêm đêm
Mắt mở trừng
Nghe sấm chạy

Một hôm
Có cánh hoa soan
Vào thăm người ấy
Bàng hoàng người ấy
Nhặt cánh hoa soan

Chuyện chỉ có vậy
Sau bày lần tường

NGƯỜI VỀ

Người về từ cõi ấy
Vợ khóc một đêm con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy
Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy
Giữa phố đông nhôn nhột sau gáy

Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối

Một hôm có kẻ nhìn trần trời
Một đêm có tiếng băng quơ hỏi

Giật mình
một cái vỗ vai

MÙI MƯA HAY BÀI THƠ CỦA M.

Tất cả nước mắt loài người bao vây nhà ta
Nằm bên anh em kể câu chuyện buồn
Chôn sâu trong lòng giò mới nói ra
Gợi ý của trận mưa chưa từng thấy

- Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm
Điên cuồng nhớ mùi anh như con bò cái nhớ mùi

Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm

- Em còn yêu anh không yêu đến đâu giận ghét đến đâu
Mười lăm năm lòng mình chưa hiểu hết

Mưa mưa ngập tầng trệt
Đưa nhau lên gác xếp nằm nghe mưa xập mái tôn

Ước nằm nghe mưa rồi chết

Đêm 25/6/1992

Kỷ niệm 20 năm ngày mất Xuân Diệu

XUÂN DIỆU CẮN VÀO QUẢ-SÁU-ĐỜI-SỐNG

THANH THẢO

Nhiều lần tôi với Ngô Thế Oanh và Trung Trung Đĩnh lên nghĩa trang Mai Dịch viếng mộ Văn Cao, Xuân Diệu, lần nào chúng tôi cũng nói với nhau : chẳng biết ai là tác giả bức phù điêu chân dung Xuân Diệu tạc trên bia mộ Ông, trông giống Xuân Diệu vô cùng nhưng...buồn quá. Liệu khi còn sống Xuân Diệu có buồn đến thế không ? Nhìn bức phù điêu cứ như Ông đang khóc. “*Giữa xã hội của đồng tiền lụ khụ / Đến nỗi thanh niên cũng thành ra cũ / Người ta thay tình ái tựa sơ mi / Như sạch trong không còn giá trị gì*” (**Aragon và Elsa**), những câu thơ ấy Xuân Diệu viết từ năm 1962 cho xã hội phương Tây, bây giờ đọc lại như thấy Ông đang viết về xã hội mình. Có những câu thơ không cũ, và cùng với những khúc quanh của thời gian, nó dường như mới lại. Dường như Xuân Diệu cũng có những bài thơ dễ dãi, nhất là trong những năm 60, 70, nhưng ta thử đọc một đoạn thơ đơn sơ này xem, viết vào năm 1962 : “*Một buổi chiều trong bếp nấu cơm / Má đang lật rau, lửa nhe nhẹ cháy / Một buổi chiều trong vườn sạch lá / Đất còn mang dấu chổi quét ban mai*” (**Một buổi chiều**). Những câu thơ thơm mùi đất, mùi bếp lửa, mùi của yêu thương có thể không bao giờ còn trở lại. Xuân Diệu có tập thơ mang tựa đề **Gửi hương cho gió**, thì những câu thơ như vừa trích chính là mùi hương của thơ Ông “*hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya*”, nó nhẹ nhàng mà khiến ta day dứt, nó đọng lại đâu đó trong ta khi gió đã ngừng và những ồn ào đã bật. Xuân Diệu có thể viết những bài thơ lộng lẫy, ngân vang như **Nguyệt Cầm**, lại có thể viết những bài thơ giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày. Ông là một trong những nhà thơ Việt có ý thức làm thơ “*như nói*” từ khá sớm : “*Theo ý má, con là hơn tất cả / Ánh mặt trời, má cũng gửi vào con / Bánh con cho, má để dành lại đã / Con ăn cùng, má mới thấy quả ngon*” (**Thơ tặng má**). Những ngắt nhịp của đoạn thơ khiến người đọc cảm thấy như tác giả đang một mình trò chuyện với mẹ mình, trong im lặng. Còn đây là một ngắt nhịp khác, như tiếng kêu thốt hồn nhiên của những đứa trẻ, trong bài **Cho chú xin một quả si** : “*Mấy cháu trai cầm những nhành lá mượt tươi / Điểm những trái nhỏ, vàng, tròn, chín, mập / Một cháu hãy còn ngửa đầu tiếp tục / Nhón gót lên với bé những cành la...*”. Đó cũng là sự kín đáo của kỹ thuật “*thơ vắt đồng*” mà bây giờ một số người đang khuếch trương. Xuân Diệu, ngay từ thời Thơ Mới, đã có ý thức du nhập “*kỹ thuật*” thơ Phương Tây, đến nỗi nhiều người kêu Ông làm thơ “*Tây quá*”. Thực ra, nếu chỉ đơn thuần dùng kỹ thuật thơ phương Tây, dù là kỹ thuật tân kỳ, Xuân Diệu cũng không thể chinh phục được người đọc như Ông đã chinh phục. Chính hồn Việt, hồn Phương Đông, ngắt ngắt trong đậm bạc, giàu có trong tiết giã đã khiến thơ Xuân Diệu được

người Việt yêu thích. Và sự chân thành đến tận cùng, đến không sợ những câu chữ có thể bị coi là ngây ngô, đã khiến thơ Xuân Diệu đặc biệt gần gũi với đời thường. Dĩ nhiên, đi như cách Ông đã đi trong thơ “*đời thường*” là đi trên dây, quá một chút sẽ hoá vẩn xuôi, còn non một chút thì đó là thơ có vẩn chưa tới. Xuân Diệu, trong rất nhiều bài thơ của mình, đã giữ được sự thăng bằng động ấy, như một nghệ sĩ đích thực. Vâng, một nghệ sĩ đích thực là người thường phải “*đi trên dây*” trong những tác phẩm của mình. Sự chênh vênh, bập bênh của ngôn ngữ được thể hiện trong tác phẩm lại cũng là một thước đo để người ta đánh giá tài năng của một nghệ sĩ ngôn từ. Từng là người làm thơ với “*ngôn từ đẹp*”, Xuân Diệu đã tìm đến cái đẹp ẩn khuất của những từ ngữ bình thường, những ngôn từ sù sì và “*không đẹp*” nếu ta dùng thước cũ để đo. Bài thơ **Đêm ở Thái Bình** đã khiến không ít người phải ngạc nhiên : “*Những cây xoan Thái Bình nói gì trên ngọn ? / Gió thổi qua biển về thổi qua đồng / Và thổi trên trời : ba mênh mông / Lại cả rằm trắng mây giăng nhẹ khuất / Sấm thấp chuổi chen những tàu rộng mát / Mấy thân cau, vài dăm bụi tre cao / Vạn tiếng côn trùng trong đất xôn xao / Một mặt ao cây với nghiêng sát nước / Thịnh thoảng éch kêu trội hơn tiếng khác / Nhất là chó sủa vắng vắng hay hay*”. Thế cũng là thơ ư ? “*Nhất là chó sủa vắng vắng hay hay*” là một câu thơ ư ? Hồi ấy người ta hỏi nhau vậy. Bây giờ, khi thơ đã tự giải phóng cho mình bao ràng buộc, đọc lại đoạn thơ này, tôi càng cảm phục Xuân Diệu : Ông đã đi một bước trước. Quả thật, đó là những câu thơ tuyệt hay. Và hiện đại. Là người có kiến văn rất rộng, và rất nhạy cảm, Xuân Diệu đã cùng lúc cho thơ mình chạy trên hai đường băng ấy. Không phải ai cũng phối hợp được sức đọc và sức cảm để có những tác phẩm đầy cá tính. Xuân Diệu là người suốt đời khao khát, suốt đời thiếu hụt. Tôi đã không ít lần được ngắm nhìn Xuân Diệu... ăn. Ông ăn ngon lành và mê say như thể không biết còn được ăn một lần nữa không. Bây giờ thì tôi hiểu : Ông “*đói*” đời sống, cái đời sống cụ thể, tươi mơn, tràn trề, sinh động kia, Ông “*vội vàng*” vì bị cái cảm thức “*trôi qua*” đe dọa. Chính từ cái chênh vênh giữa tồn tại và hư mất ấy, mà Ông làm thơ. Một quả sáu một quả si hay một quả táo với Ông là cả “*một khối hồng*”. Khối hồng ấy chính là đời sống. “*Có lẽ mùa xuân lú lười tôi / Lời dẫu tôi nói chưa nên lời / Dâu vừa mơn mớn, vừa xa thắm / Vừa lá long lanh, hom mát tươi*” (**Trên bãi sông Hồng**). Bãi dâu ấy với Xuân Diệu cũng chính là đời sống. Ông là một trong những nhà thơ ngợi ca đời sống tuyệt vời nhất không chỉ của thơ ca Việt Nam. “*Thèm đời sống*” là cái thèm đặc trưng trong thơ Xuân Diệu. Có lẽ nên đọc Ông bắt đầu từ đó. “*Cay sống mũi như là ăn rau cải*” (**Lệ**). Tôi chưa thấy ai có một so sánh đột ngột như thế, cái cảm giác “*cay sống mũi*” lúc muốn khóc lâm li hơn cái cảm giác “*cay sống mũi*” khi ăn rau cải cay hay mù tạt chứ ă ! Thơ Xuân Diệu đã vượt qua sự “*lâm li*” truyền thống ấy để nói với ta một điều : cảm giác là cảm giác. Và khi là cảm giác về đời sống, của đời sống thì tất cả đều có thể tương đồng. Dường như Apollinaire cũng đã ngợi ca một cảm giác như thế.

Quảng Ngãi, sắp tới kỷ niệm 20 năm ngày
Xuân Diệu vĩnh biệt đời sống này.

Hoả châu

Vũ Hồi Nguyên

*Ôi đêm dài hỏa châu đốt sáng
Cho dòng máu trong con phai màu*

Trịnh Công Sơn – Đêm Bảy Giờ Đêm Mai

Sài Gòn, 1967

Chúng nó ba đứa, thằng Tráng, thằng Tuấn, thằng Thành, nhưng giống truyện *Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ*, phải kể là bốn với cái đuôi là con nhỏ Thi, em thằng Thành, « *thứ con gái mới lớn, điệu roi điệu rụng, thế mà cứ đòi bám theo các anh* », đây là ý kiến của ông anh quý. Ba cậu năm ấy tuổi 18-19, coi trời bằng vung, chỉ còn một năm trung học là bước vào cuộc đời thực sự, đầy đủ mồ hôi và nước mắt. Con Thi phải chờ thêm 2 năm mới có thể rời ổ chim của nó, trường Couvent Des Oiseaux với mấy cái mỏ xí xỏ tiếng Tây suốt ngày. Ba thằng thi học trường Jean-Jacques Rousseau, nơi tụ tập con cái nhà giàu, kiểu bố là giám đốc công ty dược phẩm lớn như thằng Tuấn, tuy vẫn lọt vài đứa con công chức như thằng Thành, hay gia đình nghèo nhưng Công giáo di cư như thằng Tráng. Chúng nó học cùng lớp trong nhiều năm, đến năm cuối Thành theo ban toán, Tuấn ban khoa học thực nghiệm, và Tráng ban triết.

Bộ ba dính vào nhau như mấy ngón cùng một bàn tay, kháng khí chẳng khác có liên hệ ruột thịt. Chúng nó có thói gần cổ cái nhau hết chuyện này qua chuyện nọ. Nhưng không đề tài nào mà không mang ra mổ xẻ chung. Không chuyện tình ở lứa nào, thật hay tưởng tượng, mà không phơi ra cho cả bọn. Mấy thằng gặp nhau hàng ngày. Căn phòng ổ chuột của Tráng nhiều lần chứng kiến ba chú nằm lăn ra ngủ dưới đất, khi đêm đã vào giờ giới nghiêm lúc nào không hay. Mỗi lần, bố mẹ lại tội nghiệp quý tử của mình phải thức khuya học thi. Đứa nào buồn bực điều gì thì hai đứa kia bị lây ngay, mắt ăn mắt ngủ làm như chuyện của mình. Thằng Tuấn tư bản sẵn sàng tiếp tế mọi vật chất, từ rượu whisky mua ở PX tới quần áo cà vạt đi nháy đăm. Thằng Tráng ở một mình, phòng mở cửa bất cứ giờ nào cho những con khắc khoải bất ngờ của bạn. Và chỉ những hẹn hò của bộ ba mới làm thằng Thành hy sinh một cái *boum* nhiều gái hay một buổi học Anh văn ở Hội Việt-Mỹ. Vô duyên là con Thi, chẳng can dự gì, cũng có lúc bị trần trụi bởi những ý tưởng sôi sục của anh Tuấn, hay một bài thơ đầy ẩn dụ anh Tráng tặng nó.



Năm 1967 cuộc chiến đã cao độ, lính Mỹ đã nhiều, nhưng các thành thị miền Nam chưa biết những cuộc tổng tấn công của phe địch. Sài Gòn cố che giấu bạo động và lo sợ dưới một lớp phòn thịnh giả tạo và bằng lối hưởng thụ bừa bãi. Khác gì khuôn mặt trát son trát phấn và nụ cười nhàu nát của một cô

gái bán bar. Người ta ai cũng biết có những chiếc cam nhông chờ đêm tối để chờ xác chết từ mặt trận về. Người ta đoán còn nhiều vụ bom plastic nổ như ở phòng trà Tự Do. Nhưng đã qua rồi những ngày biểu tình chống độc tài gia đình trị hay các cuộc đảo chính giữa tướng lãnh, và chưa đến giai đoạn có các vụ dốt xe lính Mỹ. Nghĩ cho cùng, một chàng công tử trường Tây như Tuấn, nếu không quen Tráng và các mối quan hệ đáng sợ của nó, chắc cậu ám chỉ đi lại những khu sang trọng của thành phố, và la cà ở *Cercle Sportif Saigonnais*. Có ra ngoài cùng lắm là đi tắm biển ở Vũng Tàu hay nghỉ hè ở Đà Lạt. Đất nước chi biết vậy, và hàng ngày tới trường lại học một thế giới văn minh ở rất xa, chẳng ăn nhằm gì tới thực tế của quê hương mình.

Chiến tranh chưa vào thủ đô, nhưng tin tức chiến trường ngày càng nhiều trên mặt báo. Trước đây, trong suốt mấy năm trời, Thành có một công việc hàng ngày, vừa làm việc hiệu vừa kiếm tiền túi. Đó là ngồi đọc báo Ngôn Luận cho ông ngoại của nó mắt đã loà. Khoảng cuối chiều, hai ông cháu mang hai chiếc ghế xếp lên sân thượng ở nhà, vừa hứng gió vừa chung nhau đôi mắt đảo một vòng tình hình quốc tế và quốc nội. Những lúc đó, Thành thích tìm tin chiến sự, những thành tích của phe « Thế giới Tự do ». « *...Sau cuộc ác chiến, Việt gian cộng sản để lại 16 xác chết, 9 tù binh, 2 khẩu đại liên, nhiều AK47 và vũ khí đủ loại, phía ta có 4 chiến sĩ hy sinh* ». Thành càng đọc càng hăng, thấy những con số ngày này qua ngày khác cứ tăng dần như những kỷ lục bị hạ. Nó chẳng cần biết lúc nào ông ngoại nó đã thấy đủ chiến thắng, chỉ chờ nghe đoạn truyện *Thủy Hử* đăng trong ngày.

Muốn lại gần chiến tranh hơn phải đến chỗ ở của Tráng. Vào sâu những con hẻm chẳng chạm ven sông Sài Gòn. Cái xóm lao động này đã mấy lần cháy lớn, nhưng vẫn chẳng ai giải toả được để chiếm lại đất. Ở đó, có biết bao nhiêu gia đình thiếu vắng người cha hay một hai người con. Có biết bao nhiêu nông dân bỏ ruộng làng chạy loạn lên tỉnh. Đây rẫy những mảnh đời tan nát và những câu chuyện kinh hoàng. Ngay trong gia đình Tráng, ông anh lớn đã trốn đi Long Xuyên rồi mà cuối cùng vẫn phải tình nguyện vào dân vệ tại chỗ, khi tờ khai sinh giá bị lộ. Xóm ngày càng nhiều thương phế binh và kẻ ngủ đường ngủ chợ. Tối đến, ai cũng nom nớp lo các đội quân cánh đến bắt lính. Bây giờ thanh niên biết chạy đâu, không còn có thể chui vào những chiếc chum lớn hứng nước mưa, hay lặn dưới các nhà cầu nhỏ ra sông. Vậy mà có hôm cô Thi không nhận được tờ mồi, lấy cơ kiếm ông anh để đập solex đến coi nơi trú của Tráng. Đúng là điếc không sợ súng. Ra mở cửa, Tráng thấy Thi mặt xanh như tàu lá. Con nhỏ vừa thoát khỏi những cặp mắt soi mói của các thân xác nằm ngổ trên lối đi, và những lời phê bình thô tục của mấy đám côn đồ. Sẽ không bao giờ có lần khác, Tráng nghĩ vậy. « *Thi đừng sợ, anh quen hết tụi nó mà, thật ra tụi nó chỉ có bề ngoài là dữ tợn thôi* ». Tráng đâu kể thêm rằng mình đã từng làm trung gian thuê mướn vài gã, mang mã tấu và dao phay lên trường Jean-Jacques Rousseau đụng độ với băng du đảng xóm Tôn Đản. Dù sao, hôm đó Thi hiện ra trước mặt Tráng như một phép lạ, ai ngờ Chúa vẫn còn thương một đứa con đã quên đạo từ lâu.



Thời đó là thời của mọi nghịch lý, và những chuyện gian xảo vô liêm sỉ tràn ngập xã hội. Vô số thanh niên thấy tuổi trẻ

của mình bị tước đoạt, đâm ra bất mãn và đầy ý tưởng nổi loạn. Trong ba đứa bạn, Tuân là kẻ có thái độ phản kháng dữ dội nhất. « *Tao tự hỏi, ngày hôm nay còn được bao nhiêu sự giàu có lương thiện, không lợi dụng chiến tranh, không giành lấy quyền sống của người khác* ». Nó tuyên bố dứt khoát ly khai cái « giai cấp tư sản » của mình. Nó muốn đạt tới một ý thức chính trị cách mạng, khởi đi từ sự chống đối triệt để mọi giá trị của cái môi trường người ta dành cho nó. Trường Tây là biểu tượng đầu tiên phải đập đổ, « *tàn dư của chế độ thực dân đã dành, nhưng trước hết trường này là một ưu đãi dành cho con ông cháu cha, nó đào sâu thêm cách biệt giữa tầng lớp cầm quyền và các tầng lớp bị trị* ». Cái năm cuộc biểu tình bài Pháp đến bao vây trường, Tuân không ngại leo rào ra nhập đám đông hò hét đòi dẹp bỏ các cơ sở giáo dục của Pháp. Phải lâu sau đó, khi đã ở nước ngoài, Tuân mới hoạt động chính trị, nhưng hồi ấy nó là thằng đặt nhiều câu hỏi nhất về chiến tranh Việt Nam.

Từ chuyện đất nước Tuân bước qua tìm hiểu các tổ chức xã hội và hệ tư tưởng. Cái say mê chính trị tăng dần với số lượng sách đọc. Đọc đủ loại và không thứ tự, sách tây lẫn sách ta, sách lý luận và văn chương, từ Raymond Aron qua Louis Althusser, từ Nguyễn Văn Trung qua Nhất Hạnh, từ Emile Zola, Berthold Brecht qua Dương Nghiễm Mậu, Vũ Hạnh, vân vân... Con Thi hoa cả mắt trước kiến thức của hắn, ngồi nghe thằng đại trí thức này không biết chán, cố gắng theo tới cùng các lập luận vô cùng phức tạp. Có khi con nhỏ xúc động vì những phát biểu bất chợt cao thượng, « *tuổi trẻ chỉ lớn lên được bằng sự dấn thân vì tình người, khi biết dành những tình cảm đẹp nhất cho những kẻ yếu kém, những con người vong thân trong một xã hội áp bức* », « *Thi biết không, nhân vật trong La Condition Humaine, khi được hỏi tại sao đi dặt bom khủng bố, đã trả lời rằng kẻ khủng bố đầu tiên là cái chế độ chà đạp lên nhân phẩm người lao động* ». Con Thi hiểu lõm lõm, nhưng đủ thấy anh Tuân hơn hẳn mấy thằng nhãi cùng tuổi nó, còn sắc mùi sữa mà đã dấm tởm với cô nàng.



Ông anh của Thi không thiên về những lời lẽ to tát cao siêu, nhưng hắn bàn cãi chính trị cũng hăng say chẳng kém gì khi nói về nhiều thứ khác, như văn chương nghệ thuật, thể thao, thực bì da hay đánh phé. Chủ trương của Thành là cái gì cũng phải biết sơ sơ thì cuộc đời mới ra hồn. Làm sao sống cho hết mình, đón nhận mọi kinh nghiệm, yêu ghét tới cùng. Sách gối đầu của Thành là cuốn *Les Nourritures Terrestres*, một bản tuyên ngôn kêu gọi đốt sách, tự giải phóng mình khỏi ràng buộc của đạo đức xã hội, tận hưởng tức thì từng giây phút của hiện tại. « *Tụi mày phải bung ra, lấy sự tìm kiếm cái mới làm lẽ sống, vứt đi giáo dục Khổng Lão đè nén cá nhân, thoát hẳn ra ngoài tháp ngà trường Tây, đừng tự trói mình bằng những thói quen bảo thủ* ». Cho tới nhảy đầm cũng phải bỏ mấy *surprise-parties* của bọn Marie Curie hiền như bụt. Phải đến những chỗ có dân tứ xứ ăn chơi xả láng, nếu gặp đánh lộn thì chỉ việc chạy cho nhanh. Nơi quen thuộc của Thành là cái bãi giữ xe của một trường tư thực lớn, tối cuối tuần biến thành một chợ nhảy cho cả trăm người. Cứ thế cho tới ngày ở đó có mấy anh chàng biệt động quân bất mãn, làm nổ tung lựu đạn cho đáng kiếp cái hậu phương quá vô tư.

Thành lúc nào cũng có một mối tình để tâm sự với bạn bè.

Dĩ nhiên nó chê loại con gái trường Tây, kể cả mấy nàng váy cực ngắn và giày cổ cao kiểu Sylvie Vartan. Không, phải là một người đẹp trường Gia Long áo dài trắng trong, hoặc một thiếu nữ đứng bán hàng ngoài chợ tay thơm mùi trái cây. Đọc xong *Vòng Tay Học Trò* Thành si mê vô vọng một chị kỹ giả hơn nó cả chục tuổi. Nhưng lúc thất tình nặng hẳn vẫn tâm sự, « *Tao nghĩ khổ vì tình yêu cũng là một kinh nghiệm sống thật, đáng giá hơn những ngày tháng vô vị của kẻ sợ thử lửa. Một cuộc sống bình thản sẽ trở thành khô héo. Nói cho hai đứa mày biết, tao nhất định không bắt chước ông già tao. Ông luôn luôn đi tìm sự an toàn. Lo lập gia đình sớm để đừng trễ chuyện con cái, chọn nghề công chức để được yên thân, lúc nào cũng làm giống thiên hạ cho chắc chắn không sai lầm. Còn lâu tao mới sống như thế* ».



Càng không thể hình dung một cuộc sống chuẩn mực cho Tráng. Một cá nhân chẳng bao giờ chân đung đất, cứ tự về lấy thực tế cho riêng mình, tình cảm lúc nào cũng quá độ. Tráng khác hai bạn mình ở chỗ không ghét trường Tây. Giáo dục Pháp đã dẫn nó đến với những nhà văn lớn như Victor Hugo, Aragon, Céline, Jean-Paul Sartre, Albert Camus. Tráng lớn lên trong các trang tiểu thuyết và các bài thơ. Nó thờ bằng không khí của những vườn văn. Nó lang thang ở những chân trời của tưởng tượng. Đối với nó, « *thực tế chỉ là hình ảnh nghèo nàn của những ước mơ biến thành thỏa hiệp* ». Một điều kỳ lạ, có ai như thằng Tráng này, nó nhìn hàng ngày những cảnh tượng của một thực tế sôi bồng, vậy mà đầu óc nó vẫn bay bổng tận đâu.

Tráng làm kẻ hướng dẫn cho hai thằng kia khám phá văn chương Việt Nam đương thời, trên con đường tìm về nguồn của chúng nó. Bắt hai ông Tây con phải đọc Võ Phiến, Phạm Công Thiện, Nhã Ca, Duyên Anh, Chu Tử. Thi cũng nhập phong trào, bỏ thơ Prévert qua thơ Bùi Giáng. Năm 1967 là năm Tráng bắt đầu sáng tác. Một hôm, tự nhiên nó nghĩ về cô em gái của bạn nhiều hơn thường lệ, và mấy dòng thơ hiện ra từ từ như một điệu khúc tình cờ bắt được. Rồi cũng cô Thi này trở thành một nhân vật tuyệt vời trong truyện ngắn đầu tiên của Tráng ta. Cái thằng chỉ học được vài giờ văn chương Việt Nam ở trường, lại là những giờ trưa bạn bè thường dành để ngủ và tiêu com, thế mà bây giờ nó đòi làm nhà văn mới chết chứ ! Nhưng anh chàng Tráng có một uy tín ghê gớm với nàng Thi. Con nhỏ chắc chắn một cái đầu nghệ sĩ như vậy là cả một kho tàng những cái đẹp trên đời này. Nó nào ngờ chính mình cũng hiện diện trong đó như một thần tượng ở ngoài mọi tầm với.

Và may hơn nữa, Thi không biết rằng ở cả ba thanh niên nàng phục, các lý tưởng cao đẹp lẫn lộn với những nhu cầu suy đồi mang ít nhiều tính bạo động. Trong mắt họ, nhiều giá trị đang chảy nghĩa dần, bất kể sự ồn ào của những kẻ đạo đức giả cố duy trì một trật tự xã hội đã rệu rã. Họ muốn vượt qua mọi cảm đoán để nhìn cho hết sự thật, xoá cho sạch những ảo tưởng còn lại ở mình. Không chừng có một cái giá họ phải trả để trưởng thành vào những năm ấy.



Trò truy lạc đầu tiên của Thành, Tuân và Tráng là uống

rượu để say. Rượu đối với chúng nó không là giải trí hay một cách làm đàn ông. Rượu là phương tiện để trút bỏ bất mãn trong người. Rượu giúp lời nói bắn phá vào các điều dơ bẩn thối tha nhìn thấy. Phải đi tới tận cùng cơn say, để đến một nơi giải thoát, ở đó không còn cần thận trọng từ tốn, tiếng cười tiếng khóc có thể bật lên chân thật. Rượu loại nào cũng được, thùng Bia 33 hay chai whisky, hết anh chàng Johnny Đi Bộ thì qua nếp than, hết nếp than thì sợ gì mấy loại cồn pha trộn bán chui ở chợ trời. Ban ngày ba đứa ngồi quán nhậu bình dân, chúng nó tìm những quán thật rẻ để uống được nhiều, có khi đồ nhắm chỉ vón vụn đĩa xương cá nghiền vụn. Ban đêm chui vào nhà thằng Tráng cho có chỗ kéo dài đến sáng.

Căn phòng Tráng thiếu đủ thứ, phải trồng chất sách lên nhau để làm ghế ngồi. Buổi nhậu bắt đầu bằng những chiếc ly đụng vào nhau đàng hoàng, nhưng hễ dẹp đi mấy câu chúc tụng hình thức. Rồi bắt đầu những tranh cãi về đủ mọi đề tài. Chính trị, gái, triết lý, một trận đá banh, một vấn đề văn hoá, vân vân. Chuyện gì cũng biến thành phân tích, tổng hợp, lý luận, phản biện, khẳng định, phủ cập. Thề nào cũng có phần thằng Tuân ngập lộn trong mấy lý thuyết chính trị, thằng Tráng mất sáng ngời vì một tuyệt tác văn chương, thằng Thành bênh vực tới hết nước bọt một hiện tượng thời trang bị coi là vớ vẩn. Nói nhiều khô cổ, lại phải uống, các ly sau đó cạn đi càng lúc càng nhanh. Những điệu Méliá vàng, Bastos đỏ rít không ngừng, chai sẽ tu thẳng không cần ly. Cho tới khi rượu thấm sâu, làm rã rời mọi suy nghĩ, khi ấy chẳng còn vấn đề nào quan trọng, nói gì cũng bằng thừa. Thằng Thành sẽ đòi cây đàn ghi ta, rồi để chọc tức bạn, giọng thư sinh của nó sẽ đi vài bản nhạc lính tráng, « *anh là lính đa tình / tình non sông núi biển...* », « *một trăm em ơi / chiều nay một trăm phần trăm...* », « *viết tên em trên ba lô nặng trĩu / bước quân hành dìm chân đôi hoa tím...* », « *em hậu phương / còn anh nơi tiền tuyến...* ». Bàn tay run rẩy của thằng Tráng sẽ nguệch ngoạc trên giấy vài câu chữ điên cuồng nó gọi là « *những vết hằn trên thân thể của tình thương* ». Thằng Tuân sẽ lục tìm một cuốn sách có nội dung xứng đáng làm gối cho nó ngã mình. Từ đó bắt đầu lại trở về. Vì những chuyện tình không đẹp như trong nhạc thơ. Vì chẳng mấy ai bây giờ còn từ tế với nhau. Vì cái loạn của xã hội đã lan tràn vào óc vào tim con người. Lời nói quay ra chửi đời. Không gian chung quanh cứ mờ dần, thằng nào đó nói gì nghe không còn rõ, chẳng biết có hay không một tiếng khóc, rồi mắt bắt đầu nhìn thấy những bức tường chuyển động, cuối cùng cơn nôn mửa ập đến như một khoái lạc tốt cùng, chẳng kịp dúi nhau ra tới sống đàng sau nhà.



Thành, Tuân và Tráng hay kể cho nhau những câu chuyện lừa dối giữa đàn ông và đàn bà. Những quan hệ giả dạng tình yêu. Dứt khoát không thể có tình yêu khi cái chết là nỗi ám ảnh thường trực, khi lối sống vội chỉ có những trao đổi nhất thời, khi người ta giành giật nhau mọi thứ để tồn tại. Từ đó, ba đứa chúng nó chỉ biết yêu những hình bóng thiên thần do mình tưởng tượng. Với con gái đời thật chẳng còn gì khác ngoài thèm muốn thể xác. Năm 1967 là năm ba cậu rủ nhau « *xuống xóm* ». Một đường tắt để trưởng thành cho xong. Cũng có cái thu hút của mục đời bại tuyệt đối, không nữa vời.

Đó là những buổi trưa cuối tuần, ở ngoài hẻm thành phố,

chỗ bắt đầu những con đường đất lồi lõm dài giữa những cánh đồng khô. « *Xóm* » là vài căn nhà mái tranh tùm lại hiền hậu giữa một không gian thoáng tĩnh. Những khách tuổi Thành, Tráng và Tuân không gây ngạc nhiên, chỗ này đủ loại thể hệ, giống nhau ở túi tiền giới hạn. Ba chàng thanh niên đã quen hầu hết các bà chị, ít thay đổi hơn các cô gái. Chị Hai xưng hô với họ là má và con, chị Búp lùn nào cũng có một chút kẹo gừng cho ba cậu khi về, chị Huệ chỉ thích phết ớt thằng Tuân, « *con trai gì mà trắng như bột gạo* ». Ba đứa làm về ung dung thoải mái. Trước hết là ngồi xuống gọi bia hơi và hột vịt lộn. Thịnh thoảng được một cô gái đến phẩy quạt lá, có lẽ cần khô mồ hôi trước cuộc cọ xát xác thịt. Chúng nó bắt chuyện với những kẻ ngồi gần, một anh lính vừa thoát địa ngục, một nhà tiểu thương tự thưởng mình nhân một lần trúng mồi, hay một thiếu nữ quả quyết chỉ làm việc ở đây một thời gian ngắn. Thằng thắng rồi thằng Thành sẽ đòi một người yêu nhất định, thề mới đúng là khách quen thuộc, em Tơ hay cười toe toét hay em Tố Như mắt buồn vời vời. Hai thằng kia sẽ ngắm nghía xem thân thể nào đáng thử, đừng quá gân guốc, tuổi tác không quan trọng, bộ ngực thì thường không đến nỗi nào ở mấy cô nông dân. Sau đó thằng con trai theo cô gái vào một không gian nhỏ, không thể gọi là phòng vì sàn là đất, và chẳng có gì ngoài tấm phản trải chiếu và cái chậu nhôm sẵn nước với chiếc khăn lau. Cô gái không son phấn, không đồ lót dưới bộ bà ba, cô sẽ không nói em yêu anh và không cho hôn môi. Nhưng cậu khách trẻ sẽ được trọn vẹn một thân thể đàn bà, nhả nài, thông cảm, đôi khi triu mến. Đối với cậu ta, người phụ nữ ấy không có khuôn mặt, quá khứ và tương lai cũng không, nhưng nàng chịu đón nhận tất cả thềm muốn lần hần học đến từ một thanh niên thân mật trong một lúc ngắn. Miễn là hần đừng khó chịu vì tiếng radio mở lớn gần đó, hay giọng ngâm cái lương của cô gái làm tình ở phòng bên cạnh. Mỗi lần như vậy, dưới những mái tranh che mưa che nắng, ba đứa bạn lại tìm được một nơi đối chác không vắng hần tình người, bển bờ cho những tâm trạng lạc loài.



Buổi tối nóng nực mấy đứa thường leo lên sân thượng nhà Thành. Ở chỗ này không được phép say sưa và tranh cãi lớn tiếng, nhưng Tuân và Tráng được sự có mặt của Thi. Con nhỏ luôn luôn lấy cớ này cớ nọ xuất hiện, nói chỉ ngồi vài phút vì bận học, sau đó nhập cuộc luôn. Khu nhà Thành không còn cái yên tĩnh trước đây của một khu gia đình công chức. Vài chỗ hẹn cho lính Mỹ đã len lỏi vào giữa chẳng biết từ lúc nào. Nhưng trên sân thượng không khí nháo nhác của đường phố bớt hẳn. Những con hẻm chật chội phía dưới nhường chỗ cho một bầu trời bao la. Ba thằng về đây để tâm hồn lắng dịu, để kể cho nhau những cuộc phiêu lưu lè, chia sẻ với nhau những tâm tư chẳng giữ được cho riêng mình. Có khi chỉ cần ngồi bên nhau trong ánh sáng mong manh của một chiếc đèn dầu, hưởng những ngọn gió thoáng, hát nhỏ một bản tình ca cho riêng một người. Cả những giây phút im lặng cũng quý. Những lúc đó, hơi thở của đêm nghe sát gần, ấm áp như tình bạn đã đọng lại nơi này.

Vậy mà yên lặng chẳng mấy khi được hoàn toàn. Thịnh thoảng, ở một hai nhà cách đó, có những cửa sổ để vọng ra ngoài tiếng đùa nghịch, tiếng cười, tiếng rú của mấy chàng lính Mỹ và mấy cô gái tiếp đãi. Những lúc đó, thằng Tuân

đứng vụt dậy, nó chạy từ góc này qua góc kia, nhìn cho bằng được khối thịt đồ sộ của thằng đàn ông ngoại quốc, thịt trắng thịt đen, đê lên thân thể nhỏ bé của cô gái Việt. Chỉ có Thi theo dõi Tuân, cứ chực đứng lên can hấn rồi lại thôi, tất cả xốt xa lộ rõ trên mặt. Thành mặc kệ, nó bậm lẳng tai nghe tiếng ì ầm của đại bác hay bom rơi ở xa, « *còn xa lắm chúng mày ơi, để tao đoán bao nhiêu cây số nhé, xem thử xa hay gần hơn hôm trước* ». Sau đó, làm như Thành thất vọng vì khoảng cách không giảm nhanh hơn, cái khoảng cách bắt nó chịu đựng mãi những ngày tháng không thật. Tráng thì mãi nhìn về những phía có hoa châu lũng địch hay bảo vệ thành phố. Những đốm sáng loé ra trong vài giây, rồi sót lại những đường rạch trên da trời trở về dần bóng tối. Tráng đã cố lần tức giận, « *Tại sao phải nằm mơ mới thấy được một đêm bình thường, chỉ có ánh sáng của trăng sao và âm thanh của gió?* » Năm ấy chẳng có câu trả lời. Trên sân thượng nhà Thành đêm như vậy, đau tiếng đại bác, tiếng bom, tiếng cười khà ó, và loang lổ vết sáng của những ngọn hoa châu. Khiến ba chàng thanh niên và cô gái hoang mang về số phận may mắn của mình. Tiếng đàn giọng hát những đêm đó nặng cả một nỗi niềm u uất. Trước đây họ thích những bản nhạc tiền chiến, như một cách chối từ hiện tại. Nhưng năm 1967 họ không còn hát Văn Cao và Đoàn Chuẩn - Từ Linh. Họ chuyển qua các Ca Khúc Da Vàng của Trịnh Công Sơn, những bản nhạc đã đưa sự thật chiến tranh vào ý thức của những thanh niên đứng ngoài cuộc.



Cuối năm cả ba đứa bạn đều đậu tú tài. Đối với Tuân, đi du học sau đó là chuyện đương nhiên, như đối với đa số bọn học cùng lớp. Chính phủ cấm đi Pháp thì nó đi Thụy Sĩ, rồi sẽ tìm cách qua Paris, chọn một trường khoa học xã hội tiên bộ. Qua bên đó nó sẽ được đọc Karl Marx. Thành đậu cao vì trúng tú nhiều môn, Anh văn nó lại có sẵn bằng, nên được học bổng đi Mỹ. Tráng ở lại, có lẽ sẽ ghi tên vào Đại học Vạn Hạnh. Chẳng phải thằng Công giáo đi cư muốn đổi qua đạo Phật, nhưng nó phục một vài khuôn mặt trí thức trong môi trường đại học này. Thế là ba thằng bạn thân sẽ mỗi đứa một con đường. Tráng nói « *hợp tan là lẽ vô thường của mọi chuyện trên đời* ». Cậu ta đã bắt đầu phát ngôn như một Phật tử chính hiệu.

Tráng đứng ra tổ chức ở nhà lần họp mặt cuối cùng, hai ngày trước buổi Tuân lên máy bay. Thi nhanh nhẩu tình nguyện làm bánh kem kiểu Pháp đem lại (ai cũng biết là mẹ nó sẽ lo), nên vấn đề cô á có mặt hay không chẳng còn đặt ra. Chúng nó đã đồng ý với nhau từ đầu, nhất định sẽ không là một buổi chia ly bi đát, mà là dịp chào mừng cuộc đời của mỗi đứa. Căn phòng Tráng hôm ấy chính nó cũng không nhận ra, sạch đến độ giả dối, có tới cả một lọ hoa Thi cho mượn. Đồ ăn là các món thịt chó thơm phức, mua ở quán « *Sống Trên Đời* » trước mặt Viện Hóa Đạo Phật giáo. Thành tuyên bố cô em gái hôm nay ăn chay để giữ eo. Thức uống đặc biệt cao cấp, Tuân xin được của bố mấy chai rượu đỏ Bordeaux và một chai Chivas 15 năm. Ngồi ăn dưới đất nhưng có bát đĩa sang trọng của nhà Tuân và khăn vải chùi miệng như Tây.

Có lẽ vì vậy mà không khí lúc đầu không mấy tự nhiên. Chủ nhà hơi quá vui, trong khi cô khách duy nhất mặt như đưa đám. May thay, món rửa mặt làm mọi người thoải mái dần.

Những câu chuyện tiêu lâm được mang ra, càng lúc càng bậy. Con Thi cười khanh khách, cứ đòi kể thêm. Ăn xong thì đến mục bất ngờ Tráng dành cho bạn. Nó ra ngoài một lúc rồi trở vào với ba đàn ông đầu trâu mặt ngựa. Dẫn đầu là một gã đầu trọc, được giới thiệu là Bảy Búa, chúa đảng của xóm này, mới ở tù ra được vài tháng. Anh Bảy cười hiền lành và nói nhỏ nhẹ, « *Được tin hai anh sắp đi ngoại quốc, tụi em vô chúc các anh qua đó học cao hiểu rộng, cho bọn Mỹ nó hết khi rẻ dân mình.* » Phái đoàn vui lòng ngồi xuống uống một ly, chỉ một ly thôi, gọi là ly tình nghĩa. Đủ để con Thi bị thôi miên bởi những vết sẹo và hình xăm trên da họ. Khi còn lại bốn đứa, chúng nó ngồi im lặng một hồi lâu. Im lặng lần này như muốn giữ lại thời gian. Như nói lên hết sự thừa thãi của những bày tỏ tình cảm. Rồi chúng nó thử tiên đoán tương lai của nhau. Chẳng đứa nào sẽ tập trung làm giàu hay giành địa vị trong xã hội. Chẳng đứa nào sẽ tìm cho bằng được cách khôn ngoan hơn thiên hạ. « *Tuân, những lý tưởng ở mày, dù nhiều lúc làm mày thất vọng về con người, chúng sẽ cho đời mày lúc nào cũng đầy đủ ý nghĩa* », « *thằng Thành lụy sự sống ở khắp nơi, nhờ vậy mà thế giới của nó sẽ rộng ra mãi với những gì tiếp nhận được từ từng cá nhân nó gặp* », « *Tráng này, hành trình của mày chỉ có thể cô đơn, nhưng mày sẽ tự do hơn nhiều kẻ khác, và cái tự do này quý chẳng kém bất cứ niềm hạnh phúc nào mày thiếu* »... Sau đó mỗi đứa tìm một bản nhạc vui để hát. Nhưng khó quá, bài nào chọn cũng buồn làm sao, cứ nửa chừng lại bỏ. Cho đến khi Thi hát :

*Xin cho mây che đù phận người
Xin cho tôi một sáng trời vui
Xin cho tôi đến tận nụ cười
Cho tôi quên một nắm mồ tươi
Xin cho tôi xin vạn lần rồi
Một góc này chỉ biết rong chơi
Xin cho tôi yên phận này thôi...*

Giọng ba thằng con trai hoà vào giọng đứa con gái khi lời hát bắt đầu nhem nhòa. Chỉ lúc đó chúng nó mới hiểu, tình bạn này sẽ không bao giờ gặp lại. Tình bạn này thuộc riêng về cái thời những trái hoá châu làm quên đi các vì sao trong đêm.

Vũ Hồi Nguyên

Tháng 10.2005

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry-sur-Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)